Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHƠN TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI - CHỦ ĐỀ 332

TẦM TỨ

332

Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP

1. *Lời giới thiệu*

– *Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.*

– *Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.*

– *Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận* ***đánh***

***dấu,* tô màu** *những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.*

2. ***Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?***

– *Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.*

– *Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.*

– *Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết*

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

– *Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*

– *Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*

– *Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học vàPháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*

– *Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- *Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.*

- *Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cấm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.*

- *Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu*

không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sanh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với ***năm thủ uẩn.***

3. Lòng tri ân

- *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 Căn bản để lậu tận là gì - Kinh Chánh kiến – Tăng I, 698

CHÁNH KIẾN – *Tăng* I, 698

❖ Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thực hành con đường thông suốt và có những căn bản thẳng tấn để đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là bốn?

- Tầm viễn ly,
- Tầm không sân,
- Tầm không hại,
- Chánh tri kiến.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hành con đường thông suốt và có những căn bản thẳng tấn để đoạn diệt các lậu hoặc.

2 Định nghĩa - Là Suy tầm và Suy tư - Kinh Các Tầm – Tương V, 606

Các Tầm – *Tương* V, 606

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, **chớ có suy tầm** các tầm ác, bất thiện, như dục tầm, sân tầm, hại tầm. Vì sao?

3) Các tầm ấy, này các Tỷ-kheo, không liên hệ đến mục đích, chúng không phải căn bản cho Phạm hạnh, chúng không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

4) Khi các Ông suy tầm, này các Tỷ-kheo, các Ông hãy suy tầm: "**Đây là khổ**"... hãy suy tầm: "Đây là Khổ tập"... hãy suy tầm: "Đây là Khổ diệt"... hãy suy tầm: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt". Vì sao?

5) Các suy tầm ấy, này các Tỷ-kheo, liên hệ đến mục đích, chúng là căn bản cho Phạm hạnh, chúng đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cố gắng cần phải

làm để rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

Suy Tư – *Tương* V, 607 (Cintà)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, **chớ có suy tư** ác, bất thiện tầm: "Thế giới là thường hằng", hay "Thế giới là vô thường", hay "Thế giới là hữu biên", hay "Thế giới là vô biên", hay "Sinh mạng này, thân thể này là một", hay "Sinh mạng này, thân thể này là khác", hay "Như Lai có tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết". Vì sao?

3) Các suy tư ấy, này các Tỷ-kheo, không liên hệ đến mục đích, chúng không phải căn bản cho Phạm hạnh, chúng không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

4) Và có suy tư, này các Tỷ-kheo, các Ông hãy suy tư: "Đây là Khổ"... hãy suy tư: "Đây là Khổ tập"...

hãy suy tư: "Đây là Khổ diệt"... hãy suy tư: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt". Vì sao?

5) Các suy tư ấy, này các Tỷ-kheo, liên hệ đến mục đích, chúng là căn bản cho Phạm hạnh, chúng đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

3 Định nghĩa - Là Tầm cầu và Tư sát - Kinh Kàmabhù 2 – Tương IV, 458

Kàmabhù 2 – *Tương* IV, 458

1) Một thời Tôn giả Kàmabhù trú tại Macchikàsanda, tại rừng Ambàtaka.

2) Rồi gia chủ Citta đi đến Tôn giả Kàmabhà; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Kàmabhù, rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi một bên, gia chủ Citta thưa Tôn giả Kàmabhù:

-- *Bạch Thượng tọa, có bao nhiêu* ***hành*** *tất cả?*

-- Này Gia chủ có ba hành: thân hành, khẩu hành và ý hành.

-- Lành thay, bạch Thượng tọa.

Gia chủ Citta hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Kàmabhù nói, rồi hỏi thêm Tôn giả Kàmabhù một câu nữa:

-- *Bạch Thượng tọa, thế nào là thân hành? Thế nào là khẩu hành? Thế nào là ý hành?*

-- **Hơi thở vô, hơi thở ra**, này Gia chủ, là thân hành. **Tầm và tứ** là khẩu hành. **Tưởng và thọ** là ý hành.

-- Lành thay, bạch Thượng tọa.

Gia chủ Citta hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Kàmabhù nói, rồi hỏi thêm Tôn giả Kàmabhù một câu nữa:

5) -- *Vì sao, bạch Thượng tọa, thở vô thở ra là thân hành? Vì sao tầm và tứ là khẩu hành? Vì sao tưởng và thọ là ý hành?*

- *Thở vô thở ra, này Giả chủ, thuộc về thân. Các pháp này liên hệ đến thân; do vậy, thở vô thở ra là thân hành.*
- *Trước phải **tầm cầu, tư sát**, này Gia chủ, sau mới phát lời nói; do vậy, tầm và tứ là khẩu hành.*
- *Tưởng và thọ thuộc về ý. Những pháp này liên hệ đến tâm; do vậy, tưởng và thọ là ý hành.*

-- Lành thay, bạch Thượng tọa.

Gia chủ Citta hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Kàmabhù nói, rồi hỏi thêm Tôn giả Kàmabhù một câu nữa:

6) -- *Như thế nào, bạch Thượng tọa, là **chứng Diệt thọ tưởng định**?*

-- Này Gia chủ, Tỷ-kheo chứng đạt Diệt thọ tưởng định không có nghĩ rằng: "Tôi sẽ chứng đạt Diệt thọ tưởng định", hay: "Tôi đang chứng đạt Diệt thọ tưởng định", hay: "Tôi đã chứng đạt Diệt thọ tưởng định". Do tâm vị ấy trước đã được tu tập như vậy, nên đưa đến thành tựu như thật như vậy.

-- Lành thay...

Gia chủ Citta hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Kàmabhù nói, rồi hỏi thêm Tôn giả Kàmabhù một câu nữa:

7) -- *Tỷ-kheo chứng đạt Diệt thọ tưởng định, bạch Thượng tọa, những pháp nào được đoạn diệt trước, thân hành, hay khẩu hành, hay ý hành?*

-- Tỷ-kheo chứng đạt Diệt thọ tưởng định, này Gia chủ, khẩu hành được diệt trước, thứ đến thân hành, rồi đến ý hành.

-- Lành thay...

Gia chủ Citta hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Kàmabhù nói, rồi hỏi thêm Tôn giả Kàmabhù một câu nữa:

8) -- *Bạch Thượng tọa, người đã chết, đã mệnh chung, và Tỷ-kheo chứng đạt Diệt thọ tưởng định, giữa những người này có những sai khác gì?*

-- Đối với ***người đã chết***, đã mệnh chung, này Gia chủ, thân hành người ấy được đoạn diệt, được khinh an; khẩu hành được đoạn diệt, được khinh an; ý hành được đoạn diệt, được khinh an, thọ mạng *được đoạn tận*, sức nóng *được tịnh chỉ*, các căn *bị hủy hoại*.

Còn ***Tỷ-kheo đã chứng đạt Diệt thọ tưởng định***, này Gia chủ, thân hành được đoạn diệt, khinh an; khẩu hành được đoạn diệt, khinh an; ý hành được đoạn diệt, khinh an; thọ mạng *không bị đoạn tận*, sức nóng *không bị tịnh chỉ*, các căn *được trong sáng*.

Này Gia chủ, người đã chết, đã mệnh chung và Tỷ-kheo chứng đạt Diệt thọ tưởng định, giữa những người này có những sai khác như vậy.

-- Lành thay...

Gia chủ Citta hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Kàmabhù nói, rồi hỏi thêm Tôn giả Kàmabhù một câu nữa:

9) -- *Như thế nào, bạch Thượng tọa, là ra khỏi Diệt thọ tưởng định?*

-- Này Gia chủ, Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định không có suy nghĩ: "Tôi sẽ ra khỏi Diệt thọ tưởng định", hay: "Tôi đang ra khỏi Diệt thọ tưởng định", hay: "Tôi đã ra khỏi Diệt thọ tưởng định". Do tâm vị

ấy trước đã được tu tập như vậy, nên đưa đến thành tựu như thật như vậy.

-- Lành thay, bạch Thượng tọa...

Gia chủ Citta hoan hỷ, tín thọ... và hỏi thêm câu hỏi nữa:

10) -- *Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định, bạch Thượng tọa,* ***pháp nào khởi lên trước****, thân hành, khẩu hành, hay ý hành?*

-- Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định, này Gia chủ, ý hành khởi lên trước, rồi đến thân hành, rồi đến khẩu hành.

-- Lành thay, bạch Thượng tọa...

Gia chủ Citta hoan hỷ, tín thọ... và hỏi thêm câu hỏi nữa:

11) -- *Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định, bạch Thượng tọa,* ***cảm giác được bao nhiêu xúc?***

-- Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định cảm thọ được ba xúc: **không** xúc, **vô tướng** xúc, **vô nguyện** xúc.

-- Lành thay, bạch Thượng tọa.

Gia chủ Citta hoan hỷ, tín thọ... và hỏi thêm câu hỏi nữa:

12) -- *Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định, bạch Thượng tọa, **tâm** thiên về đâu, hướng về đâu, nghiêng về đâu?*

-- Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định, này Gia chủ, tâm vị ấy thiên về viễn ly, hướng về viễn ly, nghiêng về viễn ly.

-- Lành thay, bạch Thượng tọa.

Gia chủ Citta hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Kàmabhù nói rồi hỏi thêm câu hỏi nữa:

13) -- *Bạch Thượng tọa, **có bao nhiêu pháp giúp đỡ nhiều cho sự chứng đắc Diệt thọ tưởng định?***

-- Thật sự, này Gia chủ, điều Gia chủ cần phải hỏi trước, Gia chủ lại hỏi sau. Tuy vậy, ta sẽ trả lời cho Gia chủ. Này Gia chủ, có hai pháp giúp đỡ rất nhiều cho Diệt thọ tưởng định được chứng đắc. Đó là **Chỉ** và **Quán**.

4 Định nghĩa - Thế nào là người Sống không đúng pháp - Kinh SỐNG THEO PHÁP 1 – Tăng II, 446

SỐNG THEO PHÁP 1 – *Tăng* II, 446

1. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- *"Sống theo pháp, sống theo pháp", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo là vị sống theo pháp?*

2. - Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thông suốt pháp tức là Khế kinh, Ứng dụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Không hỏi tự nói, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Trí giải hay Phương quảng. Vị ấy dùng trọn cả ngày để **học thuộc lòng pháp**, ***bỏ phế sống độc cư an tịnh, không nỗ lực chuyên chú vào nội tâm an chỉ***. Này Tỷ-kheo, đây gọi là **Tỷ-kheo thông đạt nhiều kinh điển, nhưng không sống theo pháp.**

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thuyết pháp cho các người khác một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt. Vị ấy dùng trọn

cả ngày để **trình bày pháp** cho các người khác, *bỏ phế sống độc cư an tịnh, không nỗ lực chuyên chú vào nội tâm an **chỉ***. Này Tỷ-kheo, đấy gọi là **Tỷ-kheo thuyết trình nhiều, nhưng không sống theo pháp.**

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị ấy dùng trọn cả ngày để **tụng học**, *bỏ phế sống độc cư an tịnh, không nỗ lực chuyên chú vào nội tâm an chỉ.* Này Tỷ-kheo, đây gọi là **Tỷ-kheo đọc tụng nhiều, nhưng không sống theo pháp.**

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với tâm tùy tiện, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị ấy dùng trọn cả ngày **suy tầm về pháp**, *bỏ phế sống độc cư an tịnh, không nỗ lực chuyên chú vào nội tâm an chỉ*. Này Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo suy tầm nhiều, nhưng không sống theo pháp.

6. Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, tức là Khế kinh, Ứng dụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Không hỏi tự nói, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Trí giải hay Phương quảng. Vị ấy **không dùng trọn cả ngày để học thuộc lòng pháp, không phế bỏ sống độc cư an tịnh, nỗ lực chuyên**

chú vào nội tâm an chỉ. Này Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống theo pháp.

7. Này Tỷ-kheo, như vậy ta đã thuyết về học thuộc lòng nhiều, đã thuyết về thuyết trình nhiều, đã thuyết về thuyết tụng nhiều, đã thuyết về suy tầm nhiều, đã thuyết về sống theo pháp.

Này Tỷ-kheo, điều gì bậc Đạo Sư cần phải làm cho các đệ tử vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng, vì lòng từ khởi lên, các điều ấy, Ta đã làm cho các Thầy. Này Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống. Này Tỷ-kheo, **hãy tu Thiền, chớ có phóng dật,** chớ có để về sau sẽ phải hối tiếc. Đấy là lời giáo giới của Ta cho các Thầy.

SỐNG THEO PHÁP 2 – *Tăng* II, 448

1. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- "Sống theo pháp, sống theo pháp", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là vị Tỷ kheo sống theo pháp?

2. - Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, tức là Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, không hỏi tự nói, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tăng hữu pháp, Trí giải hay Phương quảng, *nhưng không rõ biết mục đích tối thượng với trí tuệ*. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo học thuộc lòng nhiều, nhưng không sống theo pháp.

3. Lại nữa, đây các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thuyết pháp cho các người khác một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã học thuộc lòng, *nhưng không rõ biết mục đích tối thượng với trí tuệ*. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo, thuyết trình nhiều, nhưng không sống theo pháp.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng, *nhưng không rõ biết mục đích tối thượng với trí tuệ*. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo đọc tụng nhiều, nhưng không sống theo pháp.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như được nghe, như đã được học thuộc lòng, *nhưng không rõ biết mục đích tối thượng với trí tuệ*. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo suy tầm nhiều nhưng không sống theo pháp.

6. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, tức là Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng. Không hỏi tự nói, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Trí giải hay Phương quảng, **và biết mục đích tối thượng với trí tuệ**. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo sống theo pháp.

7. Này các Tỷ-kheo, như vậy Ta đã thuyết về học thuộc lòng nhiều, đã thuyết về thuyết trình nhiều, đã thuyết về đọc tụng nhiều, đã thuyết về suy tầm nhiều, đã thuyết về sống theo pháp.

Này các Tỷ-kheo, điều gì bậc Đạo Sư cần phải làm cho các đệ tử, vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng, vì lòng từ khởi lên, các điều ấy, Ta đã làm cho các Thầy. Này các Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống. Này các Tỷ-kheo, hãy tu Thiền, chớ có phóng dật, chớ có để về sau phải hối tiếc. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Thầy.

5 Định nghĩa - Tu tập có hướng tâm và không có hướng tâm là gì - Kinh Trú Xứ Tỷ Kheo Ni – Tương V, 241

Trú Xứ Tỷ Kheo Ni – *Tương* V, 241

1) Tại Sàvatthi...

2) Rồi Tôn giả Ananda, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi đến một trú xứ của Tỷ-kheo-ni; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn.

Rồi một số đông Tỷ-kheo-ni đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Ananda rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo-ni ấy thưa với Tôn giả Ananda:

3) -- *Ở đây, bạch Thượng tọa Ananda, một số đông* ***Tỷ-kheo-ni*** *sống khéo an trú tâm trên* ***bốn niệm xứ****, đạt được sự rõ biết (sampajànanti) quảng đại, trước sau thù thắng.*

-- Như vậy là phải, này các Đại tỷ! Như vậy là phải, này các Đại tỷ! Này các Đại tỷ, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào sống với tâm khéo an trú trong bốn niệm xứ, vị ấy được chờ đợi sẽ đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng.

4) Rồi Tôn giả Ananda với bài pháp thoại, sau khi tuyên thuyết cho các Tỷ-kheo-ni ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

5) Rồi Tôn giả Ananda sau khi đi khất thực ở Sàvatthi, sau buổi ăn, trên con đường khất thực trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, con, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi đến một trú xứ của Tỷ-kheo-ni, sau khi đến, con ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi, bạch Thế Tôn, một số đông Tỷ-kheo-ni đi đến con, sau khi đến, đảnh lễ con rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo-ni ấy thưa với con: "Ở đây, bạch Thượng tọa Ananda, một số đông Tỷ-kheo-ni sống khéo an trú tâm trên bốn niệm xứ, đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng". Khi được nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với các Tỷ-kheo-ni ấy: "Như vậy là phải, này các Đại tỷ! Như vậy là phải, này các Đại tỷ! này các Đại tỷ, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào sống với tâm khéo an trú trong bốn niệm xứ, vị ấy được chờ đợi sẽ đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng".

6) -- Như vậy là phải, này Ananda! Như vậy là phải, này Ananda! *Này Ananda, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào sống với tâm khéo an trú trên* ***bốn niệm xứ****, vị ấy được chờ đợi sẽ đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng.* Thế nào là bốn?

7) Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo sống, quán **thân** trên thân, **nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.**

- *Vị ấy trú, quán thân trên thân, hoặc thân sở duyên (kàyàrammano) khởi lên, hoặc thân nhiệt não (kàyasmin parilàho), hoặc tâm thụ động, hoặc tâm phân tán hướng ngoại (bahiddha va cittam vikkhipati); do vậy, này Ananda, Tỷ-kheo* ***cần phải hướng tâm đến một tướng tịnh tín*** *(pasàdaniyenimitta).*
- *Do vị ấy hướng tâm đến một tướng tịnh tín,* ***hân*** *hoan (pàmujjam: Thắng hỷ) sanh.*
- *Người có tâm hân hoan,* ***hỷ*** *sanh.*
- *Người có tâm hỷ, thân được* ***khinh*** *an.*
- *Người có tâm khinh an,* ***lạc*** *thọ sanh.*
- *Người có tâm lạc thọ, tâm được* ***định*** *tĩnh.*
- *Vị ấy tư sát như sau: "****Mục đích mà ta hướng tâm đến, mục đích ấy đã đạt được. Nay ta rút lui*** *(patisamharàmi) (khỏi đối tượng tịnh tín)". Vị ấy rút lui, không tầm, không tứ. Vị ấy rõ biết:*

"Không tầm, không tứ, nội tâm chánh niệm, ta được an lạc".

8-9) Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo sống, quán **thọ** trên các thọ... sống, quán **tâm** trên tâm...

10) Vị ấy sống, quán **pháp** trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, hoặc thân sở duyên khởi lên, hoặc thân nhiệt não, hoặc tâm thụ động, hoặc tâm phân tán, hướng ngoại; do vậy, này Ananda, Tỷ-kheo cần phải hướng tâm đến một tướng tịnh tín. Do vị ấy hướng tâm đến một tướng tịnh tín, hân hoan sanh. Người có hân hoan, hỷ sanh. Người có tâm hỷ, thân được khinh an. Người có thân khinh an, lạc thọ sanh. Người có lạc thọ, tâm được định tĩnh. Vị ấy tư sát như sau: "Mục đích mà ta hướng tâm đến, mục đích ấy đã đạt được. Nay ta rút lui (khỏi đối tượng tướng tịnh tín)". Vị ấy rút lui, không tầm, không tứ. Vị ấy rõ biết: "Không tầm, không tứ, nội tâm chánh niệm, ta được an lạc".

11) Như vậy, này Ananda, là sự tu tập về hướng tâm.

12) *Và này Ananda, thế nào là* ***sự tu tập không có hướng tâm****?*

13) Này Ananda,

- *Tỷ-kheo tâm không hướng ngoại, rõ biết: "Tâm ta không hướng ngoại".*
- *Rồi vị ấy rõ biết: "Tâm ta không chấp thủ đối với cái gì ở trước, hay cái gì ở sau (pacchàpure), nhưng được giải thoát, không có hướng tâm".*
- *Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán **thân** trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, ta được an lạc".*

14) Này Ananda,

- *Tỷ-kheo tâm không hướng ngoại, rõ biết: "Tâm ta không hướng ngoại".*
- *Rồi vị ấy rõ biết: "Tâm ta không chấp thủ đối với cái gì ở trước, hay cái gì ở sau, nhưng được giải thoát, không có hướng tâm".*
- *Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán **thọ** trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, ta được an lạc".*

15) Này Ananda, Tỷ-kheo tâm không hướng ngoại, rõ biết: "Tâm ta không hướng ngoại". Rồi vị ấy rõ biết: "Tâm ta không chấp thủ đối với cái gì ở trước... Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán ***tâm*** trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, ta được an lạc".

16) Này Ananda, Tỷ-kheo tâm không hướng ngoại... Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán ***pháp*** trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, ta được an lạc".

17) Như vậy, này Ananda, là tu tập không có hướng tâm.

18) Như vậy, này Ananda, Ta thuyết tu tập có hướng tâm; Ta thuyết tu tập không có hướng tâm. Những gì, này Ananda, một bậc Đạo Sư cần phải làm vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đối với các đệ tử, vì lòng từ mẫn khởi lên, những việc ấy, Ta đã làm cho các Ông. Này Ananda, đây là những gốc cây. Đây là những nhà trống. **Hãy tu Thiền, này Ananda. Chớ có phóng dật. Chớ có hối hận về sau**. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.

19) Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ananda hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

6 Định nghĩa - Tầm tứ là khẩu hành - Kinh TIỂU Kinh PHƯƠNG QUẢNG - 44 Trung I, 655

TIỂU KINH PHƯƠNG QUẢNG

(Culavedalla suttam)

– Bài kinh số 44 – *Trung* I, 655

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá), tai Veluvana (Trúc Lâm), chỗ Kalandaka Nivapa. Rồi nam cư sĩ Visakha đến chỗ Tỷ-kheo-ni Dhammadinna ở, sau khi đến, đảnh lễ Tỷ-kheo-ni Dhammadinna rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Visakha thưa với Tỷ-kheo ni Dhammadinna:

– Thưa Ni sư, ***tự thân****, tự thân, (Sakkaya), được gọi là như vậy. Thưa Ni sư, Thế Tôn gọi tự thân là như thế nào?*

– Hiền giả Visakha, Thế Tôn gọi **năm thủ uẩn** là tự thân, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Hiền giả Visakha,

năm thủ uẩn này, Thế Tôn gọi là tự thân.

– Lành thay, thưa Ni sư.

Nam cư sĩ Visakha hoan hỷ, tín thọ lời Tỷ-kheo-ni Dhammadinna nói, rồi hỏi Tỷ-kheo-ni Dhammadinna thêm một câu hỏi nữa:

*– Tự thân tập khởi, **tự thân tập khởi**, thưa Ni sư, được gọi là như vậy. Thưa Ni sư, Thế Tôn gọi tự thân tập khởi (Sakkayasamudaya) là như thế nào?*

– Hiền giả Visakha, khát ái này đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia, tức là dục ái, hữu ái và phi hữu ái. Hiền giả Visakha, **khát ái** này, Thế Tôn gọi là tự thân tập khởi.

*– Tự thân diệt, **tự thân diệt**, thưa Ni sư, được gọi là như vậy. Thế Tôn gọi tự thân diệt là như thế nào?*

– Hiền giả Visakha, sự đoạn diệt, không tham đắm, không có dư tàn của khát ái ấy, sự xả ly, sự vất bỏ, sự giải thoát, sự vô chấp. Hiền giả Visakha, sự **đoạn diệt khát ái** này, Thế Tôn gọi là tự thân diệt.

*– Thưa Ni sư, **tự thân diệt đạo**, tự thân diệt đạo,*

được gọi là như vậy. Thưa Ni sư, Thế Tôn gọi tự thân diệt đạo là như thế nào?

– Hiền giả Visakha, **Con đường Thánh tám ngành** này, Thế Tôn gọi là tự thân diệt đạo, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

*– Thưa Ni sư, **thủ** này tức là **năm thủ uẩn** kia hay thủ này khác với năm thủ uẩn?*

– Không phải, Hiền giả Visakha. Thủ này tức là năm thủ uẩn kia, thủ này không khác với năm thủ uẩn kia, Hiền giả Visakha, phàm có dục tham đối với năm thủ uẩn, tức là (chấp) thủ đối với chúng ở đây vậy.

*– Thưa Ni sư, thế nào là **thân kiến**?*

– Ở đây, Hiền giả Visakha, kẻ vô văn phàm phu không đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đến yết kiến các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, **xem** sắc là tự ngã hay xem tự ngã là có sắc, hay xem sắc là trong tự ngã hay xem tự ngã là trong sắc; xem thọ là tự ngã, hay xem tự

ngã là có thọ, hay xem thọ là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong thọ; xem tưởng là tự ngã, hay xem tự ngã là có tưởng, hay xem tưởng là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong tưởng; xem hành là tự ngã, xem tự ngã là có hành, hay xem hành là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong hành; xem thức là tự ngã, hay xem tự ngã là có thức, hay xem thức là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong thức. Như vậy, Hiền giả Visakha, là thân kiến.

*– Thưa Ni sư, thế nào là **không phải thân kiến**?*

Ở đây, Hiền giả Visakha, vị Đa văn Thánh đệ tử đến yết kiến các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đến yết kiến các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân, **không** xem sắc là tự ngã, không xem tự ngã là có sắc, không xem sắc là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong sắc; không xem thọ là tự ngã, không xem tự ngã là có thọ, không xem thọ là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong thọ; không xem tưởng là tự ngã, không xem tự ngã là có tưởng, không xem tưởng là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong tưởng; không xem các hành là tự ngã, không xem tự ngã là có các hành, không xem các hành là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong các hành; không xem thức là tự ngã, không xem tự

ngã là có thức, không xem thức là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong thức. Như vậy, Hiền giả Visakha, là không có thân kiến.

– Thưa Ni sư, thế nào là Thánh đạo Tám ngành?

– Hiền giả Visakha, đây là Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

– Thưa Ni sư, Thánh đạo Tám ngành này là hữu vi hay vô vi?

– Hiền giả Visakha, Thánh đạo Tám ngành này là **hữu vi**.

– Thưa Ni sư, ba uẩn được Thánh đạo Tám ngành thâu nhiếp hay Thánh đạo Tám ngành được ba uẩn thâu nhiếp?

– Hiền giả Visakha, ba uẩn không bị Thánh đạo Tám ngành thâu nhiếp. Hiền giả Visakha, **Thánh đạo Tám ngành bị ba uẩn thâu nhiếp**. Hiền giả Visakha:

- Chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng, những pháp này được thâu nhiếp trong **giới**

uẩn.

- ➢ Chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định, những pháp này được thâu nhiếp trong **định uẩn.**
- ➢ Chánh tri kiến và chánh tư duy, những pháp này được thâu nhiếp trong **tuệ uẩn**

- *Thưa Ni sư thế nào là **định**, thế nào là **định tướng**, thế nào là **định tư cụ**, thế nào là **định tu tập**?*

Hiền giả Visakha:

- *Nhất tâm là định,*
- *Bốn Niệm Xứ là định tướng,*
- *Bốn Tinh cần là định tư cụ,*
- *Sự luyện tập, sự tu tập, sự tái tu tập của những pháp ấy là định tu tập ở đây vậy.*

- *Thưa Ni sư, có bao nhiêu **hành**?*

- Hiền giả, có ba loại hành này: thân hành, khẩu hành, và tâm hành.

- *Thưa Ni sư, thế nào là thân hành, thế nào là khẩu hành, thế nào là tâm hành?*

- ***Thở vô, thở ra*** *là thân hành,*
- ***Tầm tứ*** *là khẩu hành,*
- ***Tưởng và thọ*** *là tâm hành.*

▪ *Thưa Ni sư,* ***vì sao*** *thở vô thở ra là thân hành, vì sao tầm tứ là khẩu hành, vì sao tưởng và thọ là tâm hành?*

- ***Thở vô, thở ra, thuộc về thân****, những pháp này lệ thuộc với thân, nên thở vô thở ra thuộc về thân hành.*
- ***Trước phải tầm và tứ rồi sau mới phát lời nói****, nên tầm tứ thuộc về khẩu hành.*
- ***Tưởng và thọ và tâm sở, các pháp này lệ thuộc với tâm****, nên tưởng và thọ thuộc về tâm hành.*

▪ *Thưa Ni sư, như thế nào là chứng nhập* ***Diệt thọ tưởng định****?*

- Hiền giả Visakha, Tỷ-kheo chứng nhập Diệt thọ tưởng định, vị ấy_**không** nghĩ rằng: "Tôi sẽ chứng nhập Diệt thọ tưởng định", hay "Tôi đang chứng nhập Diệt thọ tưởng định" hay "Tôi đã chứng nhập Diệt thọ tưởng định". Vì rằng, tâm của vị này trước đã được tu tập như vậy nên đưa đến trạng thái như vậy.

- *Thưa Ni sư, Tỷ-kheo chứng nhập Diệt thọ tưởng định, những pháp gì diệt trước, thân hành, hay khẩu hành, hay tâm hành?*

– Hiền giả Visakha, vị Tỷ-kheo chứng nhập Diệt thọ tưởng định, ***khẩu hành diệt trước****, rồi đến thân hành, rồi đến tâm hành.*

- *Thưa Ni sư, làm thế nào xuất khởi Diệt thọ tưởng định?*

– Hiền giả Visakha, vị Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, **không** có nghĩ rằng: "Tôi sẽ xuất khởi Diệt thọ tưởng định", hay "Tôi đang xuất khởi Diệt thọ tưởng định", hay: "Tôi đã xuất khởi Diệt thọ tưởng định". Vì rằng tâm của vị này trước đã tu tập như vậy nên đưa đến trạng thái như vậy.

- *Thưa Ni sư, Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, những pháp nào khởi lên trước, thân hành, hay khẩu hành hay tâm hành?*

– Hiền giả Visakha, Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, ***tâm hành khởi lên trước nhất****, rồi đến thân hành, rồi đến khẩu hành.*

- *Thưa Ni sư, khi Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, vị ấy cảm giác những xúc nào?*

– Hiền giả Visakha, khi Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, vị ấy cảm giác ba loại xúc: ***không xúc, vô tướng xúc, vô nguyện xúc***.

- *Thưa Ni sư, khi Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, tâm của vị ấy thiên về gì, hướng về gì, khuynh hướng về gì?*

– Hiền giả Visakha, khi Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, ***tâm của vị ấy thiên về độc cư, hướng về độc cư, khuynh hướng về độc cư***.

- ***Thưa Ni sư, có bao nhiêu thọ?***

– Hiền giả Visakha, có ba thọ này, lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

- *Thưa Ni sư, thế nào là lạc thọ, thế nào là khổ thọ, thế nào là bất khổ bất lạc thọ?*

- Hiền giả Visakha, cái gì được cảm thọ bởi thân hay tâm, một cách khoái lạc, khoái cảm, như vậy là lạc thọ.
- Hiền giả Visakha, cái gì được cảm thọ bởi thân hay tâm, một cách đau khổ, không khoái cảm, như vậy là khổ thọ.
- Hiền giả Visakha, cái gì được cảm thọ bởi thân

hay tâm không khoái cảm, không khoái cảm như vậy là bất khổ bất lạc thọ.

- *Thưa Ni sư, đối với lạc thọ, cái gì lạc, cái gì khổ? Đối với khổ thọ, cái gì khổ, cái gì lạc? Đối với bất khổ bất lạc thọ, cái gì lạc, cái gì khổ?*

  - Đối với lạc thọ, cái gì trú là lạc, cái gì biến hoại là khổ.
  - Đối với khổ thọ, cái gì trú là khổ, cái gì biến hoại là lạc.
  - Đối với bất khổ bất lạc thọ, có trí là lạc, vô trí là khổ.

- *Thưa Ni sư, trong lạc thọ, có tùy miên gì tồn tại; trong khổ thọ, có tùy miên gì tồn tại; trong bất khổ bất lạc thọ, có tùy miên gì tồn tại?*

  - Trong lạc thọ, có tham tùy miên tồn tại;
  - Trong khổ thọ, có sân tùy miên tồn tại;
  - Trong bất khổ bất lạc thọ, có vô minh tùy miên tồn tại.

- *Thưa Ni sư, có phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên tồn tại; trong tất cả khổ thọ, sân tùy miên tồn tại; trong tất cả bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên tồn tại?*

– Hiền giả Visakha, không phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên tồn tại; không phải trong tất cả khổ thọ, sân tùy miên tồn tại; không phải trong tất cả bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên tồn tại.

– Thưa Ni sư, trong lạc thọ, cái gì phải từ bỏ. Trong khổ thọ, cái gì phải từ bỏ. Trong bất khổ bất lạc thọ, cái gì phải từ bỏ?

– Hiền giả Visakha, trong lạc thọ, tham tùy miên phải từ bỏ. Trong khổ thọ, sân tùy miên phải từ bỏ. Trong bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên phải từ bỏ.

– Thưa Ni sư, có phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên phải từ bỏ. Trong tất cả khổ thọ, sân tùy miên phải từ bỏ. Trong tất cả bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên phải từ bỏ?

– Hiền giả Visakha, không phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên phải từ bỏ; trong tất cả khổ thọ, sân tùy miên phải từ bỏ; trong tất cả bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên phải từ bỏ.

Ở đây, Hiền giả Visakha, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm và tứ. Do vậy tham đã được từ bỏ, không còn tham tùy miên tồn tại

ở đây.

Ở đây, Hiền giả Visakha, vị Tỷ-kheo suy tư như sau: "Chắc chắn ta sẽ chứng và an trú trong trú xứ mà nay các vị Thánh đang an trú". Vì muốn phát nguyện hướng đến các cảnh giải thoát vô thượng, do ước nguyện ấy, khởi lên ưu tư. Do vậy, sân được từ bỏ, không còn sân tùy miên tồn tại ở đây.

Ở đây, Hiền giả Visakha, vị Tỷ-kheo xả lạc và xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Do vậy vô minh đã được từ bỏ, không còn vô minh tùy miên tồn tại ở đây.

– *Thưa Ni sư, lạc thọ lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, lạc thọ lấy khổ thọ làm tương đương.

– *Thưa Ni sư, khổ thọ lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, khổ thọ lấy lạc thọ làm tương đương.

– *Thưa Ni sư, bất khổ bất lạc thọ lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, bất khổ bất lạc thọ lấy vô minh làm tương đương.

– *Thưa Ni sư, vô minh lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, vô minh lấy minh làm tương đương.

– *Thưa Ni sư, minh lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, minh lấy giải thoát làm tương đương.

– *Thưa Ni sư, giải thoát lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, giải thoát lấy Niết-bàn làm tương đương.

– *Thưa Ni sư, Niết-bàn lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, câu hỏi đi quá xa, vượt ra ngoài giới hạn câu trả lời. Hiền giả Visakha, phạm hạnh là để thể nhập vào Niết-bàn, để vượt qua đến Niết-bàn, để đạt cứu cánh Niết-bàn. Hiền giả Visakha, nếu Hiền giả muốn, hãy đến chỗ Thế Tôn ở, và hỏi ý nghĩa này. Và Thế Tôn trả lời cho Hiền giả như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

Rồi nam cư sĩ Visakha hoan hỷ, tín thọ lời Tỷ-kheo-ni Dhammadinna giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Tỷ-kheo ni Dhammadinna, thân bên phải hướng về phía Tỷ-kheo-ni rồi từ biệt, đi đến chỗ Thế Tôn ở. Sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, nam cư sĩ Visakha thuật lại cho Thế Tôn tất cả câu chuyện đàm đạo với Tỷ-kheo-ni Dhammadinna. Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với nam cư sĩ Visakha:

– Này Visakha, Tỷ-kheo-ni Dhammadinna là bậc Hiền trí! Này Visakha, Tỷ-kheo-ni Dhammadinna là bậc Đại tuệ. Này Visakha, nếu Ông hỏi Ta ý nghĩa ấy, Ta cũng trả lời như Tỷ-kheo-ni Dhammadinna đã trả lời. Ông đối với nghĩa này, hãy như vậy thọ trì.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Nam cư sĩ Visakha hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

7 3 định - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG
– Bài kinh số 33 – Trường II, 567

(Trích đoạn)

1. **Ba định**:

   - Hữu tầm hữu tứ định,
   - Vô tầm hữu tứ định,
   - Vô tầm vô tứ định.

2. **Lại ba định khác**:

   – Không định, vô tướng định, vô nguyện định.

8 4 pháp không đủ đKinh sống trg rừng - Kinh SỐNG TRONG RỪNG – Tăng II, 296

SỐNG TRONG RỪNG – *Tăng* II, 296

1.- Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không đủ điều kiện để sống trong rừng, các ngôi rừng rậm rạp, các trú xứ xa vắng. Thế nào là với bốn?

- Với dục tầm,
- Với sân tầm,
- Với hại tầm,
- Liệt tuệ, đần độn, câm ngọng.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đủ điều kiện để sống trong rừng, các ngôi rừng rậm rạp, các trú xứ xa vắng. Thế nào là với bốn?

- Với xuất ly tầm,
- Với vô sân tầm,
- Với bất hại tầm,
- Không đần độn, không câm ngọng.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đủ điều kiện để sống trong rừng, các ngôi rừng rậm rạp, các trú xứ xa vắng.

9 5 giải thoát xứ - Kinh GIẢI THOÁT XỨ – Tăng II, 335

GIẢI THOÁT XỨ – *Tăng* II, 335

1. - Có **năm giải thoát xứ** này, này các Tỷ-kheo, ở đây vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh tấn, thời tâm chưa được đoạn diệt hoàn toàn, đi đến đoạn diệt hoàn toàn, hay vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt, được đạt đến.

2. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo Sư thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo.

- Tùy theo bậc Đạo Sư, hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo Sư thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo như thế nào, tùy theo như vậy, như vậy, vị Tỷ-kheo tín thọ về nghĩa và tín thọ về pháp trong pháp ấy.
- Do vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp, nên hân hoan sanh.
- Do hân hoan, nên hỷ sanh.
- Do ý hoan hỷ, thân được khinh an.
- Do thân được khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ.

- Do lạc thọ, tâm được định tĩnh.

Đây là giải thoát xứ thứ nhất; ở đấy, vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, thời tâm chưa giải thoát được giải thoát, hay các lậu hoặc chưa được đoạn diệt hoàn toàn, đi đến đoạn diệt hoàn toàn, hay vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt, được đạt tới.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo Sư không thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo. Và vị Tỷ-kheo ấy thuyết pháp rộng rãi cho các người khác như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị Tỷ-kheo ấy thuyết pháp rộng rãi cho các người khác như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng, như thế nào, như thế nào, tùy theo như vậy, như vậy, vị ấy tín thọ về nghĩa và tín thọ về pháp trong pháp ấy. Do vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp nên hân hoan sanh. Do hân hoan sanh nên hỷ sanh... tâm được định tĩnh. Đây là giải thoát xứ thứ hai, ở đây vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm... được đạt tới.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo Sư không thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo. Vị Tỷ-kheo ấy không thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị

ấy đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo đọc tụng pháp như vậy, như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng, một cách rộng rãi như thế nào, như thế nào, tùy theo như vậy, như vậy vị Tỷ-kheo ấy tín thọ về nghĩa và tín thọ về pháp trong pháp ấy. Do vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp nên hân hoan sanh. Do hân hoan, nên hỷ sanh... tâm được định tĩnh. Đây là giải thoát xứ thứ ba, ở đây vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm... được đạt tới.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo Sư, không thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo. Vị Tỷ-kheo ấy không thuyết pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng một cách rộng rãi cho người khác. Vị ấy không đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã nghe, như đã được học thuộc lòng. Nhưng vị ấy với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý quán sát pháp như đã được nghe, như đã được đọc tụng. Vị Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, do với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý quán sát pháp như đã được nghe, như đã được đọc tụng như thế nào, như thế nào, tùy theo như vậy, như vậy, vị Tỷ-kheo ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp trong pháp ấy. Do vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp, nên hân hoan sanh. Do hân hoan, nên hỷ sanh... tâm

được định tĩnh. Đây là giải thoát xứ thứ tư, ở đây vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm... được đạt tới.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai vị Đạo Sư không thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo. Vị Tỷ-kheo ấy không thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác, như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị ấy không đọc tụng pháp ấy một cách rộng rãi, như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị ấy không với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý quán sát pháp như đã được nghe, như đã học thuộc lòng. Nhưng vị ấy **khéo nắm giữ một định tướng,** khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thông đạt với trí tuệ như thế nào, như thế nào, tùy theo như vậy, như vậy, vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp trong pháp ấy. Do vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp nên hân hoan. Do hân hoan, nên hỷ sanh... tâm được định tĩnh. Đây là giải thoát xứ thứ năm, ở đây, vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm... được đạt tới.

7. Có năm giải thoát xứ này, này các Tỷ-kheo, ở đây vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tính cần, thời tâm chưa giải thoát, hay các lậu hoặc chưa đoạn diệt hoàn toàn, đi đến đoạn diệt hoàn toàn, hay

vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt, được đạt đến.

10 6 Lợi ích của thẩm sát ý nghĩa đúng thời - Kinh PHAGGUNA – Tăng III, 163

PHAGGUNA –*Tăng* III, 163

1. Lúc bấy giờ, Tôn giả Phagguna bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ànanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Phagguna bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Lành thay, bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn đi đến Tôn giả Phagguna, vì lòng từ mẫn.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ chỗ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Phagguna. Tôn giả Phagguna thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy, muốn rời khỏi giường. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Phagguna:

- Thôi được rồi, Phagguna! Thầy chớ có rời khỏi giường. Đã có những chỗ ngồi đã soạn từ trước, Ta sẽ ngồi tại các chỗ ấy.

Rồi Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Phagguna:

- Này Phagguna, mong rằng Thầy có thể kham nhẫn! Mong rằng Thầy có thể chịu đựng! Mong rằng các khổ thọ được giảm thiểu, không tăng trưởng! Mong rằng triệu chứng giảm thiểu được thấy rõ, không tăng trưởng!

- Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn. Con không có thể chịu đựng. Khổ thọ của con tăng trưởng, không có giảm thiểu. Triệu chứng tăng trưởng được thấy rõ, không có giảm thiểu!
- Bạch Thế Tôn, ví như một người lực sĩ chém đầu (một người khác) với một thanh kiếm sắc bén; cũng vậy, bạch Thế Tôn, những ngọn gió kinh khủng thổi lên, đau nhói trong đầu con. Bạch Thế Tôn, con không thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Khổ thọ của con gia tăng, không có giảm thiểu, triệu chứng gia tăng được thấy rõ, không có giảm thiểu.
- Bạch Thế Tôn, như một người lực sĩ lấy một dây nịt bằng da cứng quấn tròn quanh đầu rồi siết chặt; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con cảm thấy đau đầu một cách kinh khủng. Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng, khổ thọ của con gia tăng, không có giảm thiểu. Triệu chứng gia tăng được thấy rõ, không có giảm thiểu.

- Bạch Thế Tôn, như một người đồ tể thiện xảo hay đệ tử người đồ tể cắt ngang bụng với một con dao cắt thịt bò sắc bén; cũng vậy, bạch Thế Tôn, một ngọn gió kinh khủng cắt ngang bụng của con. Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những khổ thọ của con gia tăng, không có giảm thiểu, triệu chứng gia tăng được thấy rõ, không có giảm thiểu.
- Bạch Thế Tôn, ví như hai người lực sĩ, sau khi nắm cánh tay của một người yếu hơn, nướng người ấy, đốt người ấy trên một hố than hừng; cũng vậy, bạch Thế Tôn, một sức nóng kinh khủng khởi lên trong thân của con. Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những khổ thọ của con gia tăng, không có giảm thiểu, triệu chứng gia tăng được thấy rõ, không có giảm thiểu.

Rồi Thế Tôn, với pháp thoại, nói lên cho Tôn giả Phagguna biết, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỉ, từ chỗ ngồi, đứng dậy và ra đi.

2. Rồi Tôn giả Phagguna, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu, liền mệnh chung. *Trong khi Tôn giả lâm chung, các căn được sáng chói.* Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ànanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Phagguna, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu, đã mệnh chung. Trong khi Tôn giả mệnh chung, các căn được sáng chói.

- Này Ànanda, tại sao các căn của Tôn giả Phagguna lại không sáng chói chứ? Này Ànanda, với Tỷ-kheo Phagguna, tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Sau khi nghe pháp, tâm vị ấy được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử.

❖ Có sáu lợi ích này, này Ànanda, nếu nghe pháp đúng thời, và thẩm sát ý nghĩa đúng thời.

Thế nào là sáu?

3. Ở đây, này Ànanda, Tỷ-kheo tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, vị ấy trong khi mạng chung, *được thấy Thế Tôn. Thế Tôn thuyết pháp cho vị ấy,* sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. *Sau khi nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử*. Đây là lợi ích thứ nhất, này Ànanda, khi được nghe pháp đúng thời.

4. Lại nữa, này Ànanda, Tỷ-kheo với tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, vị ấy trong khi mệnh chung, không được thấy Thế Tôn, nhưng chỉ *được thấy đệ tử Như Lai. Đệ tử Như Lai thuyết pháp cho vị ấy,* sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Sau khi nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được

giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Này Ànanda, đây là lợi ích thứ hai khi được nghe pháp đúng thời.

5. Lại nữa, này Ànanda, Tỷ-kheo với tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, vị ấy trong khi mệnh chung, không được thấy Như Lai, cũng không được thấy đệ tử của Như Lai. Nhưng với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học một cách thông suốt; do vị ấy, *với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học một cách thông suốt, nên tâm được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Này Ànanda*, đây là lợi ích thứ ba khi *thẩm sát ý nghĩa đúng thời.*

6. Ở đây, này Ànanda, Tỷ-kheo *với tâm đã được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, nhưng tâm chưa giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y, vị ấy trong khi mệnh chung được thấy Như Lai. Và Như Lai thuyết pháp cho vị ấy*, sơ thiện... đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Sau khi được nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y. Này Ànanda, đây là lợi ích thứ tư khi được nghe pháp đúng thời.

7. Lại nữa, này Ànanda, Tỷ-kheo *với tâm đã được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, nhưng tâm chưa giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y, vị ấy trong khi mạng chung không được thấy Như Lai, chỉ*

được thấy đệ tử của Như Lai. Đệ tử Như Lai thuyết pháp cho vị ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện... đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Sau khi được nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y. Này Ànanda, đây là lợi ích thứ năm khi được **nghe pháp đúng thời**.

8. Lại nữa, này Ànanda, Tỷ-kheo *với tâm được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, nhưng tâm chưa giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y, vị ấy trong khi mệnh chung không được thấy Như Lai, cũng không được thấy đệ tử Như Lai. Nhưng với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được học thông suốt, do vị ấy với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thông suốt, nên tâm được giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y này*. Này Ànanda, đây là lợi ích thứ sáu khi **thẩm sát ý nghĩa đúng thời**.

Có sáu lợi ích này, này Ànanda, khi được nghe pháp đúng thời, và khi được thẩm sát ý nghĩa đúng thời.

11 Các tầm khởi lên được Thế Tôn biết đến - Kinh HY HỮU VỊ TẰNG HỮU PHÁP – 123 Trung III, 317

KINH HY HỮU VỊ TẰNG HỮU PHÁP

(Acchariyabbhutadhamma suttam)

– Bài kinh số 123 –* Trung *III, 317

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi một số rất đông Tỷ-kheo, sau buổi ăn, sau khi đi khất thực về, đang ngồi tụ họp trong thị giả đường (upatthanasala), câu chuyện này được khởi lên giữa chúng Tăng:

– "Thật hy hữu thay chư Hiền! Thật vị tằng hữu thay chư Hiền, là đại thần thông lực, đại uy lực của Như Lai! Vì Ngài biết được chư Phật quá khứ, đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các hý luận, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt luân hồi, đã thoát ly mọi khổ: "Chư Thế Tôn ấy sanh tánh như vậy, danh tánh như vậy, tộc tánh như vậy... giới hạnh như vậy...

pháp hạnh như vậy... tuệ hạnh như vậy.. trú hạnh như vậy... chư Thế Tôn ấy giải thoát như vậy".

Khi được nghe nói như vậy, Tôn giả Ananda nói với các Tỷ-kheo ấy: "Thật hy hữu thay chư Hiền, Như Lai được đầy đủ các pháp hy hữu! Thật vị tằng hữu thay chư Hiền, Như Lai được đầy đủ các pháp vị tằng hữu!"

Và câu chuyện giữa các Tỷ-kheo ấy bị gián đoạn. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến thị giả đường, sau khi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, nay các Ông ngồi nói chuyện gì? Câu chuyện gì giữa các Ông bị gián đoạn?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con sau buổi ăn, sau khi đi khất thực trở về, chúng con ngồi tụ họp tại thị giả đường, câu chuyện sau đây được khởi lên: "Hy hữu thay, chư Hiền... (như trên)... chư Thế Tôn ấy được giải thoát như vậy". Khi được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, Tôn giả Ananda nói với chúng con như sau: "Thật hy hữu thay... Như Lai được đầy đủ các pháp hy hữu! Thật vị tằng hữu thay... Như Lai được đầy đủ các pháp vị tằng hữu!" Câu chuyện này

giữa chúng con, bạch Thế Tôn, bị gián đoạn. Rồi Thế Tôn đến.

Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda:

– Do vậy, này Ananda, hãy nói lên nhiều nữa, những đặc tánh hy hữu, vị tằng hữu của Như Lai.

1. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Chánh niệm tỉnh giác, này Ananda, Bồ-tát sanh trong Thiên chúng (Kaya) "Tusita". Vì rằng, bạch Thế Tôn, chánh niệm tỉnh giác Bồ-tát sanh trong Thiên chúng Tusita, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

2. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Chánh niệm tỉnh giác, này Ananda, Bồ-tát an trú trong Thiên chúng Tusita". Vì rằng, bạch Thế Tôn, chánh niệm tỉnh giác, Bồ-tát an trú trong Thiên chúng Tusita, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

3. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Chánh niệm tỉnh giác, này Ananda, Bồ-tát an trú tại Thiên chúng

Tusita cho đến trọn thọ mạng". Vì rằng, bạch Thế Tôn, chánh niệm tỉnh giác, Bồ-tát an trú tại Thiên chúng Tusita cho đến trọn thọ mạng, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

4. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Chánh niệm, tỉnh giác này Ananda, Bồ-tát sau khi từ Thiên chúng Tusita mạng chung, nhập vào mẫu thai". Vì rằng, bạch Thế Tôn, chánh niệm tỉnh giác, Bồ-tát sau khi từ Thiên chúng Tusita mạng chung, nhập vào mẫu thai, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

5. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát nhập vào mẫu thai, này Ananda, khi ấy **một hào quang vô lượng**, thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới ở trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Cho đến các thế giới ở giữa các thế giới, tối tăm, u ám không có nền tảng, những cảnh giới mà mặt trăng mặt trời với đại thần

lực, với đại oai lực như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Và mười ngàn thế giới này chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng, thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn".

6. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ananda, **bốn vị Thiên tử đến canh gác bốn phương trời và nói**: "Không cho một ai, người hay không phải loài người được phiền nhiễu Bồ-tát, hay mẹ vị Bồ-tát". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn".

7. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ananda, mẹ Bồ-tát giữ **giới một**

cách hồn nhiên, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói láo, không uống các thứ rượu nấu, rượu lên chất men". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu. là một vị tằng hữu của Thế Tôn.

8. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ananda, mẹ Bồ-tát **không khởi dục tâm** đối với một nam nhân nào, và mẹ Bồ-tát không bị xâm phạm bởi bất kỳ người đàn ông nào có nhiễm tâm". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

9. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ananda, mẹ vị Bồ-tát **tận hưởng năm dục công đức đầy đủ**, tận hưởng trọn năm dục công đức". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

10. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ananda, mẹ vị Bồ-tát **không bị**

một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với tâm khoan khoái. **Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ mọi bộ phận và chân tay.** *Này Ananda, ví như viên ngọc lưu ly, thanh tịnh, thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt, khéo dũa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Rồi một sợi dây được xâu qua viên ngọc ấy, dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng lợt. Nếu có người có mắt để viên ngọc trên bàn tay của mình, người ấy sẽ thấy rõ ràng: "Đây là viên ngọc lưu ly, thanh tịnh, thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt, khéo dũa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Đây là sợi dây xâu qua, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng lợt"*. Cũng vậy, này Ananda, khi Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ Bồ-tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với thân khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ bộ phận và chân tay". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

11. Bạch Thế Tôn con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: **"Sau khi sanh**

Bồ-tát bảy ngày, này Ananda, mẹ Bồ-tát mệnh chung và **sanh lên cõi trời Đâu suất**". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

12. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Trong khi các người đàn bà khác, này Ananda, mang bào thai trong bụng chín tháng hay mười tháng rồi mới sanh, mẹ vị Bồ-tát sanh Bồ-tát không phải như vậy. Mẹ vị Bồ-tát mang Bồ-tát trong bụng **mười tháng rồi mới sanh**". Vì rằng, bạch Thế Tôn.. con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

13. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Trong khi các người đàn bà khác, này Ananda, hoặc ngồi hoặc nằm mà sanh con, mẹ vị Bồ-tát sanh Bồ-tát không phải như vậy. Mẹ vị Bồ-tát **đứng mà sanh Bồ-tát**". Vì rằng bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

14. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con

tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ananda, **chư Thiên đỡ lấy Ngài trước, sau mới đến loài người**". Vì rằng, bạch Thế Tôn ... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn là một hy hữu, một vi tằng hữu của Thế Tôn.

15. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ananda, Bồ-tát không đụng đến đất. **Có bốn Thiên tử đỡ lấy Ngài, đặt Ngài trước bà mẹ và thưa: "Hoàng hậu hãy hoan hỷ! Hoàng Hậu sanh một bậc vĩ nhân**". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

16. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ananda, **Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhớt nào**, không bị nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch. *Này Ananda, ví như một viên ngọc ma-ni bảo châu đặt trên một tấm vải Ba-la-nại. Viên ngọc không làm nhiễm ô tấm*

vải Ba-la-nại, tấm vải Ba-la-nai cũng không làm nhiễm ô hòn ngọc. Vì sao vậy? Vì cả hai đều thanh tịnh. Cũng vậy, này Ananda, khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhớt nào, không bị nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ sự vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

17. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ananda, **hai dòng nước từ hư không hiện ra, một dòng lạnh, một dòng nóng. Hai dòng nước ấy tắm rửa sạch sẽ cho Bồ-tát và cho bà mẹ**". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

18. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Bồ-tát khi sanh ra, này Ananda, **Ngài đứng vững, thăng bằng trên hai chân, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước, một lọng trắng được che**

lên. Ngài nhìn khắp cả mọi phương lên tiếng như con ngưu vương, thốt ra lời như sau: ***"Ta là bậc tối thượng ở trên đời! Ta là bậc tối tôn ở trên đời! Ta là bậc cao nhất ở trên đời! Nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sanh ở đời này nữa"***. Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

19. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ananda, khi ấy **một hào quang vô lượng thần diệu**, thắng xa oai lực của chư Thiên, hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên, và thế giới ở dưới gồm các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Cho đến các cảnh giới giữa các thế giới, tối tăm, u ám, không có nền tảng, những cảnh giới mà mặt trăng mặt trời với đại thần lực, đại oai lực như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy một hào quang vô lượng, thắng xa oai lực chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại các chỗ ấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau mà nói: "Cũng có những chúng sanh

khác sống ở đây". Và mười ngàn thế giới này chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới. Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn.

– Do vậy, này Ananda, hãy thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tằng hữu của Như Lai. Ở đây, này Ananda, **các cảm thọ** khởi lên nơi Thế Tôn được biết đến; được biết đến, chúng an trú; được biết đến, chúng đi đến biến hoại; **các tưởng** được biết đến; **các tầm** khởi lên được biết đến; được biết đến, chúng an trú; được biết đến, chúng đi đến biến hoại. **Này Ananda, hãy thọ trì việc này là một hy hữu, một vị tằng hữu của Như Lai.**

– Vì rằng, bạch Thế Tôn, các cảm thọ khởi lên nơi Thế Tôn được biết đến; được biết đến, chúng an trú; được biết đến, chúng đi đến biến hoại; các tưởng được biết đến; các tầm khởi lên được biết đến; được biết đến, chúng an trú; được biết đến, chúng đi đến biến hoại. Bạch Thế Tôn, con thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tằng hữu của Như Lai.

Tôn giả Ananda, nói như vậy. Bậc Đạo Sư chấp

nhận. Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Ananda nói.

12 Do duyên Giới nên Tưởng, Kiến, Tầm sanh khởi - Kinh Căn Nhà Bằng Gạch – Tương II, 267

Căn Nhà Bằng Gạch – *Tương* II, 267

1) Một thời Thế Tôn trú ở Natika, tại căn nhà bằng gạch.

2) Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo "

- " Thưa vâng bạch Thế Tôn ". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

3) Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, **do duyên giới**, **tưởng** sanh khởi, **kiến** sanh khởi, **tầm** sanh khởi.

4) Khi nghe nói vậy, Tôn giả Saddha Kaccàyana bạch Thế Tôn:

*- Bạch Thế Tôn, kiến này giữa những vị **không** Chánh Đẳng Chánh Giác, **có** vị Chánh Đẳng Chánh Giác. Bạch Thế Tôn, kiến này do duyên gì được hiển lộ?*

5) - Lớn thay, này Kaccàyana, là giới này, tức là ***vô minh giới***.

6) Này Kaccàyana, do duyên **liệt** (hìna) **giới**, liệt tưởng, liệt kiến, liệt tầm, liệt tư (cetanà), liệt hy vọng (patthanà), liệt ước nguyện, liệt nhân, (puggalà), liệt ngữ sanh khởi. **Liệt là điều vị ấy nói**, vị ấy thuyết, vị ấy trình bày, vị ấy đề xướng, vị ấy hiển thị, vị ấy phân biệt, vị ấy tuyên thị. Ta nói rằng **liệt** là sự thọ sanh (uppatti) của vị ấy.

7) Này Kaccàyana, do duyên **trung giới**, trung tưởng, trung kiến, trung tầm, trung tư, trung hy vọng, trung ước nguyện, trung nhân, trung ngữ sanh khởi. **Trung là điều vị ấy nói, vị ấy thuyết**, vị ấy trình bày, vị ấy đề xướng, vị ấy hiển thị, vị ấy phân biệt, vị ấy tuyên thị. Ta nói rằng **trung** là sự thọ sanh của vị ấy.

8) Này Kaccàyana, do duyên **thắng giới**, thắng tưởng, thắng kiến, thắng tầm, thắng tư, thắng hy vọng, thắng ước nguyện, thắng nhân, thắng ngữ sanh khởi. **Thắng là điều vị ấy nói, vị ấy thuyết,** vị ấy trình bày, vị ấy đề xướng, vị ấy hiển thị, vị ấy phân biệt, vị ấy tuyên thị. Ta nói rằng **thắng** là sự thọ sanh của vị ấy.

13 Do duyên gì khởi lên các tư duy tầm - Kinh TÔN GIẢ SAMIDDHI – Tăng IV, 113

TÔN GIẢ SAMIDDHI – *Tăng* IV, 113

1. Rồi Tôn giả Samiddhi đi đến Tôn giả Sàriputta, sau khi đến, chào đón hỏi thăm Tôn giả Sàriputta, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

Rồi Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Samiddhi đang ngồi xuống một bên:

- ***Do sở duyên gì****, này Samiddhi, một người khởi lên* ***các tư duy tầm****?*

- Do **danh sắc** làm sở duyên, thưa Tôn giả.

- *Nhưng này Samiddhi, cái gì khiến chúng đi đến sai khác?*

- **Các giới,** thưa Tôn giả.

- *Nhưng này Samiddhi, chúng lấy gì làm tập khởi?*

- Lấy **xúc** làm tập khởi, thưa Tôn giả.

- Này Samiddhi, chúng qui tụ ở đâu?

- Chúng qui tụ ở các **cảm thọ,** thưa Tôn giả.

- Nhưng này Samiddhi, chúng lấy gì làm thượng thủ?

- Chúng lấy *định* làm thượng thủ, thưa Tôn giả.

- Nhưng này Samiddhi, chúng lấy gì làm tăng thượng?

- Chúng lấy *niệm* làm tăng thượng, thưa Tôn giả.

- Này Samiddhi, chúng lấy cái gì làm tối thượng?

- Chúng lấy *tuệ* làm tối thượng, thưa Tôn giả.

- Này Samiddhi, chúng lấy gì làm lõi cây?

- Chúng lấy *giải thoát* làm lõi cây, thưa Tôn giả.

- Này Samiddhi, chúng thể nhập vào gì?

- Chúng thể nhập vào *bất tử*, thưa Tôn giả.

2. - Khi được hỏi: "Này Samiddhi, do sở duyên gì một người khởi lên các tư duy tầm?", Hiền giả đáp: "Do danh sắc làm sở duyên, thưa Tôn giả".

Này Samiddhi, khi được hỏi: "Cái gì khiến chúng đi đến sai khác?", Hiền giả đáp:" Trong các giới, thưa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm tập khởi?", Hiền giả đáp: "Lấy xúc làm tập khởi, thưa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chỗ qui tụ của chúng là gì?", Hiền giả đáp: "Chỗ qui tụ của chúng là thọ, thưa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm thượng thủ?", Hiền giả đáp: "Chúng lấy định làm thượng thủ, thưa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm tăng thượng?", Hiền giả đáp: "Chúng lấy niệm tăng thượng, thưa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm tối thượng?" Hiền giả đáp: "Chúng lấy tuệ làm tối thượng, thưa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm lõi cây?", Hiền giả đáp: "Chúng lấy giải thoát làm lõi cây, thưa Tôn giả".

Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng thể nhập vào gì?", Hiền giả đáp: "Chúng thể nhập vào bất tử, thưa Tôn giả".

Lành thay, lành thay, này Samiddhi! Lành thay, này Samiddhi! Hiền giả đã trả lời các câu hỏi. Nhưng Hiền giả ***chớ có kiêu mạn về vấn đề này***.

14 Dục Tầm, sân tầm, hại tầm, Dục Tưởng, Sân Tưởng, Hại Tưởng - Kinh KHỔ – Tăng III, 240

KHỔ –*Tăng* III, 240

1.- Thành tựu với sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống đau khổ, hiềm hận, có ưu não, có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú.

2. Thế nào là sáu?

- *Với dục tầm, với sân tầm, với hại tầm,*
- *Với dục tưởng, với sân tưởng, với hại tưởng.*

Thành tựu với sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống đau khổ, hiềm hận, có ưu não, có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú.

3. Thành tựu với sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống an lạc, không hiềm hận, không ưu não, không nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là thiện thú.

4. Thế nào là sáu?

- *Với xuất ly tầm, với vô sân tầm, với bất hại tầm,*

- *Với xuất ly tưởng, với vô sân tưởng, với bất hại tưởng.*

Thành tựu với sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống an lạc, không hiềm hận, không ưu não, không nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là thiện thú.

15 Không chấp nhận dục tầm, sân tầm, hại tầm - Kinh KHAM NHẪN 1 – Tăng II, 104

KHAM NHẪN 1 – *Tăng* II, 104

1.- Này các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn?

- Đạo hành không kham nhẫn,
- Đạo hành kham nhẫn,
- Đạo hành nhiếp phục,
- Đạo hành an tịnh.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là *đạo hành không kham nhẫn*?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chưởi mắng lại kẻ đã chưởi mắng, sân hận lại với kẻ đã sân hận, gây lộn lại với kẻ đã gây lộn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành không kham nhẫn.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là *đạo hành kham nhẫn*?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không nhiếc mắng lại kẻ đã nhiếc mắng, không sân hận lại kẻ đã

sân hận, không gây lộn lại với kẻ đã gây lộn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành kham nhẫn.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là *đạo hành nhiếp phục*?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Phàm do nhân duyên gì với nhãn căn này không được chế ngự, khiến cho tham ái, ưu bi, các ác bất thiện khởi lên, vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, sống với sự chế ngự nhãn căn. Khi tai nghe tiếng … khi mũi ngửi hương … khi lưỡi nếm vị … khi thân cảm xúc … khi ý biết pháp, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Phàm do nhân duyên gì ý căn này không được chế ngự, khiến cho tham ái, ưu bi, các ác bất thiện khởi lên, vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, thọ trì ý căn, sống với sự chế ngự ý căn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành nhiếp phục.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là *đạo hành an tịnh?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có chấp nhận dục tầm khởi lên, từ bỏ, tẩy sạch, làm cho an tịnh, chấm dứt, khiến đi đến không sanh hữu; không có chấp nhận sân tầm khởi lên … không có chấp

nhận hại tầm khởi lên … không có chấp nhận các pháp ác bất thiện tầm khởi lên, từ bỏ, tẩy sạch, làm cho an tịnh, chấm dứt, khiến đi đến không sanh hữu. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành an tịnh.

Này các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này.

KHAM NHẪN 2 – *Tăng* II, 106

1.- Này các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn?

- *Đạo hành không kham nhẫn,*
- *Đạo hành kham nhẫn,*
- *Đạo hành nhiếp phục,*
- *Đạo hành an tịnh.*

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là *đạo hành không kham nhẫn*?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không kham nhẫn lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của ruồi muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát; không kham nhẫn những hình thức chưởi mắng, phỉ báng, không thể chịu đựng được cảm thọ về thân khởi lên, khổ đau, nhói đau, mãnh liệt, kịch liệt, không khả hỷ,

không khả ý, chết điếng người. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành không kham nhẫn.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là *đạo hành kham nhẫn?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người kham nhẫn lạnh, nóng … chết điếng người. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành kham nhẫn.

4.Và này các Tỷ-kheo, thế nào là *đạo hành nhiếp phục?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người khi mắt thấy sắc không nắm giữ tướng chung … (khi kinh 164, 4). Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành nhiếp phục.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là *đạo hành an tịnh?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chấp nhận dục tầm khởi lên … (như kinh 164,6) … Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành an tịnh.

Này các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này.

16 Kinh THIỀN 1 – Tăng III, 238

THIỀN 1 –*Tăng* III, 238

1. - Không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, không có thể đạt được an trú sơ Thiền.

2. Thế nào là sáu?

- *Dục tham, Sân, Hôn trầm thụy miên, Trạo hối, Nghi,*
- *Không như thật khéo thấy với chánh trí tuệ các nguy hại trong các dục.*

Không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đạt được và an trú sơ thiền.

3. Đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, có thể đạt được và an trú sơ Thiền.

4. Thế nào là sáu?

- Dục tham, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi,
- Như thật khéo thấy với chánh trí tuệ các nguy hại trong các dục.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đạt được và an trú sơ Thiền.

THIỀN 2 –*Tăng* III, 238

1. - Không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, không có thể đạt được và an trú sơ thiền.

2. Thế nào là sáu?

- *Dục tầm, sân tầm, hại tầm,*
- *Dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng.*

Không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đạt được và an trú sơ Thiền.

3. Đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, có thể đạt được và an trú sơ Thiền.

4. Thế nào là sáu?

- Dục tầm, sân tầm, hại tầm,
- Dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đạt được và an trú sơ Thiền.

17 Kinh ÀNANDA – Tăng III, 135

ÀNANDA –*Tăng* III, 135

1. Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ànanda thưa với Tôn giả Sàriputta:

2. - *Cho đến như thế nào, thưa Hiền giả Sàriputta, Tỷ-kheo nghe pháp trước kia chưa được nghe, với pháp đã được nghe, không đi đến rối loạn, còn đối với các pháp trước kia tâm đã từng cảm xúc, chúng vẫn được hiện hành, và vị ấy biết được điều trước kia chưa biết?*

- Tôn giả Ànanda là vị nghe nhiều, Tôn giả hãy nói lên!

- Vậy thưa Hiền giả Sàriputta, hãy nghe và khéo tác ý, tôi sẽ nói!

- Thưa vâng, hiền giả.

Tôn giả Sàriputta vâng đáp Tôn giả Ànanda. Tôn giả Ànanda nói như sau:

3. - Ở đây, thưa Hiền giả Sàriputta:

- *Tỷ-kheo học thông suốt pháp, tức là Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bản sanh, Vị tằng hữu pháp, Trí giải hay Phương quảng.*
- *Vị ấy thuyết pháp cho các người khác một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt.*
- *Vị ấy khiến cho các người khác nói pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt.*
- *Vị ấy tụng đọc pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt.*
- *Vị ấy với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng.*
- *Tại trú xứ nào các Tỷ-kheo trưởng lão trú ở, các vị nghe nhiều, được trao truyền các tập Àgama, bậc Trì pháp, Trì luật, Trì toát yếu, tại các chỗ ấy, vị ấy an cư vào mùa mưa, thỉnh thoảng đến các Tôn giả ấy; sau khi đến, phỏng vấn, đặt các câu hỏi: "Thưa Tôn giả, cái này là thế nào? Ý nghĩa cái này là gì? "Các Tôn giả ấy mở rộng những gì chưa được mở rộng, phơi bày những gì chưa được phơi bày, và đối với*

những đoạn sai khác, còn có chỗ nghi ngờ, các tôn giả ấy giải thích các sự nghi ngờ.

Cho đến như vậy, thưa Hiền giả Sàriputta, Tỷ-kheo nghe pháp chưa được nghe, với pháp đã được nghe, không đi đến rối loạn, còn đối với các pháp trước kia tâm đã từng cảm xúc, chúng vẫn được hiện hành, và vị ấy biết được điều trước kia chưa biết.

4. - Thật vi diệu thay, thưa Hiền giả! Thật hy hữu thay, thưa Hiền giả! Khéo nói cho đến như vậy, chính là điều đã được Tôn giả Ànanda nói lên. Và chúng tôi thọ trì rằng Tôn giả Ànanda đã được thành tựu sáu pháp.

- Tôn giả Ànanda học thông suốt pháp, tức là Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vân tự thuyết, Như thị thuyết, Bản sanh, Vị tằng hữu pháp, Trí giải hay Phương quảng.
- Tôn giả Ànanda thuyết pháp cho các người khác một cách rộng rãi như đã nghe, như đã được học thông suốt.
- Tôn giả Ànanda khiến cho các người khác nói lên pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt.
- Tôn giả Ànanda đọc tụng pháp một cách rộng rãi, như đã được nghe, như đã được học một cách thông suốt.

- Tôn giả Ànanda với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng.
- Tôn giả Ànanda, tại trú xứ nào các Tỷ-kheo trưởng lão trú ở, các vị nghe nhiều, được trao truyền các tập Àgama, bậc Trì pháp, Trì luật. Trì toát yếu, tại các chỗ ấy, Tôn giả Ànanda an cư vào mùa mưa, thỉnh thoảng đến các vị ấy, sau khi đến, phỏng vấn, đặt câu hỏi: "Thưa Tôn giả, cái này là thế nào? Ý nghĩa cái này là gì? "Các Tôn giả ấy mở rộng những gì chưa được mở rộng, phơi bày những gì chưa được phơi bày, và đối với những đoạn sai khác, còn có chỗ nghi ngờ, các vị ấy giải thích các sự nghi ngờ.

18 Nguyên nhân tranh luận, bất hoà - Kinh TRANH LUẬN – Tăng I, 500

TRANH LUẬN – *Tăng* I, 500

❖ Tại phương hướng nào, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau với binh khí miệng lưỡi, thật không thoải mái cho ta, này các Tỷ-kheo, khi nghĩ đến phương hướng ấy, còn nói gì đến chỗ ấy. Ở đây, Ta đi đến kết luận như sau: *"Thật vậy, các Tỷ-kheo ấy đã từ bỏ ba pháp và đã làm quá nhiều ba pháp".*

Ba pháp họ đã từ bỏ là gì?

- *Viễn ly tầm,*
- *Vô sân tầm,*
- *Bất hại tầm.*

Ba pháp này họ đã từ bỏ.

Ba pháp gì họ đã làm quá nhiều?

- *Dục tầm,*
- *Sân tầm,*
- *Hại tầm.*

Ba pháp này họ đã làm quá nhiều.

Tại phương hướng nào, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau với binh khí miệng lưỡi, thật không thoải mái cho ta, này các Tỷ-kheo, khi nghĩ đến phương hướng ấy, còn nói gì đến chỗ ấy. Ở đây, Ta đi đến kết luận như sau: "Thật vậy, các Tỷ-kheo ấy đã từ bỏ ba pháp này và đã làm quá nhiều ba pháp này".

❖ Tại phương hướng nào, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo sống hòa hợp, hoan hỷ, không đấu tranh nhau, như sữa và nước lẫn lộn, nhìn nhau với cặp mắt ái kính, này các Tỷ-kheo, đi đến phương hướng ấy thật thoải mái cho Ta, còn nói gì nghĩ đến phương hướng ấy. Ở đây, Ta đi đến kết luận như sau: *"Thật vậy, các Tỷ-kheo ấy đã từ bỏ ba pháp này và đã làm quá nhiều ba pháp này".*

Ba pháp họ đã từ bỏ là gì?

- *Dục tầm,*
- *Sân tầm,*
- *Hại tầm.*

Ba pháp này họ đã từ bỏ.

Ba pháp gì họ đã làm quá nhiều?

- *Viễn ly tầm,*
- *Vô sân tầm,*

- *Bất hại tầm.*

Tại phương hướng nào, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo sống hòa hợp, hoan hỷ, không đấu tranh nhau, như sữa và nước lẫn lộn, nhìn nhau với cặp mắt ái kính, này các Tỷ-kheo, đi đến phương hướng ấy thật thoải mái cho Ta, còn nói gì nghĩ đến phương hướng ấy. Ở đây, Ta đi đến kết luận như sau: "Thật vậy, các Tỷ-kheo ấy đã từ bỏ ba pháp này và đã làm quá nhiều ba pháp này".

19 Những gì có tưởng thời có suy tầm - Kinh MẬT HOÀN – 18 Trung I, 247

KINH MẬT HOÀN

(Madhupindikasuttam)

– Bài kinh số 18 – *Trung* I, 247

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Thế Tôn sống giữa các vị dòng họ Sakka (Thích-ca), tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), ở vườn Nigrodharama. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát vào thành Kapilavatthu để khất thực. Sau khi khất thực ở Kapilavatthu, khi ăn xong, trên đường khất thực trở về, Thế Tôn đi đến Đại Lâm để nghỉ trưa. Sau khi vào rừng Đại Lâm, Ngài ngồi nghỉ trưa dưới gốc cây beluvalatthika. Có vị Gậy cầm tay Sakka (Thích-ca), kéo bộ khắp nơi, ngao du thiên hạ, đến tại rừng Đại Lâm, đi sâu vào ngôi rừng, đến tại Beluvalatthika chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong nói lên những lời hỏi thăm xã giao thân hữu, rồi đứng một bên, dựa trên cây gậy, đứng một bên. Gậy cầm tay Sakka nói với Thế Tôn:

- "Sa-môn có quan điểm thế nào, giảng thuyết

những gì?"

- *"Này Hiền giả, theo lời dạy của Ta, trong thế giới với chư Thiên, Mara và Phạm thiên, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, không có tranh luận một ai ở đời; các tưởng sẽ không ám ảnh vị Bà-la-môn sống không bị dục triền phược, không có nghi ngờ do dự, với mọi hối quá đoạn diệt, không có tham ái đối với hữu và phi hữu. Này Hiền giả, như vậy là quan điểm của Ta, như vậy là lời Ta giảng dạy"*. Khi nghe nói vậy, Gậy cầm tay Sakka lắc đầu, liếm lưỡi, với trán nổi lên ba đường nhăn, chống gậy rồi đi.

Rồi Thế Tôn vào buổi chiều từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến vườn Nigrodha, khi đến xong, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Chư Tỷ-kheo, ở đây, Ta vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát vào thành Kapilavatthu để khất thực. Sau khi khất thực ở Kapilavatthu, ăn xong, trên đường khất thực trở về, Ta đi đến Đại Lâm để nghỉ trưa. Sau khi vào rừng Đại Lâm, Ta ngồi nghỉ trưa dưới gốc cây beluvalatthika. Có vị Gậy cầm tay Sakka kéo bộ khắp nơi, ngao du thiên hạ, đến tại rừng Đại Lâm, đi sâu vào ngôi rừng, đến tại Beluvalatthika chỗ Ta ở,

khi đến xong, nói lên những lời hỏi thăm xã giao thân hữu, rồi đứng một bên, dựa trên cây gậy. Đứng một bên, Gậy cầm tay Sakka nói với Ta như sau: "Sa-môn có quan điểm thế nào, giảng thuyết những gì?" Chư Tỷ-kheo, được nói vậy, Ta trả lời Gậy cầm tay Sakka: "Này Hiền giả, theo lời Ta dạy trong thế giới với chư Thiên, Mara, và Phạm thiên, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, không có tranh luận một ai ở đời. Các tưởng sẽ không ám ảnh vị Bà-la-môn sống không bị dục triền phược, không có nghi ngờ do dự, với mọi hối quá đoạn diệt, không có tham ái đối với hữu và phi hữu. Này Hiền giả, như vậy là quan điểm của Ta, như vậy là lời Ta giảng dạy". Khi nghe nói vậy, Gậy cầm tay Sakka lắc đầu, liếm lưỡi, với trán nổi lên ba đường nhăn, chống gậy rồi đi.

Khi nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Nhưng bạch Thế Tôn, lời dạy ấy là gì mà Thế Tôn, trong thế giới với chư Thiên, Mara và Phạm thiên, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, không có tranh luận một ai ở đời? Các tưởng sẽ không ám ảnh Thế Tôn, vị đã sống không bị dục triền phược, không có nghi ngờ do dự, với mọi hối quá đoạn diệt, không có tham ái đối với hữu và phi hữu?

– Này Tỷ-kheo, *do bất cứ nhân duyên gì, một số hý luận vọng tưởng ám ảnh một người.* ***Nếu ở đây không có gì đáng tùy hỷ, đáng đón mừng, đáng chấp thủ, thời như vậy là sự đoạn tận tham*** *tùy miên, sự đoạn tận sân tùy miên, sự đoạn tận kiến tùy miên, sự đoạn tận nghi tùy miên, sự đoạn tận mạn tùy miên, sự đoạn tận hữu tham tùy miên, sự đoạn tận vô minh tùy miên, sự đoạn tận chấp trượng, chấp kiếm, đấu tranh, tránh tranh, luận tranh, kháng tranh, ly gián ngữ, vọng ngữ. Chính ở đây, những ác, bất thiện pháp này đều được tiêu diệt, không còn dư tàn.*

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy bước vào tịnh xá. Sau khi Thế Tôn đi chẳng bao lâu, các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "Chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên lời dạy tóm tắt này cho chúng ta, không giải thích rộng rãi ý nghĩa, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào tịnh xá: "Này Tỷ-kheo, do bất cứ nhân duyên gì... không còn dư tàn". Nay ai có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, và không giải thích rõ ràng ý nghĩa". Rồi những Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "Nay có Tôn giả Mahakaccana (Đại Ca- chiên-diên) là vị được Thế Tôn tán dương và được các vị đồng phạm hạnh có trí kính trọng. Tôn giả Mahakaccana có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa

lời giảng dạy này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, và không giải thích rõ ràng ý nghĩa. Vậy chúng ta hãy đi đến chỗ Tôn giả Mahakaccana ở, sau khi đến, sẽ hỏi Tôn giả Mahakaccana ý nghĩa này".

Rồi những Tỷ-kheo ấy đến chỗ Tôn giả Mahakaccana ở, sau khi đến, nói lên những lời chúc tụng, hỏi thăm xã giao với Tôn giả Mahakaccana rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, những Tỷ-kheo ấy thưa với Tôn giả Mahakaccana:

– "Này Hiền giả, Thế Tôn sau khi nói lên lời dạy tóm tắt này và không giải thích rõ ràng ý nghĩa, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào tịnh xá: "Này Tỷ-kheo, do bất cứ nhân duyên gì... không còn dư tàn".

Này Hiền giả Mahakaccana, khi Thế Tôn đi chưa bao lâu, chúng tôi suy nghĩ: "Chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên lời dạy vắn tắt này cho chúng ta... đã đi vào tịnh xá:" Do bất cứ nhân duyên gì... không còn dư tàn". Ai có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng dạy mà Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt... không giải thích rõ ràng ý nghĩa?" Này Hiền giả Mahakaccana, rồi chúng tôi suy nghĩ: "Nay Tôn giả Mahakaccana được Thế Tôn tán thán và được các vị đồng phạm hạnh có trí kính trọng, Tôn giả Mahakaccana có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời

giảng dạy được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt và không giải thích rõ ràng ý nghĩa. Vậy chúng ta hãy đi đến chỗ Tôn giả Mahakaccana ở, sau khi đến, chúng ta hỏi Tôn giả Mahakaccana ý nghĩa này. Tôn giả Mahakaccana sẽ giải thích cho".

– Chư Hiền, cũng như một người ưa thích lõi cây, tìm tòi lõi cây, đi khắp mọi nơi tìm lõi cây, đến một cây to lớn, đứng thẳng và có lõi cây. Người này bỏ qua rễ, bỏ qua thân cây, nghĩ rằng phải tìm lõi cây ở nơi cành lá. Cũng vậy là hành động của chư Tôn giả, đứng trước mặt Thế Tôn, quý vị bỏ qua Thế Tôn, nghĩ rằng phải hỏi tôi về ý nghĩa này. Chư Hiền, Thế Tôn biết những gì cần phải biết, thấy những gì cần phải thấy, Ngài đã trở thành vị có mắt, trở thành vị có trí, trở thành Chánh pháp, trở thành Brahma, vị thuyết giả, vị diễn giả, vị đem lại mục tiêu, vị trao cho bất tử, vị Pháp Chủ, Như Lai. Quý vị phải tùy thời hỏi Thế Tôn ý nghĩa này. Những gì Thế Tôn giải thích cho quý vị, quý vị hãy như vậy thọ trì.

– Hiền giả Mahakaccana, chắc chắn Thế Tôn biết những gì cần phải biết, thấy những gì cần phải thấy, Ngài đã trở thành vị có mắt, trở thành vị có trí, trở thành Chánh pháp, trở thành Brahma, vị thuyết giả, vị diễn giả, vị đem lại mục tiêu, vị trao cho bất tử, vị Pháp Chủ, Như Lai. Chúng tôi phải tùy thời hỏi

Thế Tôn ý nghĩa này. Những gì Thế Tôn giải thích cho chúng tôi, chúng tôi sẽ như vậy thọ trì. Nhưng Tôn giả Mahakaccana được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng phạm hạnh có trí kính trọng. Tôn giả Mahakaccana có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng dạy được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt và không giải thích rõ ràng ý nghĩa. Mong Tôn giả Mahakaccana hãy giải thích không có sự gì bất kính.

– Vậy chư Hiền hãy nghe và khéo tác ý, tôi sẽ giảng.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahakaccana. Tôn giả Mahakaccana giảng như sau:

– Chư Hiền, Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt lời dạy này... và đã đi vào tịnh xá: "Này Tỷ-kheo bất cứ vì nhân duyên gì... không còn dư tàn". Chư Hiền, với lời dạy được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, và không giải thích rõ ràng ý nghĩa. Tôi hiểu ý nghĩa một cách đầy đủ như sau:

- *Chư Hiền, do nhơn con mắt và các sắc pháp, nhãn thức khởi lên.*
- *Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.*

- *Do duyên xúc nên có cảm thọ.*
- *Những gì có cảm thọ thời có tưởng,*
- *Những gì có tưởng thời có suy tầm,*
- *Những gì có suy tầm thì có hý luận.*
- *Do hý luận ấy làm nhơn, một số hý luận vọng tưởng ám ảnh một người, đối với các sắc pháp do con mắt nhận thức, quá khứ, tương lai và hiện tại.*

Chư Hiền, do nhơn lỗ tai và các tiếng, nhĩ thức khởi lên... do nhơn lỗ mũi và các hương, tỷ thức khởi lên... do nhơn lưỡi và các vị, thiệt thức khởi lên... do nhơn thân và xúc, thân thức khởi lên;

- *Do nhơn ý và các pháp, ý thức khởi lên.*
- *Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.*
- *Do duyên xúc nên có các cảm thọ.*
- *Những gì có cảm thọ thời có tưởng.*
- *Những gì có tưởng thời có suy tầm.*
- *Những gì có suy tầm thời có hý luận.*
- *Do hý luận ấy làm nhơn, một số hý luận vọng tưởng ám ảnh một người, đối với các pháp do ý thức nhận thức, quá khứ, tương lai, hiện tại.*

– Chư Hiền, sự kiện này xảy ra: khi nào có mắt, khi nào có sắc pháp, khi nào có nhãn thức, thời sự thi thiết của xúc được hiển lộ.

– Sự kiện này xảy ra: khi nào có sự thi thiết của xúc thời sự thi thiết của thọ được hiển lộ.

– Sự kiện này xảy ra: khi nào có thi thiết của thọ thời sự thi thiết của tưởng được hiển lộ.

– Sự kiện này xảy ra: khi nào có sự thi thiết của tưởng, thời sự thi thiết của suy tầm được hiển lộ.

– Sự kiện này xảy ra: khi nào có sự thi thiết của suy tầm thời sự thi thiết của sự ám ảnh một số hý luận vọng tưởng được hiển lộ.

Sự kiện này xảy ra: khi nào có tai, khi nào có các tiếng, khi nào có nhĩ thức...

Sự kiện này xảy ra: khi nào có lỗ mũi, khi nào có các hương, khi nào có tỷ thức...

Sự kiện này xảy ra, khi nào có lưỡi, khi nào có các vị, khi nào có thiệt thức...

Sự kiện này xảy ra: khi nào có thân, khi nào có các xúc, khi nào có thân thức...

Sự kiện này xảy ra: khi nào có ý, khi nào có các

pháp, khi nào có ý thức thời sự thi thiết của xúc được hiển lộ.

– Chư Hiền, sự kiện này **<u>không</u>** <u>xảy ra</u>: khi nào không có mắt, khi nào không có các sắc, khi nào không có nhãn thức, sự thi thiết của xúc được hiển lộ.

– Sự kiện này không xảy ra: khi nào không có sự thi thiết của xúc, sự thi thiết của thọ được hiển lộ.

– Sự kiện này không xảy ra: khi nào không có sự thi thiết của thọ, sự thi thiết của tưởng được hiển lộ.

– Sự kiện này không xảy ra: khi nào không có sự thi thiết của tưởng, sự thi thiết của suy tầm được hiển lộ.

– Sự kiện này không xảy ra: khi nào không có sự thi thiết của suy tầm, thời sự thi thiết của sự ám ảnh một số hý luận vọng tưởng được hiển lộ.

Chư Hiền, sự kiện này không xảy ra: khi nào không có tai, khi nào không có các tiếng... khi nào không có mũi, khi nào không có các hương... khi nào không có lưỡi, khi nào không có các vị... khi nào không có thân, khi nào không có các xúc ... Sự kiện này không xảy ra: khi nào không có ý, khi nào không

có các pháp, khi nào không có ý thức, sự thi thiết của xúc được hiển lộ...

Chư Hiền, Thế Tôn, sau khi nói lên lời dạy một cách vắn tắt... đã đi vào tịnh xá: "Này Tỷ-kheo, do bất cứ nhân duyên gì... không dư tàn". Chư Hiền, đối với lời dạy Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt này, và nghĩa lý không được giải thích một cách rộng rãi, tôi đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. *Nếu quý vị muốn, hãy đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, hãy hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn giải đáp như thế nào, hãy như vậy thọ trì.*

Rồi những Tỷ-kheo ấy, hoan hỷ, tùy hỷ lời Tôn giả Mahakaccana nói, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nói lên lời dạy này một cách vắn tắt cho chúng con... đã vào tịnh xá. "Này Tỷ-kheo, do bất cứ nhân duyên gì... không còn dư tàn". Khi Thế Tôn đi chẳng bao lâu, chúng con suy nghĩ như sau: "Chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói cho chúng ta lời dạy tóm tắt này, không giải thích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào tịnh xá: "Này Tỷ-kheo, do bất cứ nhân duyên

gì, một số hý luận vọng tưởng ám ảnh một người, nếu ở đây không có gì đáng tùy hỷ, đáng đón mừng, đáng chấp thủ, thời như vậy là sự đoạn tận tham tùy miên, sự đoạn tận sân tùy miên, sự đoạn tận kiến tùy miên, sự đoạn tận nghi tùy miên, sự đoạn tận mạn tùy miên, sự đoạn tận hữu tham tùy miên, sự đoạn tận vô minh tùy miên, sự đoạn tận chấp trượng, chấp kiếm, đấu tranh, tránh tranh, luận tranh, kháng tranh, ly gián ngữ, vọng ngữ. Chính ở đây, những ác, bất thiện pháp này đều được tiêu diệt, không còn dư tàn". Nay ai có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng dạy này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt và không giải thích rõ ràng ý nghĩa?" Bạch Thế Tôn, và chúng con suy nghĩ: "Nay có Tôn giả Mahakaccana là vị được Thế Tôn tán dương và được các vị đồng phạm hạnh có trí kính trọng. Tôn giả Mahakaccana có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng dạy này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt và không giải thích rõ ràng ý nghĩa. Vậy chúng ta hãy đi đến chỗ Tôn giả Mahakaccana ở, sau khi đến sẽ hỏi Tôn giả Mahakaccana ý nghĩa này". Bạch Thế Tôn, rồi chúng con đi đến chỗ Tôn giả Mahakaccana ở, sau khi đến, chúng con hỏi Tôn giả Mahakaccana ý nghĩa này. *Bạch Thế Tôn, Tôn giả Mahakaccana đã giải thích ý nghĩa ấy cho chúng con với những phương pháp này, với những văn cú này, với những văn tự này.*

– Chư Tỷ-kheo, Tôn giả Mahakaccana là bậc Hiền trí. Chư Tỷ-kheo, Tôn giả Mahakaccana là bậc Đại tuệ. Chư Tỷ-kheo, nếu các Người hỏi Ta ý nghĩa này, Ta cũng trả lời như Mahakaccana đã trả lời. Như vậy là chính nghĩa lời dạy ấy, hãy như vậy thọ trì.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, như một người bị đói lả và mệt mỏi, tìm được một bánh mật, cứ mỗi miếng vị ấy được nếm, cứ mỗi miếng vị ấy được thưởng thức vị ngọt thuần nhất. Bạch Thế Tôn, cũng vậy, Tỷ-kheo có tri thức biệt tài, cứ mỗi phần suy tư đến ý nghĩa pháp môn này với trí tuệ, cứ mỗi phần vị ấy được thưởng thức sự hoan hỷ, được thưởng thức sự thỏa mái tâm trí. Bạch Thế Tôn, pháp môn này tên gọi là gì?

– Do vậy, này Ananda, pháp môn này được gọi là pháp môn bánh mật (Mật hoàn). Hãy như vậy thọ trì!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ, tín thọ lời dạy Thế Tôn

20 Niệm hơi thở vô ra để cắt đứt tầm - Kinh CHÁNH GIÁC – Tăng IV, 64

CHÁNH GIÁC – *Tăng* IV, 64

1. - Như vầy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvathi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika.

Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo,"

- "Bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

2. - Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi như sau: *"Thưa chư Hiền, các pháp chánh giác phần lấy gì làm sở y để tu tập?".* Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy trả lời cho các du sĩ ngoại đạo như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ nương tựa. Thật lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy nói lên ý nghĩa của lời nói này. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

3. Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi như sau: *"Thưa chư Hiền, **các pháp chánh giác phần, lấy gì làm sở y để tu tập?**"* Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau:

"Ở đây, thưa chư Hiền, Tỷ-kheo ***làm bạn với thiện***, thân hữu với thiện, giao thiệp với thiện. Này chư Hiền, đây là sở y thứ nhất để tu tập các pháp chánh giác phần".

4. Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo ***có giới***, sống được bảo vệ với sự bảo vệ của giới bổn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Này chư Hiền, đây là sở y thứ hai để tu tập các pháp chánh giác phần.

5. Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo ***có định***, câu chuyện này có khả năng đoạn giảm, hướng thượng

đưa đến tâm được rộng mở như *luận về ít dục, luận về biết đủ, luận về viễn ly, luận về không tụ hội, luận về tinh tấn tinh cần, luận về giới, luận về định, luận về tuệ, luận về giải thoát, luận về giải thoát tri kiến, những câu chuyện như vậy, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức*. Này chư Hiền, đây là sở y thứ ba để tu tập các pháp chánh giác phần.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống ***tinh cần tinh tấn*** để đoạn tận các pháp bất thiện, để thành tựu các pháp thiện, nỗ lực, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng trong các thiện pháp. Này chư Hiền, *đây là sở y thứ tư để tu tập các pháp chánh giác phần.*

7. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ***có trí tuệ***, thành tựu trí tuệ về sanh và diệt, với Thánh thể nhập (quyết trạch) đi đến con đường đoạn tận khổ đau. Này chư Hiền... đây là sở y thứ năm để tu tập các pháp chánh giác phần.

8. Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo *làm bạn với thiện, thân hữu với thiện, giao thiệp với thiện*, *thời được chờ đợi như sau: sẽ giữ giới,* sẽ sống được bảo vệ với sự bảo vệ của giới bổn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp.

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo *làm bạn với thiện, thân hữu với thiện, giao thiệp với thiện*, *thời được chờ đợi như sau: Câu chuyện này có khả năng đoạn giảm, đưa đến tâm rộng mở, như luận về ít dục...* những câu chuyện như vậy, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo *làm bạn với thiện, thân hữu với thiện, giao thiệp với thiện, thời được chờ đợi như sau: sẽ sống tinh cần tinh tấn* để đoạn tận các pháp bất thiện... trong các thiện pháp.

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo *làm bạn với thiện, thân hữu với thiện, giao thiệp với thiện, thời được chờ đợi như sau: sẽ có trí tuệ,* thành tựu trí tuệ về sanh và diệt, với Thánh thể nhập đi đến con đường chơn chánh đoạn tận khổ đau.

Và này các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo ấy đã trú trong năm pháp này, bốn pháp nữa cần phải tu tập:

1. *Cần phải tu tập **tưởng bất tịnh để đoạn tận tham ái**.*
2. *Cần phải tu tập **từ tâm để đoạn tận sân**.*
3. *Cần phải tu tập **niệm hơi thở vô, hơi thở ra để cắt đứt tầm.***
4. *Cần phải tu tập **tưởng vô thường để phá hoại ngã mạn**.*

→ *Này các Tỷ-kheo, <u>với Tỷ-kheo có tưởng vô thường, tưởng vô ngã được an trú.</u>*

→ *<u>Với Tỷ-kheo có tưởng vô ngã, ngã mạn bị phá hoại, ngay trong hiện tại, đạt được Niết-bàn.</u>*

21 Nếu có suy tầm, hãy suy tầm Đây là khổ - Kinh Các Tầm – Tương V, 606

Các Tầm – *Tương* V, 606

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, **chớ có suy tầm** các tầm ác, bất thiện, như dục tầm, sân tầm, hại tầm. Vì sao?

3) Các tầm ấy, này các Tỷ-kheo, không liên hệ đến mục đích, chúng không phải căn bản cho Phạm hạnh, chúng không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

4) Khi các Ông suy tầm, này các Tỷ-kheo, các Ông hãy suy tầm: "**Đây là khổ**"... hãy suy tầm: "Đây là Khổ tập"... hãy suy tầm: "Đây là Khổ diệt"... hãy suy tầm: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt". Vì sao?

5) Các suy tầm ấy, này các Tỷ-kheo, liên hệ đến mục đích, chúng là căn bản cho Phạm hạnh, chúng đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cố gắng cần phải

làm để rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

Suy Tư – *Tương* V, 607 (Cintà)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, **chớ có suy tư** ác, bất thiện tầm: "Thế giới là thường hằng", hay "Thế giới là vô thường", hay "Thế giới là hữu biên", hay "Thế giới là vô biên", hay "Sinh mạng này, thân thể này là một", hay "Sinh mạng này, thân thể này là khác", hay "Như Lai có tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết". Vì sao?

3) Các suy tư ấy, này các Tỷ-kheo, không liên hệ đến mục đích, chúng không phải căn bản cho Phạm hạnh, chúng không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

4) Và có suy tư, này các Tỷ-kheo, các Ông hãy suy tư: "Đây là Khổ"... hãy suy tư: "Đây là Khổ tập"...

hãy suy tư: "Đây là Khổ diệt"... hãy suy tư: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt". Vì sao?

5) Các suy tư ấy, này các Tỷ-kheo, liên hệ đến mục đích, chúng là căn bản cho Phạm hạnh, chúng đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

Tranh Luận – *Tương* V, 608 (Viggàhikà)

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, **chớ có nói lời tranh luận** nhau: "Ông không biết Pháp và Luật này. Tôi biết Pháp và Luật này. Sao Ông có thể biết Pháp và Luật này? Ông theo tà hạnh. Tôi theo chánh hạnh. Điều đáng nói trước, Ông lại nói sau. Điều đáng nói sau, Ông lại nói trước. Lời nói tôi tương ưng. Lời nói Ông không tương ưng. Điều Ông quan niệm, trình bày đã

bị đảo lộn. Quan điểm của Ông đã bị thách đố. Hãy đi giải tỏa quan điểm của Ông. Hãy tự thoát khỏi bế tắc nếu Ông có thể làm được". Vì sao?

3) Những câu chuyện ấy, này các Tỷ-kheo, không liên hệ đến mục đích, không phải căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

4) Và này các Tỷ-kheo, **nếu có nói, thời hãy nói**: "Đây là Khổ"... hãy nói "Đây là Khổ tập"... hãy nói: "Đây là Khổ diệt"... hãy nói: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt". Vì sao?

5) Các lời nói ấy, này các Tỷ-kheo, liên hệ đến mục đích, chúng là căn bản cho Phạm hạnh, chúng đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

Lời Nói – *Tương* V, 609

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo, **chớ có nói những câu chuyện** của loài súc sanh, như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, câu chuyện về hãi hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, các câu chuyện biến trạng của thế giới, câu chuyện về biến trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu. Vì sao?

3) Những câu chuyện này, này các Tỷ-kheo, không đưa đến mục đích, không phải căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

4) Có nói chuyện, này các Tỷ-kheo, các Ông **hãy nói chuyện**: "Đây là Khổ"... hãy nói chuyện "Đây là Khổ tập"... hãy nói chuyện: "Đây là Khổ diệt"... hãy nói chuyện: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt". Vì sao?

5) Các câu chuyện này, này các Tỷ-kheo, liên hệ đến mục đích, là căn bản cho Phạm hạnh, đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

22 Thiền này ở trong tình trạng dao động - Kinh VÍ DỤ CON CHIM CÁY - 66 Trung II, 235

KINH VÍ DỤ CON CHIM CÁY

(Latukikopama suttam)

– Bài kinh số 66 –* Trung *II, 235

Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Anguttarapa (Ương-già Bắc Phương Thủy). Apana là một thị tứ của Anguttarapa. Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Apana để khất thực. Khất thực ở Apana xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khất thực trở về, Thế Tôn đi đến một khu rừng để trú ban ngày. Thế Tôn đi sâu vào khu rừng này, ngồi dưới một gốc cây để trú ban ngày. Tôn giả Udayi (Ưu-đa-di) buổi sáng cũng đắp y, cầm y bát đi vào Apana để khất thực. Khất thực ở Apana xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khất thực trở về, Tôn giả đi đến một khu rừng để trú ban ngày. Tôn giả đi sâu vào khu rừng này, và ngồi dưới một gốc cây để trú ban ngày.

Rồi Tôn giả Udayi, trong khi độc cư Thiền tịnh, sự suy tư sau đây đã khởi lên trong tâm trí Tôn giả:

– "Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều khổ pháp cho chúng ta.
– Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều lạc pháp cho chúng ta.
– Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều bất thiện pháp cho chúng ta.
– Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều thiện pháp cho chúng ta".

Rồi Tôn giả Udayi vào buổi chiều, từ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Udayi bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con đang độc cư Thiền tịnh, sự suy tư sau đây đã khởi lên trong tâm trí con: "Như Lai thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều khổ pháp cho chúng ta... Như Lai thật sự là vị đã mang lại nhiều thiện pháp cho chúng ta".

Bạch Thế Tôn, thuở trước chúng con thường ăn buổi chiều, buổi sáng, ban ngày và phi thời. Bạch Thế Tôn, thời ấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo và bảo: "Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ ăn ban ngày phi thời".

Bạch Thế Tôn, do vậy con cảm thấy thất vọng, con cảm thấy sầu muộn, nghĩ rằng: "Những món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, các tín chủ cúng dường cho chúng ta ban ngày và phi thời. Nay Thế Tôn dạy chúng ta phải đoạn trừ, bậc Thiện Thệ dạy chúng ta phải từ bỏ". Bạch Thế Tôn, giữa chúng con, những ai nhìn Thế Tôn với lòng ái mộ, với lòng tôn kính và với lòng tàm quý, liền từ bỏ ăn ban ngày phi thời.

Rồi bạch Thế Tôn, chúng con thường ăn buổi chiều và buổi sáng. Bạch Thế Tôn, thời ấy Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo và bảo: "Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ ăn ban đêm phi thời". Bạch Thế Tôn, do vậy con cảm thấy thất vọng, con cảm thấy sầu muộn, nghĩ rằng: "Buổi ăn này gọi là có thượng vị hơn trong hai buổi ăn này của chúng ta. Thế Tôn dạy chúng ta phải đoạn trừ, bậc Thiện Thệ dạy chúng ta phải từ bỏ". Bạch Thế Tôn, thuở xưa có người được một món ăn cúng ban ngày bèn nói: "Hãy để món ăn này một bên, và ban đêm tất cả chúng ta cùng ăn với nhau". Bạch Thế Tôn, phàm mọi sự nấu nướng, tất cả đều làm ban đêm, rất ít làm ban ngày. Bạch Thế Tôn, giữa chúng con, những ai nhìn Thế Tôn với lòng ái mộ, với lòng tôn kính và với lòng tàm quý, liền từ bỏ ăn ban đêm phi thời.

Thuở trước, bạch Thế Tôn, các vị Tỷ-kheo thường đi khất thực trong đêm đen tối tăm, họ bước lầm vào vũng nước nhớp, rơi vào vũng nước nhớp, đi lầm vào hàng rào gai, đi lầm vào chỗ con bò cái đang ngủ, gặp các loại đạo tặc đã hành sự hay chưa hành sự, gặp các người đàn bà mời mọc một cách bất chánh.

Thuở trước, bạch Thế Tôn, con đi khất thực trong đêm đen tối tăm. Một người đàn bà đang rửa chén bát, thấy con trong khi trời chớp nhoáng, liền hoảng sợ và hét lớn: "Ôi kinh khủng thay cho tôi, có con quỷ (chạy) theo tôi!" Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, con nói với người đàn bà ấy: "Này chị, không phải quỷ đâu. Đây là Tỷ-kheo đang đứng khất thực". "Cha Tỷ-kheo hãy chết đi! Mẹ Tỷ-kheo hãy chết đi! Này Tỷ-kheo, thật tốt hơn cho Ông nếu Ông lấy con dao sắc bén của người đồ tể cắt bụng của Ông, còn hơn là vì lỗ bụng đi khất thực trong ban đêm tối tăm".

Bạch Thế Tôn, khi con nhớ như vậy, con suy nghĩ như sau: "Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều khổ pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều lạc pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều bất thiện pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều

thiện pháp cho chúng ta".

☞ Tuy vậy, này Udayi, **ở đây có một số người ngu si**; khi Ta nói: "Hãy trừ bỏ việc này", liền nói như sau: "Có sá gì sự việc tiểu tiết, nhỏ mọn này. Sa-môn này đặt quá nặng về cấm đoán đoạn giảm". Họ không chịu từ bỏ và gây lên bất mãn chống Ta và chống những Tỷ-kheo muốn (thực hành) học giới. Sự việc ấy, này Udayi, đối với họ, trở thành một trói buộc mạnh mẽ, một trói buộc vững chắc, một trói buộc kiên cường, một trói buộc không mục nát, một khúc gỗ to lớn.

Ví như, này Udayi, có con chim cáy, mái nhỏ bị tấm lưới bằng dây leo trói chặt, ở đây con chim có thể bị hại, hay bị bắt nhốt, hay bị chết. Này Udayi, nếu có ai nói như sau: "Con chim cáy mái nhỏ ấy bị tấm lưới làm bằng dây leo trói chặt, ở đây, con chim có thể bị sát hại, hay bị bắt nhốt, hay bị chết. Tuy vậy đối với con chim kia, lưới ấy không có chắc mạnh, lưới ấy yếu ớt, lưới ấy bị mục nát, lưới ấy không có cứng chắc". Này Udayi, ai nói như vậy có phải nói một cách chơn chánh không?

– Bạch Thế Tôn, không. Bạch Thế Tôn, con chim cáy mái nhỏ ấy bị tấm lưới làm bằng dây leo trói chặt, ở đấy con chim có thể bị sát hại, hay bị bắt

nhốt, hay bị chết. Đối với con chim kia, lưới ấy là mạnh mẽ, lưới ấy là vững chắc, lưới ấy là kiên cường, lưới ấy không mục nát, một khúc gỗ to lớn.

– Cũng vậy, này Udayi, ở đây, có một số người ngu si, khi được Ta nói: "Hãy từ bỏ việc này", liền nói như sau: "Có sá gì việc tiểu tiết, nhỏ mọn này! Vị Sa-môn này đặt quá nặng về cấm đoán, đoạn giảm", và họ không chịu từ bỏ và gây lên bất mãn chống Ta và chống những Tỷ-kheo muốn (thực hành) học giới. Sự việc này, này Udayi, đối với họ trở thành một trói buộc mạnh mẽ, một trói buộc vững chắc, một trói buộc kiên cường, một trói buộc không mục nát, một khúc gỗ to lớn.

☞ Nhưng này Udayi, **một số Thiện gia nam tử**, khi được Ta nói: "Hãy từ bỏ sự việc này", liền nói như sau: "Có sá gì sự từ bỏ việc tiểu tiết, nhỏ mọn này mà Thế Tôn dạy chúng con phải đoạn trừ, bậc Thiện Thệ, dạy chúng con phải từ bỏ!". Họ từ bỏ sự việc ấy, và không gây lên bất mãn chống Ta và chống các Tỷ-kheo muốn (thực hành) học giới. Sau khi từ bỏ việc ấy, họ sống ít lăng xăng, lắng dịu, tùy thuộc những người khác (bố thí), sống với một tâm như con thú rừng. Này Udayi, như vậy đối với các vị kia, sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị

mục nát, sự trói buộc ấy không có vững chắc.

Ví như, này Udayi, một con voi của vua, có ngà dài như cán cày, to lớn, thuộc loại giống tốt, lấy bãi chiến trường làm nhà, nếu bị trói buộc bởi sự trói buộc bằng da nịt vững chắc, chỉ cần chuyển thân một cách dễ dàng, sau khi cắt đứt, bứt đứt những trói buộc ấy, có thể muốn đi chỗ nào nó muốn. Này Udayi, nếu có ai nói như sau: "Con voi của vua có ngà dài như một cán cày ấy, to lớn, thuộc loại giống tốt, lấy bãi chiến trường làm nhà, nếu bị trói buộc bởi sự trói buộc bằng da nịt vững chắc, chỉ cần chuyển thân một cách dễ dàng, sau khi cắt đứt, bứt đứt những trói buộc ấy, có thể muốn đi chỗ nào nó muốn. Tuy vậy đối với con voi kia, sự trói buộc ấy vững chắc, sự trói buộc ấy kiên cường, sự trói buộc ấy không mục nát, một khúc gỗ to lớn". Này Udayi, ai nói như vậy có phải nói một cách chơn chánh không?

– Bạch Thế Tôn, không. Bạch Thế Tôn, con voi của vua có ngà dài như một cán cày ấy, to lớn, thuộc loại giống tốt, lấy bãi chiến trường làm nhà, nếu bị trói buộc bởi sự trói buộc bằng da nịt vững chắc, chỉ cần chuyển thân một cách dễ dàng, sau khi cắt đứt, bứt đứt những trói buộc ấy, có thể muốn đi chỗ nào nó muốn. Đối với con voi kia, sự trói buộc ấy không

có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có kiên cường.

– Cũng vậy, này Udayi, ở đây có một số Thiện gia nam tử khi được Ta nói: "Hãy từ bỏ sự việc này", liền nói như sau: "Có sá chi việc tiểu tiết, nhỏ mọn này mà Thế Tôn dạy chúng con phải đoạn trừ, bậc Thiện Thệ dạy chúng con phải từ bỏ! " Họ từ bỏ việc ấy, và không gây lên bất mãn chống Ta và chống các Tỷ-kheo muốn (thực hành) học giới. Sau khi từ bỏ việc ấy, họ sống ít lăng xăng, lắng dịu, tùy thuộc những người khác (bố thí), sống với một tâm như con thú rừng. Này Udayi, như vậy đối với các vị kia sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có vững chắc.

➲ Ví như, này Udayi, một người nghèo khổ, không có vật sở hữu, khốn cùng, có một chòi ở hư nát, mở toang cho quạ, không đẹp mắt chút nào, có một giường nằm hư nát, không đẹp mắt chút nào, các loại gạo lúa cất chứa trong một cái chum không đẹp mắt chút nào, và một bà vợ không đẹp mắt chút nào.

Người ấy thấy một Tỷ-kheo trong tịnh xá, tay chân lau rửa sạch sẽ, sau khi ăn buổi cơm ngon lành,

đang ngồi trong bóng mát, hướng về tăng thượng tâm. Người ấy suy nghĩ: "An lạc thay, Sa-môn hạnh! Vô bệnh thay, Sa-môn hạnh! Vậy sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, ta hãy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

Nhưng người ấy **không có thể từ bỏ** cái chòi ở hư nát, mở toang cho quạ, không đẹp mắt chút nào, không có thể từ bỏ cái giường nằm hư nát, không đẹp mắt chút nào, không có thể từ bỏ các loại gạo lúa cất chứa trong một cái chum không đẹp mắt chút nào, không có thể từ bỏ bà vợ không đẹp mắt chút nào, để có thể sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Này Udayi, nếu có ai nói như sau: "Người kia, bị trói buộc bởi những trói buộc ấy không có thể từ bỏ cái chòi ở hư nát... không có thể từ bỏ bà vợ không đẹp mắt chút nào để có thể sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. *Đối với người kia, sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có vững chắc", thời này Udayi, ai nói như vậy có phải nói một cách chân chánh không?*

– Bạch Thế Tôn, không. Người kia bị trói buộc

bởi những trói buộc ấy không thể từ bỏ chòi ở hư nát, mở toang cho quạ, không đẹp mắt chút nào, không thể từ bỏ giường nằm hư nát không đẹp mắt chút nào, không thể từ bỏ các loại gạo lúa cất chứa trong một cái chum không đẹp mắt chút nào, không thể từ bỏ bà vợ không đẹp mắt chút nào, để có thể, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đối với người kia, sự trói buộc ấy vững chắc, sự trói buộc ấy kiên cường, sự trói buộc ấy không mục nát, một khúc gỗ to lớn.

– Cũng vậy, này Udayi, ở đây, có một số người ngu si khi được Ta nói ra: "Hãy từ bỏ việc này", liền nói như sau: "Có sá gì sự việc tiểu tiết, nhỏ mọn này. Vị Sa-môn này đặt quá nặng về cấm đoán, đoạn giảm! " Và họ không chịu từ bỏ và gây lên bất mãn chống Ta và chống những Tỷ-kheo muốn (thực hành) học giới. Sự việc này, này Udayi, đối với họ, trở thành một trói buộc mạnh mẽ, một trói buộc vững chắc, một trói buộc kiên cường, một trói buộc không mục nát, một khúc gỗ to lớn.

➲ Ví như, này Udayi, một gia chủ hay con người gia chủ, giàu có, tài sản lớn, tiền của lớn, vô số vàng bạc chất đống, vô số gạo thóc chất đống, vô số ruộng nương chất đống, vô số đất đai chất đống, vô số thê thiếp chất đống, vô số đầy tớ nam chất

đống, vô số nữ tỳ chất đống.

Vị này thấy một Tỷ-kheo trong một tinh xá, tay chân lau rửa sạch sẽ, sau khi ăn bữa cơm ngon lành, đang ngồi trong bóng mát, hướng về tăng thượng tâm. Vị này suy nghĩ: "An lạc thay, Sa-môn hạnh! Vô bệnh thay, Sa-môn hạnh! Vậy sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, ta hãy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

Vị này có thể từ bỏ vô số vàng bạc chất đống, có thể từ bỏ vô số gạo thóc chất đống, có thể từ bỏ vô số ruộng nương chất đống, có thể từ bỏ vô số đất đai chất đống, có thể từ bỏ vô số thê thiếp chất đống, có thể từ bỏ vô số đầy tớ nam chất đống, có thể từ bỏ vô số nữ tỳ chất đống.

Này Udayi, nếu có ai nói như sau: "Người gia chủ hay con người gia chủ kia, bị trói buộc bởi những trói buộc ấy, có thể từ bỏ vô số vàng bạc chất đống... có thể từ bỏ vô số nữ tỳ chất đống để có thể sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đối với người kia, sự trói buộc ấy vững chắc, sự trói buộc ấy kiên cường, sự trói buộc ấy không mục nát, một khúc gỗ to lớn". Này Udayi, ai nói như vậy, có phải nói một cách chơn chánh không?

– Bạch Thế Tôn, không. Người kia bị trói buộc bởi những trói buộc ấy có thể từ bỏ vô số vàng bạc chất đống, có thể từ bỏ vô số gạo thóc chất đống, có thể từ bỏ vô số ruộng nương chất đống, có thể từ bỏ vô số đất đai chất đống, có thể từ bỏ vô số thê thiếp chất đống, có thể từ bỏ vô số đầy tớ nam chất đống, có thể từ bỏ vô số nữ tỳ chất đống, để có thể, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đối với người kia, sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có vững chắc.

– Cũng vậy, này Udayi, ở đây, có một số Thiện gia nam tử, khi được Ta nói: "Hãy từ bỏ việc này", liền nói như sau: "Có sá chi sự việc tiểu tiết, nhỏ mọn này mà Thế Tôn dạy chúng con phải đoạn trừ, bậc Thiện Thệ dạy chúng con phải từ bỏ! " Họ từ bỏ sự việc ấy, và không gây lên bất mãn chống Ta và chống các Tỷ-kheo muốn (thực hành) học giới. **Sau khi từ bỏ sự việc ấy, họ sống ít lăng xăng, lắng dịu, tùy thuộc những người khác (bố thí), sống với một tâm như con thú rừng**. Này Udayi, như vậy đối với họ, sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có vững chắc.

❖ **Này Udayi, có bốn hạng người có mặt trên đời.** Thế nào là bốn?

– Ở đây, này Udayi, có người sống, hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y. Nhưng trong khi vị này sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y, những tư niệm, tư duy liên hệ đến sanh y hiện hành khởi lên. Vị này chấp nhận chúng, không đoạn trừ chúng, không từ bỏ chúng, không chấm dứt chúng, không tiêu diệt chúng. Này Udayi, Ta nói: "Người này bị trói buộc, không phải không bị trói buộc". Vì sao vậy? Này Udayi, sự sai biệt về căn tánh trong người này đã được Ta biết rõ.

– Nhưng ở đây, này Udayi, có người sống, hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y. Nhưng trong khi vị này sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y, những tư niệm, tư duy liên hệ đến sanh y hiện hành khởi lên. Nhưng vị này không chấp nhận chúng, đoạn trừ chúng, từ bỏ chúng, chấm dứt chúng, tiêu diệt chúng. Này Udayi, Ta nói: "Người này bị trói buộc, không phải không trói buộc". Vì sao vậy? Này Udayi, sự sai biệt về căn tánh trong người này đã được Ta biết rõ".

– Nhưng ở đây, này Udayi, có người sống, hướng

đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y. Nhưng trong khi vị này sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y, các tư niệm điên đảo, các tư niệm, tư duy liên hệ đến sanh y, tùy lúc tùy thời hiện hành khởi lên. Này Udayi, niệm khởi lên chậm chạp và vị này đoạn trừ niệm ấy một cách mau chóng, từ bỏ, chấm dứt, tiêu diệt (niệm ấy). *Này Udayi, ví như một người nhỏ hai hay ba giọt nước vào một ấm nước đun sôi cả ngày. Này Udayi giọt nước rơi một cách chậm chạp nhưng bị tiêu diệt, tiêu mất một cách mau chóng*. Cũng vậy, này Udayi, có người sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y. Nhưng trong khi vị này sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y, các tư niệm điên đảo, các tư niệm, tư duy liên hệ đến sanh y tùy lúc, tùy thời, hiện hành khởi lên. Này Udayi, niệm khởi lên chậm chạp và vị này đoạn trừ niệm ấy một cách mau chóng, từ bỏ, chấm dứt, tiêu diệt (niệm ấy). Này Udayi, Ta nói: "Người này cũng bị trói buộc, không phải không bị trói buộc". Vì sao vậy? Này Udayi, sự sai biệt về căn tánh trong người này đã được Ta biết rõ.

– Nhưng ở đây, này Udayi, có người nghĩ rằng: "Sanh y là nguồn gốc của đau khổ", sau khi biết như vậy, vị ấy thành vô sanh y, giải thoát với

sự đoạn diệt sanh y. Này Udayi, Ta nói: "Người này không bị trói buộc, không phải bị trói buộc". Vì sao vậy? Này Udayi, sự sai biệt về căn tánh trong người này đã được Ta biết rõ.

❖ **Này Udayi, có năm dục trưởng dưỡng này**. Thế nào là năm?

– Sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn.

– Tiếng do tai nhận thức,...

– Hương do mũi nhận thức,...

– Vị do lưỡi nhận thức,...

– Xúc do thân cảm xúc, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn.

Những pháp này, này Udayi, là năm dục trưởng dưỡng.

Này Udayi, phàm có lạc gì, hỷ gì khởi lên, do duyên năm dục trưởng dưỡng này, lạc hỷ ấy được gọi là dục lạc, ô uế lạc, phàm phu lạc, phi Thánh lạc, không nên thực hiện, không nên tu tập, không nên làm cho sung mãn. **Ta nói rằng lạc ấy đáng phải sợ hãi.**

Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện

pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Diệt tầm và tứ, vị ấy chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tỉnh nhứt tâm,... (như trên)... Thiền thứ ba... chứng và trú Thiền thứ tư. Như vậy được gọi là yếm ly lạc, độc trú lạc, tịch tịnh lạc, chánh giác lạc, cần phải thực hiện, cần phải tu tập, cần làm cho sung mãn. **Ta nói rằng lạc ấy không đáng sợ hãi.**

- Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo ly dục... (như trên)... chứng và trú **Thiền thứ nhất**. **Thiền này,** này Udayi, **Ta nói rằng ở trong tình trạng dao động**. Và ở đây, cái gì dao động? Ở đây, chính là tầm tứ chưa đoạn diệt, chính tầm tứ này ở trong tình trạng dao động.
- Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai. Các Thiền này, này Udayi, Ta nói rằng ở trong tình trạng dao động. Và ở đây, cái gì dao động? Ở đây chính là hỷ lạc chưa được đoạn diệt, chính hỷ lạc này ở trong tình trạng dao động.
- Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo ly hỷ... chứng và trú Thiền thứ ba. Thiền này, này Udayi, Ta nói ở trong tình trạng dao động? Và ở đây cái gì dao động? Ở đây, chính là xả lạc chưa được đoạn diệt, chính xả lạc này ở trong tình trạng

dao động.

➡ Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo xả lạc và xả khổ... (như trên)... chứng và trú **Thiền thứ tư**. Thiền này, này Udayi, **Ta nói là không ở trong tình trạng dao động.**

❖ Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú **Thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ.

☞ Thiền thứ nhất này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "**Hãy từ bỏ đi**", Ta nói: "**Hãy vượt qua đi**". Và này Udayi, vị ấy cần vượt qua cái gì? Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ... (như trên)... chứng và trú Thiền thứ hai, đây là điều vị ấy cần vượt qua.

– Thiền thứ hai này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này, Udayi, vị ấy cần vượt qua cái gì? Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo ly hỷ... (như trên)... chứng và trú Thiền thứ ba, đây là điều vị ấy cần vượt qua.

– Thiền thứ ba này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn, Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này Udayi, vị ấy cần vượt qua cái gì? Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo xả

lạc... (như trên)... chứng và trú Thiền thứ tư. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua.

– Thiền thứ tư này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi" Và này Udayi, vị ấy cần phải vượt qua cái gì? Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với di tưởng, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua.

– Thiền Không vô biên xứ này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này Udayi, Tỷ-kheo vượt lên mọi Hư không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua.

– Thiền Thức vô biên xứ này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này Udayi, Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua.

– Thiền Vô sở hữu xứ này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này Udayi, Tỷ-kheo vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua.

– Thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "**Hãy từ bỏ đi**", Ta nói: "**Hãy vượt qua đi**". Và này Udayi, Tỷ-kheo vượt lên mọi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú **Diệt thọ tưởng**. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua.

– Chính vì (Diệt thọ tưởng định) này, này Udayi, mà Ta nói sự đoạn diệt của Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

☞ Này Udayi, Ông có thấy chăng, có kiết sử gì, nhỏ hay lớn mà Ta chưa nói đến sự đoạn diệt?

– Bạch Thế Tôn, không.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Udayi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn giảng.

23 Thành tựu Nhị thiền, tầm tứ bị đoạn diệt - Kinh CHÍN THỨ ĐỆ DIỆT – Tăng IV, 152

CHÍN THỨ ĐỆ DIỆT – *Tăng* IV, 152

1. - Này các Tỷ-kheo, có chín thứ đệ diệt.

2. Thế nào là chín?

1. *Thành tựu sơ Thiền thì các **dục tưởng** bị đoạn diệt.*
2. *Thành tựu đệ nhị Thiền thì các **tầm tứ** bị đoạn diệt.*
3. *Thành tựu đệ tam Thiền thì **hỷ** bị đoạn diệt.*
4. *Thành tựu đệ tứ Thiền thì **hơi thở vào, hơi thở ra** bị đoạn diệt.*
5. *Thành tựu Không vô biên xứ thì **sắc tưởng** bị đoạn diệt.*
6. *Thành tựu Thức vô biên xứ thì **Không vô biên xứ tưởng** bị đoạn diệt.*
7. *Thành tựu Vô sở hữu xứ thì **Thức vô biên xứ** bị đoạn diệt.*
8. *Thành tựu Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì **Vô sở hữu xứ** bị đoạn diệt.*
9. *Thành tựu Diệt thọ tưởng định thì **các tưởng và các cảm thọ** bị đoạn diệt.*

Này các Tỷ-kheo, đây là chín thứ đệ diệt.

24 Thành tựu Nhị thiền, tầm tứ bị đoạn diệt - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG

– ***Bài kinh số 33*** **– Trường** ***II, 567***

(Trích đoạn)

1. **Chín thứ đệ trú:**

- Này các Hiền giả, ở đây có vị Tỷ kheo, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú vào ***Thiền thứ nhất***, có tầm có tứ có hỷ lạc do ly dục sanh.
- Diệt tầm diệt tứ... chứng và trú vào ***Thiền thứ hai***...
- ... chứng và trú vào ***Thiền thứ ba***...
- ... chứng và trú vào ***Thiền thứ tư***.
- Sau khi vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, sau khi trừ diệt các hữu đối tưởng, không có tác ý với các sai biệt tưởng, chứng và trú ***Hư không vô biên xứ***: "Hư không là vô biên".
- Sau khi vượt qua Hư không vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú ***Thức vô biên xứ***: "Thức là vô biên".

- chứng và trú ***Vô sở hữu xứ***: "Không có sự vật gì tất cả".
- Sau khi vượt qua một cách hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú ***Phi tưởng phi phi tưởng xứ***.
- Sau khi vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú ***Diệt thọ tưởng định***.

2. **Chín thứ đệ diệt**:

- Thành tựu **Sơ thiền**, các ***dục tưởng*** bị đoạn diệt;
- Thành tựu đệ **Nhị thiền**, các ***tầm tứ*** bị đoạn diệt;
- Thành tựu đệ **Tam thiền**, ***hỷ*** bị đoạn diệt;
- Thành tựu đệ **Tứ thiền**, ***hơi thở vào hơi thở ra*** bị đoạn diệt;
- Thành tựu **Hư không vô biên xứ**, ***sắc tưởng*** bị đoạn diệt;
- Thành tựu **Thức vô biên xứ**, ***Hư không vô biên xứ tưởng*** bị đoạn diệt;
- Thành tựu **Vô sở hữu xứ**, ***Thức vô biên xứ tưởng*** bị đoạn diệt;

- Thành tựu **Phi tưởng phi phi tưởng xứ**, ***Vô sở hữu xứ tưởng*** bị đoạn diệt;
- Thành tựu **Diệt thọ tưởng (định)**, các ***tưởng*** và các ***thọ*** bị đoạn diệt.

25 Thành tựu Nhị thiền, tầm tứ bị đoạn diệt - Kinh THỨ ĐỆ TRÚ 2 – Tăng IV, 155

THỨ ĐỆ TRÚ 2 – *Tăng* IV, 155

1. *- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về chín Thiền chứng thứ đệ trú này. Hãy lắng nghe...*

2. *Này các Tỷ-kheo, thế nào là chín thứ đệ trú Thiền chứng?*

Chỗ nào các ***dục*** *đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt các dục, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiền chi ấy".*

Chỗ nào các ***dục*** *được đoạn diệt?*

Những ai sau khi đoạn diệt các dục, sống an trú: "Ta không biết vậy, Ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo ly các dục... chứng và an trú ***Thiền thứ nhất****. Tại đây, các dục được đoạn diệt, các vị ấy sau khi đoạn diệt các dục, sống an trú".*

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói "Lành thay". Sau khi hoan hỷ, tùy hỷ với lời nói "Lành thay" người ấy sẽ đảnh lễ, chắp tay và hầu hạ.

3. *Chỗ nào các **tầm và tứ** được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt tầm và tứ, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiền chi ấy".*

*Chỗ nào các **tầm và tứ** được đoạn diệt?*

*Những ai sau khi đoạn diệt tầm và tứ sống an trú:"Ta không biết vậy, Ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ... chứng và trú **Thiền thứ hai**. Tại đây, các tầm và tứ được đoạn diệt, các vị ấy sau khi đoạn diệt tầm và tứ, sống an trú".*

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, tùy hỷ với lời nói "Lành thay". Sau khi hoan hỷ, tùy hỷ với lời nói "Lành thay" sẽ đảnh lễ, chắp tay và hầu hạ.

4. *Chỗ nào **hỷ** được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt hỷ, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được*

tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiền chi ấy".

*Chỗ nào **hỷ** được đoạn diệt?*

*Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt hỷ, sống an trú. "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chứng và trú **Thiền thứ ba**. Tại đây, hỷ được đoạn diệt. Các vị ấy sau khi đoạn diệt hỷ, sống an trú".*

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói "Lành thay". Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói "Lành thay" sẽ đảnh lễ, chắp tay và hầu hạ.

5. *Chỗ nào **xả lạc** được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt xả lạc, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiền chi ấy".*

*Chỗ nào **xả lạc** được đoạn diệt?*

Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt xả lạc, sống an trú: "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây,

*này Hiền giả, Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ,... chứng và trú **Thiền thứ tư**. Tại đây, xả lạc được đoạn diệt. Các vị ấy sau khi đoạn diệt xả lạc, sống an trú".*

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không giả dối, không lường gạt sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói "Lành thay". Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói "Lành thay" sẽ đảnh lễ, chắp tay và hầu hạ.

6. *Chỗ nào **sắc tưởng** được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt sắc tưởng, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiền chi ấy".*

*Chỗ nào **sắc tưởng** được đoạn diệt?*

*Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt sắc tưởng, sống an trú: "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tưởng, không tác ý các sai biệt tưởng, biết rằng: "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú "**Không vô biên xứ**". Ở đây, các sắc tưởng được đoạn diệt. Các vị ấy sau khi đoạn diệt các sắc tưởng, sống an trú".*

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói "Lành thay". Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói "Lành thay" sẽ đảnh lễ, chắp tay và hầu hạ.

7. Chỗ nào Không vô biên xứ tưởng được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Không vô biên xứ tưởng, sống an trú, Ta nói rằng: *"Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiền chi ấy".*

Chỗ nào ***Không vô biên xứ tưởng*** *được đoạn diệt?*

Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Không vô biên xứ tưởng, sống an trú: "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua Không vô biên xứ tưởng một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú ***"Thức vô biên xứ".*** *Tại đây, Không vô biên xứ tưởng được đoạn diệt. Các vị ấy sau khi đoạn diệt Không vô biên xứ tưởng, sống an trú".*

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói "Lành thay". Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói "Lành thay" sẽ đảnh lễ, chắp tay và hậu hạ.

8. Chỗ nào Thức vô biên xứ tưởng được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Thức vô biên xứ tưởng, sống an trú, Ta nói rằng: *"Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiền chi ấy".*

*Chỗ nào **Thức vô biên xứ tưởng** được đoạn diệt?*

*Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Thức vô biên xứ tưởng, sống an trú: "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua Thức vô biên xứ tưởng một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chứng và trú "**Vô sở biên xứ**". Tại đây, Thức vô biên xứ tưởng được đoạn diệt. Các vị ấy, sau khi đoạn diệt Thức vô biên xứ tưởng, sống an trú".*

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói "Lành thay". Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói "Lành thay" sẽ đảnh lễ, chắp tay và hậu hạ.

9. Chỗ nào Vô sở hữu xứ tưởng được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Vô sở hữu xứ tưởng, sống an trú, Ta nói rằng: *"Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiền chi ấy".*

*Chỗ nào **Vô sở hữu xứ tưởng** được đoạn diệt?*

*Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Thức vô biên xứ tưởng, sống an trú: "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú **Phi tưởng phi phi tưởng xứ**". Tại đây, Vô sở hữu xứ tưởng được đoạn diệt. Các vị ấy sau đoạn diệt Vô sở hữu xứ tưởng, sống an trú.*

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói "Lành thay". Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói "Lành thay" sẽ đảnh lễ, chắp tay và hậu hạ.

10. Chỗ nào Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng, sống an trú, Ta nói rằng: *"Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với Thiền chi ấy".*

*Chỗ nào **Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng** được đoạn diệt?*

Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Phi tưởng phi phi tưởng, sống an trú: "Ta không biết vậy, ta không

thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú ***Diệt thọ tưởng định****". Tại đây, Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng được đoạn diệt. Các vị ấy sau khi đoạn diệt Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng, sống an trú.*

Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói "Lành thay". Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói "Lành thay" sẽ đảnh lễ, chắp tay và hậu hạ.

Này các Tỷ-kheo, đây chín là thứ đệ trú Thiền chứng.

26 Thánh cầu và phi Thánh cầu - Kinh THÁNH CẦU - 26 Trung I, 79

KINH THÁNH CẦU

(Ariyapariyesanasuttam)

– Bài kinh số 26 – *Trung* I, 361

Tôi nghe như vầy:

Một thời Thế Tôn ở Savatthi, tại Jetavana, vườn ông Anathapindika, (Cấp Cô Độc). Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát Savatthi để khất thực. Có một số đông Tỷ-kheo đến chỗ Tôn giả Ananda ở, sau khi đến, nói với Tôn giả Ananda:

– Hiền giả, đã lâu chúng tôi chưa được tận mặt nghe Thế Tôn thuyết pháp. Lành thay, Hiền giả Ananda, nếu chúng tôi được tận mặt nghe Thế Tôn thuyết pháp!

– Các Tôn giả hãy đến chỗ Bà-la-môn Rammaka ở, và các Tôn giả sẽ được tận mặt nghe Thế Tôn thuyết pháp.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ananda . Rồi Thế Tôn, khất thực ở Savatthi xong, sau buổi ăn trên con đường đi khất thực trở về, cho gọi Tôn giả Ananda:

– Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Pubbarama (Đông viên), ngôi lầu của Migaramatu (Lộc Mẫu Giảng Đường) để nghỉ trưa!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với Tôn giả Ananda đi đến vườn Pubbarama, ngôi lầu của Migaramatu để nghỉ trưa. Thế Tôn vào buổi chiều từ Thiền tịnh đứng dậy, gọi Tôn giả Ananda:

– Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Pubbakotthaka để rửa tay, rửa chân.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với Tôn giả Ananda đi đến Pubbakotthaka để rửa tay, rửa chân. Sau khi rửa tay, rửa chân ở Pubbalotthaka xong, Thế Tôn leo đứng trên bờ, đắp một tấm y, phơi tay chân cho khô. Rồi Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka không xa; bạch Thế Tôn, tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka là khả ái; bạch Thế Tôn, tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka là khả lạc; bạch Thế Tôn, lành thay, nếu Thế Tôn vì lòng từ bi đi đến tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka!

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn đi đến tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka. Lúc bấy giờ, một số đông Tỷ-kheo đang hội họp tại tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka để thuyết pháp. Thế Tôn đứng chờ ngoài cửa cho đến khi thuyết pháp xong. Thế Tôn biết cuộc thuyết pháp đã xong, liền đằng hắng và gõ vào thanh cửa. Các Tỷ-kheo ấy mở cửa cho Thế Tôn. Rồi Thế Tôn bước vào tịnh thất của Bà-la-môn Rammaka và ngồi lên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các Người nay hội họp bàn vấn đề gì? Và câu chuyện gì giữa các Người bị gián đoạn?

– Bạch Thế Tôn, câu chuyện giữa chúng con thuộc về Thế Tôn và câu chuyện ấy bị gián đoạn khi Thế Tôn đến.

– Này các Tỷ-kheo, lành thay khi Thiện nam tử các Người, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống

không gia đình, cùng nhau hội họp để luận bàn đạo pháp. Này các Tỷ-kheo, khi các Người hội họp với nhau, có hai việc cần phải làm: luận bàn đạo pháp hay giữ sự im lặng của bậc Thánh.

Này các Tỷ-kheo, có hai sự tầm cầu này: Thánh cầu và phi Thánh cầu.

Chư Tỷ-kheo, và thế nào là phi Thánh cầu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già, tự mình bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị sầu... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm.

Này các Tỷ-kheo, cái gì theo các Người gọi là bị sanh? Này các Tỷ-kheo, vợ con là bị sanh; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị sanh; dê và cừu là bị sanh; gà và heo là bị sanh; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị sanh; vàng và bạc là bị sanh. Này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy bị sanh, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị sanh lại tầm cầu cái bị sanh.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì theo các Người gọi là bị già? Này các Tỷ-kheo, vợ con là bị già; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị già; dê và cừu là bị già; gà và heo là bị già; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị già; vàng và bạc là bị già. Này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy là bị già, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm,

mê say chúng, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì theo các Người gọi là bị bệnh? Này các Tỷ-kheo, vợ con là bị bệnh; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bi bệnh; dê và cừu là bị bệnh; gà và heo là bị bệnh; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị bệnh. Này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy là bị bệnh, và người ấy lại nắm giữ tham đắm, mê say chúng, tự mình bị bệnh lại tìm cầu cái bị bệnh.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì các Người nói là bị chết? Này các Tỷ-kheo, vợ con là bị chết; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị chết; dê và cừu là bị chết; gà và heo là bị chết; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị chết. Này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy là bị chết, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị chết lại tìm cầu cái bị chết.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì theo các Người gọi là bị sầu? Này các Tỷ-kheo, vợ con là bị sầu; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị sầu; dê và cừu là bị sầu, gà và heo là bị sầu; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị sầu. Này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy là bị sầu, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị sầu lại tìm cầu cái bị sầu.

Và này các Tỷ-kheo, cái gì theo các Người gọi là bị ô nhiễm? Này các Tỷ-kheo, vợ con là bị ô

nhiễm; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị ô nhiễm; dê và cừu là bị ô nhiễm; gà và heo là bị ô nhiễm; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị ô nhiễm; vàng và bạc là bị ô nhiễm. Và này các Tỷ-kheo, những chấp thủ ấy là bị ô nhiễm, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là phi Thánh cầu.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh cầu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị sanh, tìm cầu cái vô sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị già, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị già, tìm cầu cái không già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị bệnh... cái không bệnh... tự mình bị chết... cái bất tử... tự mình bị sầu... cái không sầu... tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của ô nhiễm, tìm cầu cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, như vậy, gọi là Thánh cầu.

Này các Tỷ-kheo, Ta cũng vậy, trước khi Giác Ngộ, khi chưa chứng Chánh Đẳng Giác, khi còn là Bồ-tát, tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già, lại tìm cầu cái bị già, tự mình bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị sầu"... tự mình bị ô

nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm. *Này các Tỷ-kheo, rồi Ta suy nghĩ như sau*: "Tại sao Ta, tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già... (như trên)... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm? Vậy Ta, tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị sanh, hãy tìm cầu cái không sanh vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị già... cái không già... tự mình bị bệnh... cái không bệnh... tự mình bị chết... cái bất tử... tự mình bị sầu... cái không sầu... tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị nhiễm, hãy tìm cầu cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn.

Rồi này các Tỷ-kheo, sau một thời gian, khi Ta còn trẻ, niên thiếu, tóc đen nhánh, đầy đủ huyết khí của tuổi thanh xuân, trong thời vàng son cuộc đời, mặc dầu cha mẹ không bằng lòng, nước mắt đầy mặt, than khóc, Ta cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Ta xuất gia như vậy, một người đi tìm cái gì chí thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ. Ta đến chỗ Alara Kalama ở, khi đến xong liền thưa với Alara Kalama: "Hiền giả Kalama, tôi muốn sống phạm hạnh trong pháp luật này". Này các Tỷ-kheo, được nghe nói vậy, Alara Kalama nói với Ta: "Này Tôn giả, hãy sống (và an trú). Pháp này là như vậy, khiến kẻ có trí, không bao lâu như vị Bổn sư của mình (chỉ dạy), tự

tri, tự chứng, tự đạt và an trú". Này các Tỷ-kheo, và không bao lâu Ta đã thông suốt pháp ấy một cách mau chóng. Và này các Tỷ-kheo, cho đến vấn đề khua môi và vấn đề phát ngôn mà nói, thời Ta nói giáo lý của kẻ trí và giáo lý của bậc Trưởng lão (Thượng tọa), và Ta tự cho rằng Ta như kẻ khác cũng vậy, Ta biết và Ta thấy. Này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Alara Kalama tuyên bố pháp này không phải chỉ vì lòng tin: "Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, Ta mới an trú". Chắc chắn Alara Kalama biết pháp này, thấy pháp này rồi mới an trú". Này các Tỷ-kheo, rồi Ta đi đến chỗ Alara Kalama ở, sau khi đến Ta nói với Alara Kalama: "Hiền giả Kalama, cho đến mức độ nào, Ngài tự tri, tự chứng, tự đạt, và tuyên bố pháp này?" Này các Tỷ-kheo, được nói vậy, Alara Kalama tuyên bố về *Vô sở hữu xứ*. Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ: "Không phải chỉ có Alara Kalama có lòng tin, Ta cũng có lòng tin. Không phải chỉ có Alara Kalama mới có tinh tấn, Ta cũng có tinh tấn. Không phải chỉ có Alara Kalama mới có niệm, Ta cũng có niệm. Không phải chỉ có Alara Kalama mới có định, Ta cũng có định. Không phải chỉ có Alara Kalama mới có tuệ, Ta cũng có tuệ. Vậy Ta hãy cố gắng chứng cho được pháp mà Alara Kalama tuyên bố: "Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, ta an trú". Rồi này các Tỷ-kheo, không bao lâu sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt pháp ấy một cách mau chóng, Ta an

trú. Rồi này các Tỷ-kheo, Ta đi đến chỗ Alara Kalama ở, sau khi đến, Ta nói với Alara Kalama: "Này Hiền giả Kalama, có phải Hiền giả đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy?"- "Vâng, Hiền giả, tôi đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy". - "Này Hiền giả, tôi cũng tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy". - "Thật lợi ích thay cho chúng tôi, Thật khéo lợi ích thay cho chúng tôi, khi chúng tôi được thấy một đồng phạm hạnh như Tôn giả! Pháp mà tôi tự tri, tự chứng, tự đạt, và tuyên bố, chính pháp ấy Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú; pháp mà Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú, chính pháp ấy tôi tự tri, tự chứng tự đạt và tuyên bố; pháp mà tôi biết, chính pháp ấy Hiền giả biết; pháp mà Hiền giả biết, chính pháp ấy tôi biết. Tôi như thế nào, Hiền giả là như vậy; Hiền giả như thế nào, tôi là như vậy. Nay hãy đến đây, Hiền giả, hai chúng ta hãy chăm sóc hội chúng này!" Như vậy này các Tỷ-kheo, Alara Kalama là Đạo Sư của Ta, lại đặt Ta, đệ tử của vị ấy ngang hàng với mình, và tôn sùng Ta với sự tôn sùng tối thượng. Này các Tỷ-kheo, rồi Ta tự suy nghĩ: *"Pháp này không hướng đến yểm ly, không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn, mà chỉ đưa đến sự chứng*

đạt Vô sở hữu xứ". Như vậy này các Tỷ-kheo, Ta không tôn kính pháp này, và từ bỏ pháp ấy, Ta bỏ đi.

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta, kẻ đi tìm cái gì chí thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ. Ta đi đến chỗ Uddaka Ramaputta, khi đến xong Ta nói với Uddaka Ramaputta: "Hiền giả, tôi muốn sống phạm hạnh trong pháp luật này. Được nói vậy, này các Tỷ-kheo, Uddaka Ramaputta nói với Ta: "Này Tôn giả, hãy sống (và an trú), pháp này là như vậy, khiến người có trí không bao lâu như vị Bổn sư của mình (chỉ dạy) tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú". Này các Tỷ-kheo, Ta đã thông suốt pháp ấy một cách mau chóng. Và này các Tỷ-kheo, cho đến vấn đề khua môi và vấn đề phát ngôn mà nói, thời Ta nói giáo lý của kẻ trí, và giáo lý của bậc Trưởng lão (Thượng Tọa), và Ta tự cho rằng Ta như người khác cũng vậy, Ta biết và Ta thấy. Này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Rama tuyên bố pháp này không phải vì lòng tin: "Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, ta mới an trú". Chắc chắn Rama thấy pháp này, biết pháp này, rồi mới an trú". Này các Tỷ-kheo, rồi Ta đi đến chỗ Uddaka Ramaputta ở, sau khi đến Ta nói với Uddaka Ramaputta: "Hiền giả Rama, cho đến mức độ nào, Ngài tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này?" Này các Tỷ-kheo được nghe nói vậy, Uddaka Ramaputta tuyên bố về *Phi tưởng phi phi tưởng xứ*.

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ: "Không phải chỉ có Rama mới có lòng tin. Ta cũng có lòng tin. Không phải chỉ có Rama mới có tinh tấn, Ta cũng có tinh tấn. Không phải chỉ có Rama mới có niệm, Ta cũng có niệm. Không phải chỉ có Rama mới có định, Ta cũng có định. Không phải chỉ có Rama mới có tuệ, Ta cũng có tuệ. Vậy ta hãy cố gắng chứng cho được pháp mà Rama tuyên bố: "Sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt, tự an trú". Rồi này các Tỷ-kheo, không bao lâu sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt pháp ấy một cách mau chóng, Ta an trú. Rồi này các Tỷ-kheo, Ta đi đến chỗ Uddaka Ramaputta ở, sau khi đến, Ta nói với Uddaka Ramaputta: "Này Hiền giả Rama, có phải Hiền giả đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy?" - "Vâng Hiền giả, tôi đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy". - "Này Hiền giả, tôi cũng đã tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố pháp này đến mức độ như vậy." Thật lợi ích thay cho chúng tôi! Thật khéo lợi ích thay cho chúng tôi, khi chúng tôi được thấy một đồng phạm hạnh như Tôn giả! Pháp mà tôi, tự tri tự chứng, tự đạt và tuyên bố, chính pháp ấy Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú; pháp mà Hiền giả tự tri, tự chứng, tự đạt và an trú, chính pháp ấy tôi tự tri, tự chứng, tự đạt và tuyên bố; pháp mà tôi biết, chính pháp ấy Hiền giả biết; pháp mà Hiền giả biết, chính pháp ấy tôi biết. Tôi như thế nào, Hiền giả là như

vậy; Hiền giả như thế nào, Tôi là như vậy. Nay hãy đến đây, Hiền giả, hai chúng ta hãy chăm sóc hội chúng này!" Như vậy, này các Tỷ-kheo, Uddaka Ramaputta-là Đạo Sư của Ta, lại đặt Ta, đệ tử của vị ấy ngang hàng với mình, và tôn sùng Ta với sự tôn sùng tối thượng. Này các Tỷ-kheo, rồi Ta suy nghĩ: "Pháp này không hướng đến yểm ly, không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn, mà chỉ đưa đến sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ". Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta không tôn kính pháp ấy và từ bỏ pháp ấy, Ta bỏ đi.

Này các Tỷ-kheo, *Ta, kẻ đi tìm cái gì chí thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ, tuần tự du hành tại nước Magadha (Ma kiệt đà) và đến tại tụ lạc Uruvela (Ưu lâu tần loa). Tại đây, Ta thấy một địa điểm khả ái, một khóm rừng thoải mái, có con sông trong sáng chảy gần, với một chỗ lội qua dễ dàng khả ái, và xung quanh có làng mạc bao bọc dễ dàng đi khất thực. Này các Tỷ-kheo, rồi Ta tự nghĩ: "Thật là một địa điểm khả ái, một khóm rừng thoải mái, có con sông trong sáng chảy gần, với một chỗ lội qua dễ dàng khả ái, và xung quanh có làng mạc bao bọc dễ dàng đi khất thực. Thật là một chỗ vừa đủ cho một Thiện nam tử tha thiết tinh cần có thể tinh*

tấn". Và này các Tỷ-kheo, Ta ngồi xuống tại chỗ ấy và nghĩ: "Thật là vừa đủ để tinh tấn".

Rồi này các Tỷ-kheo, *Ta tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị sanh, tìm cầu cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn;* tự mình bị già, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị già, tìm cầu cái không già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; và đã chứng được cái không già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị bệnh, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị bệnh, tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không bệnh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị chết, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị chết, tìm cầu cái không chết, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không chết, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị sầu, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị sầu, tìm cầu cái không sầu, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái vô sầu, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị ô nhiễm, tìm cầu cái không bị ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không ô nhiễm,

vô thượng an ổn, khỏi các khổ ách, Niết-bàn. Và trí và kiến khơi lên nơi Ta: Sự giải thoát của Ta không bị dao động. Nay là đời sống cuối cùng của Ta, không còn sự tái sanh nữa.

Này các Tỷ-kheo, rồi Ta suy nghĩ như sau: *"Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý Idapaccàyata Paticcasamuppada (Y Tánh Duyên Khởi Pháp); sự kiện này thật khó thấy; tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự trừ bỏ tất cả sanh y, ái diệt, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thời như vậy thật khổ não cho Ta, như vậy thật bực mình cho Ta!"* Này các Tỷ-kheo, rồi những kệ bất khả tư nghì, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta:

Sao Ta nói Chánh pháp,
Được chứng ngộ khó khăn?
Những ai còn tham sân,
Khó chứng ngộ pháp này.
Đi ngược dòng, thâm diệu,
Khó thấy, thật tế nhị,

Kẻ ái nhiễm vô minh,
Không thấy được pháp này.

Rồi này các Tỷ-kheo, với những suy tư như vậy, tâm của Ta hướng về vô vi thụ động, không muốn thuyết pháp.

Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ Phạm thiên Sahampati khi biết được tâm tư của Ta; với tâm tư của mình, liền suy nghĩ: *"Than ôi, thế giới sẽ tiêu diệt, thế giới sẽ bi hoại vong, nếu tâm của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác hướng về vô vi thụ động, không muốn thuyết pháp"*. Rồi này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati, như một nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co, hay co cánh tay đang duỗi; cũng vậy, vị ấy biến mất từ thế giới Phạm thiên, và hiện ra trước mặt Ta. Này các Tỷ-kheo, rồi Phạm thiên Sahampati đắp thượng y một bên vai chắp tay hướng vái Ta và bạch với Ta: *"Bạch Thế Tôn, hãy thuyết pháp! Bạch Thiện Thệ, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít nhiễm bụi trần sẽ bị nguy hại nếu không được nghe Chánh pháp. (Nếu được nghe), những vị này có thể thâm hiểu Chánh pháp".* Này các Tỷ-kheo, Phạm thiện Sahampati nói như vậy. Sau khi nói vậy, lại nói thêm như sau:

Xưa tại Magadha,
Hiện ra pháp bất tịnh,

Pháp do tâm cấu uế,
Do suy tư tác thành.
Hãy mỡ tung mở rộng,
Cánh cửa bất tử này.
Hãy để họ nghe Pháp,
Bậc Thanh tịnh Chứng Ngộ.
Như đứng trên tảng đá,
Trên đỉnh núi (tột cao)
Có người đứng nhìn xuống,
Đám chúng sanh quây quần.
Cũng vậy, ôi Thiện Tuệ,
Bậc Biến Nhãn cùng khắp,
Leo lên ngôi lâu đài,
Xây dựng bằng Chánh pháp
Bậc Thoát Ly sầu muộn,
Nhìn xuống đám quần sanh,
Bị sầu khổ áp bức,
Bị sanh già chi phối,
Đứng lên vị Anh Hùng,
Bậc Chiến Thắng chiến trường.
Vị trưởng đoàn lữ khách,
Bậc Thoát Ly nợ nần.
Hãy đi khắp thế giới,
Bậc Thế Tôn Chánh Giác!
Hãy thuyết vi diệu pháp,
Người nghe sẽ thâm hiểu!

Này các Tỷ-kheo, sau khi biết được lời Phạm thiên yêu cầu, vì lòng từ bi đối với chúng sanh, với Phật nhãn, Ta nhìn quanh thế giới. Này các Tỷ-kheo, với Phật nhãn, Ta thấy có hạng chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nhiều nhiễm bụi đời, có hạng lợi căn, độn căn, có hạng thiện tánh, ác tánh, có hạng dễ dạy, khó dạy, và một số ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm làm những hành động lỗi lầm.

Như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng hay hồ sen trắng có một số hoa sen xanh, sen hồng, hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, không vượt lên khỏi mặt nước, được nuôi dưỡng dưới nước. Có một hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, sống vươn lên tới mặt nước. Có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, vươn lên khỏi mặt nước, không bị nước đẫm ướt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với Phật nhãn, Ta thấy có hạng chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nhiều nhiễm bụi đời, có hạng lợi căn, độn căn, có hạng thiện tánh, ác tánh, có hạng dễ dạy khó dạy, và một số ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm làm những hành động lỗi lầm. Và này các Tỷ-kheo, Ta nói lên bài kệ sau đây với Phạm thiên Sahampati:

Cửa bất tử rộng mở,
Cho những ai chịu nghe.
Hãy từ bỏ tín tâm,
Không chính xác của mình.
Tự nghĩ đến phiền toái,
Ta đã không muốn giảng,
Tối thượng vi diệu pháp,
Giữa chúng sanh loài Người.
(Ôi Phạm thiên)

Này các Tỳ-kheo, rồi Phạm thiên Sahampati tự nghĩ: "Ta đã tạo cơ hội cho Thế Tôn thuyết pháp", đảnh lễ Ta, thân phía hữu hướng (về Ta) rồi biến mất tại chỗ.

Này các Tỳ-kheo, rồi Ta tự suy nghĩ: *"Ta sẽ thuyết pháp cho ai đầu tiên, ai sẽ mau hiểu Chánh pháp này?"* Này các Tỳ-kheo, rồi Ta tự nghĩ: "Nay có Alara Kalama là bậc trí thức, đa văn, sáng suốt, đã từ lâu sống ít nhiễm bụi đời. Ta hãy thuyết pháp đầu tiên cho Alara Kalama, vị này sẽ mau hiểu Chánh pháp này". Này các Tỳ-kheo, rồi chư Thiên đến Ta và nói như sau: "Bạch Thế Tôn, *Alara Kalama đã mệnh chung bảy ngày rồi*". Rồi tri kiến khởi lên nơi Ta: "Alara Kalama đã mệnh chung bảy ngày rồi". Này các Tỳ-kheo, Ta nghĩ: "Thật là một thiệt hại lớn cho Alara Kalama: Nếu nghe pháp này,

Alara Kalama sẽ mau thâm hiểu".

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại nghĩ: "Ta sẽ thuyết pháp cho ai đầu tiên? Ai sẽ mau hiểu Chánh pháp này? Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại nghĩ: "Nay có Uddaka Ramaputta-là bậc tri thức, đa văn, sáng suốt, đã từ lâu sống ít nhiễm bụi đời. Ta hãy thuyết pháp đầu tiên cho Uddaka Ramaputta. Vị này sẽ mau hiểu Chánh pháp này." Rồi chư Thiên đến Ta và nói như sau: "Bạch Thế Tôn, *Uddaka Ramaputta đã mệnh chung ngày hôm qua*". Rồi tri kiến khởi lên nơi Ta: "Uddaka Ramaputta đã mệnh chung hôm qua". Này các Tỷ-kheo, Ta nghĩ: "Thật là một thiệt hại lớn cho Uddaka Ramaputta. Nếu nghe pháp này, Uddaka Ramaputta sẽ mau thâm hiểu".

Này các Tỷ-kheo, rồi Ta suy nghĩ: "Ta sẽ thuyết pháp cho ai đầu tiên? Ai sẽ mau hiểu Chánh pháp này?" Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại nghĩ: *"Nhóm năm Tỷ-kheo này đã hầu hạ Ta khi Ta còn nỗ lực tinh cần, nhóm ấy thật giúp ích nhiều. Vậy ta hãy thuyết pháp đầu tiên cho nhóm năm Tỷ-kheo!"* Rồi này các Tỷ-kheo, Ta lại nghĩ: "Nay nhóm năm Tỷ-kheo ở tại đâu?" Này các Tỷ-kheo, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Ta thấy *nhóm năm Tỷ-kheo hiện ở Baranasi (Ba la nại), tại Isipatana, vườn Lộc Uyển.* Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi ở tại Uruvela lâu cho

đến khi mãn ý, Ta lên đường đi đến Baranasi.

Này các Tỷ-kheo, *một tà mạng ngoại đạo tên là Upaka*, đã thấy Ta khi Ta còn đi trên con đường giữa Gaya và cây Bồ-đề.

Sau khi thấy, vị ấy nói với Ta:

"– Các căn của Hiền giả thật sáng suốt. Da sắc của Hiền giả thật thanh tịnh, thật thanh khiết. Này Hiền giả, vì mục đích gì, Hiền giả xuất gia? Ai là bậc Đạo Sư của Hiền giả? Hiền giả hoan hỷ thọ trì pháp của ai?"

Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, Ta nói với tà mạng đạo Upaka bài kệ như sau:

"– Ta, bậc Thắng tất cả,
Ta, bậc Nhất thiết Trí.
Hết thảy pháp, không nhiễm,
Hết thảy pháp, xả ly.
Ta sống chân giải thoát,
Đoạn tận mọi khát ái.
Như vậy Ta tự giác,
Còn phải y chỉ ai?
Ta không có Đạo Sư,
Bậc như Ta không có.
Giữa thế giới Nhơn, Thiên,

Không có ai bằng Ta.
Bậc Ứng Cúng trên đời,
Bậc Đạo Sư vô thượng.
Tự mình Chánh Đẳng Giác,
Ta an tịnh, thanh thoát.
Để chuyển bánh xe Pháp.
Ta đến thành Kàsi.
Gióng lên trống bất tử,
Trong thế giới mù lòa.

"– Như Hiền giả đã tự xưng, Hiền giả xứng đáng là bậc Chiến thắng Vô tận.

"– Như Ta, bậc Thắng giả,
Những ai chứng lậu tận,
Ác pháp, Ta nhiếp phục,
Do vậy, Ta vô địch".
(Này Upaka)

Này các Tỷ-kheo, sau khi được nói vậy, tà mạng ngoại đạo Upaka nói với Ta:

"– Này Hiền giả, mong rằng sự việc là vậy".

Nói xong, Upaka lắc đầu rồi đi theo một ngã khác.

– Này các Tỷ-kheo, rồi Ta tuần tự đi đến Baranasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển, đi đến chỗ nhóm năm Tỷ-kheo ở.

Này các Tỷ-kheo, nhóm năm Tỷ-kheo khi thấy Ta từ xa đi đến, đã cùng nhau thỏa thuận như sau: *"Này các Hiền giả, nay Sa-môn Gotama đang đi đến; vị này sống trong sự sung túc, đã từ bỏ tinh cần, đã trở lui đời sống đầy đủ vật chất. Chúng ta chớ có đảnh lễ, chớ có đứng dậy, chớ có lấy y bát. Hãy đặt một chỗ ngồi, và nếu vị ấy muốn, vị ấy sẽ ngồi".*

Này các Tỷ-kheo, nhưng khi Ta đi đến gần, năm Tỷ-kheo ấy không thể giữ đúng điều đã thỏa thuận với nhau. Có người đến đón Ta và cầm lấy y bát, có người sắp đặt chỗ ngồi, có người đem nước rửa chân đến. Nhưng các vị ấy gọi Ta bằng tên với danh từ Hiền giả (Avuso). Này các Tỷ-kheo khi ta nghe nói vậy, Ta nói với nhóm năm Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo, chớ có gọi Ta bằng tên và dùng danh từ Hiền giả. Này các Tỷ-kheo, Như Lai là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Hãy lóng tai, **Pháp bất tử đã chứng được**, Ta giảng dạy, Ta thuyết pháp. Sống đúng theo lời khuyến giáo, các Ông không bao lâu, sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt ngay trong hiện tại, mục đích vô thượng của phạm hạnh mà các Thiện nam tử, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, các Ông sẽ an trú.

Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, nhóm năm

Tỷ-kheo nói Ta:

"– Hiền giả Gotama, với nếp sống này, với đạo tu này, với khổ hạnh này, Hiền giả đã không chứng được Pháp siêu nhân, tri kiến, thù thắng xứng đáng bậc Thánh, thì này làm sao Hiền giả, với nếp sống sung túc, với sự từ bỏ tinh cần, với sự trở lui đời sống vật chất đầy đủ, lại có thể chứng được Pháp siêu nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh?

Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, Ta nói với nhóm năm Tỷ-kheo:

"– Này các Tỷ-kheo, Như Lai không sống sung túc, không từ bỏ tinh cần, không trở lui đời sống vật chất đầy đủ. Này các Tỷ-kheo, Như Lai là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Này các Tỷ-kheo, hãy lóng tai, Pháp bất tử đã chứng được, Ta giảng dạy, Ta thuyết pháp. Sống đúng theo lời khuyến giáo, các Ông không bao lâu, sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh mà các Thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, các Ông sẽ an trú.

Này các Tỷ-kheo, lại lần thứ hai, nhóm năm Tỷ-kheo nói với Ta:

"– Hiền giả Gotama, với nếp sống này... (như

trên)... tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh?

Này các Tỷ-kheo, lại lần thứ hai Ta nói với nhóm năm Tỷ-kheo:

"– Này các Tỷ-kheo, Như Lai không sống sung túc... (như trên)... các Ông sẽ an trú.

Này các Tỷ-kheo, lại lần thứ ba, nhóm năm Tỷ-kheo nói với Ta:

"– Hiền giả Gotama, với nếp sống này... (như trên)... tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh?

Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, Ta nói với nhóm năm Tỷ-kheo:

"– Này các Tỷ-kheo, từ trước đến nay, các Ông có chấp nhận là Ta chưa bao giờ nói như vậy chăng?

"– Bạch Thế Tôn chưa bao giờ như vậy.

"– Này các Tỷ-kheo, Như Lai là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Hãy lóng tai, Pháp bất tử đã chứng được, Ta giảng dạy, Ta thuyết pháp. Sống đúng theo lời khuyến giáo, các Ông không bao lâu, sau khi tự tri, tư chứng, tự đạt được ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của phạm hạnh mà các Thiện

nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, các Ông sẽ an trú".

Này các Tỷ-kheo, Ta đã làm cho nhóm năm Tỷ-kheo chấp nhận. *Này các Tỷ-kheo, Ta thuyết giảng cho hai Tỷ-kheo, thì ba Tỷ-kheo kia đi khất thực. Đồ ăn mà ba Tỷ-kheo này khất thực mang về, đủ nuôi sống cho nhóm sáu người. Này các Tỷ-kheo, Ta thuyết giảng cho ba Tỷ-kheo, thì hai Tỷ-kheo kia đi khất thực. Đồ ăn mà hai Tỷ-kheo này khất thực mang về, đủ nuôi sống cho nhóm sáu người.*

Này các Tỷ-kheo, chúng năm Tỷ-kheo, sau khi được Ta thuyết giảng, sau khi được Ta khuyến giáo, tự mình bị sanh, sau khi biết được sự nguy hại của cái bị sanh, tìm cầu cái không sanh, vô thượng an ổn, thoát khỏi các (khổ) ách, chứng Niết-bàn và đã chứng được cái không sanh, vô thượng an ổn, thoát khỏi các (khổ) ách, chứng Niết-bàn, tự mình bị già... cái không già... tự mình bị bệnh... cái không bệnh... tự mình bị chết... cái không chết... tự mình bi sầu... cái không sầu... tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết được sự nguy hại củ ái bị ô nhiễm, tìm cầu cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn, thoát khỏi các (khổ) ách, chứng Niết-bàn, và đã chứng được cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn, thoát khỏi các (khổ) ách, chứng Niết-bàn. Tri và kiến khởi lên nơi họ: *"Sự giải*

thoát của chúng ta không bị dao động, đây thức gì được hiện khởi như vậy đều quy là đời sống cuối cùng. Nay không còn tái sanh nữa".

Này các Tỷ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng. Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức, sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... (như trên)... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân cảm xúc là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, như vậy, là năm dục trưởng dưỡng.

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào bị trói buộc, bị tham đắm, bị mê say bởi năm dục trưởng dưỡng này, không thấy sự nguy hại của chúng, không biết rõ sự xuất ly khỏi chúng, mà thọ dụng chúng, những vị ấy cần phải được hiểu là: "Các Người đã rơi vào bất hạnh, đã rơi vào tai họa, đã bị Ác ma sử dụng như ý muốn".

Này các Tỷ-kheo, như một con nai sống trong rừng bị sập bẫy nằm xuống, con nai ấy cần phải được hiểu là: "Nó đã rơi vào bất hạnh, đã rơi vào tai họa, đã bị thợ săn sử dụng như ý muốn. Khi người thợ săn đến, con nai không thể bỏ đi như ý muốn.

Này các Tỷ-kheo, cũng vậy, những vị Sa-môn

hay Bà-la-môn nào bị trói buộc... (như trên)... đã bị Ác ma sử dụng như ý muốn.

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không bị trói buộc, không bị tham đắm, không bị mê say bởi năm dục trưởng dưỡng này, thấy sự nguy hại của chúng, biết rõ sự xuất ly khỏi chúng, và thọ dụng chúng, những vị ấy cần phải được hiểu là: "Các Người không rơi vào bất hạnh, không rơi vào tai họa, không bi Ác ma sử dụng như ý muốn".

Này các Tỷ-kheo, như một con nai sống trong rừng, không bị sập bẫy phải nằm xuống, con nai ấy cần phải được hiểu là: "Nó không rơi vào bất hạnh, nó không rơi vào tai họa, nó không bị người thợ săn sử dụng như ý muốn". Khi người thợ săn đến, con nai có thể bỏ đi như ý muốn. Này các Tỷ-kheo, cũng vậy, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không bị trói buộc... không bị Ác ma sử dụng như ý muốn.

Chư Tỷ-kheo, ví như con nai sống trong rừng, đi qua đi lại trong rừng, an tâm nó đi, an tâm nó đứng, an tâm nó ngồi, an tâm nó nằm. Tại sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì nó vượt khỏi tầm tay của người thợ săn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp chứng và trú Thiền thứ nhất,

một trạng thái hỷ lạc, do ly dục sanh, có tầm có tứ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là: một vị đã làm Ác Ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các vị Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... vượt khỏi tầm mắt của Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm

mắt của Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức Vô biên xứ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ- kheo ấy được gọi là...đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa Tỷ-kheo vượt lên mọi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng (định). Sau khi thấy bằng trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn trừ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã làm Ác ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt Ác ma. Vị ấy đã vượt khỏi mọi triền phược ở đời. An tâm vị ấy đi, an tâm vị ấy đứng, an tâm vị ấy ngồi, an tâm vị ấy nằm. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì vị ấy vượt khỏi tầm

tay của Ác ma.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

27 Thầy chớ làm cho tự ngã trở thành thối nát - Kinh THỐI NÁT – Tăng I, 510

THỐI NÁT – *Tăng* I, 510

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Bàrànasi, tại Isipatana vườn Nai.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Ba-la-nại để khất thực. Thế Tôn, trong khi đi khất thực tại Goyogapilakkha, gần cây sung, chỗ cột đàn bò, thấy một Tỷ-kheo hưởng thọ hương vị trống không, không có Thiền định, hưởng thọ hương vị hướng ngoại của dục vật, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, với tâm tán loạn, với các căn phóng túng. Thấy vậy, Thế Tôn liền nói với vị Tỷ-kheo ấy:

- Này Tỷ-kheo, này Tỷ-kheo! Thầy chớ có làm cho tự ngã trở thành thối nát. Này Tỷ-kheo, ai làm cho tự ngã thối nát đầy ứ, thoát ra toàn mùi hôi thối, rồi mong rằng các loài ruồi lằng sẽ không bu đậu, sẽ không có chiếm cứ, sự kiện như vậy không xảy ra.

2. Tỷ-kheo ấy được Thế Tôn giáo giới với lời giáo giới như vậy, cảm thấy xúc động mạnh. Rồi Thế Tôn, sau khi đi khất thực ở Ba-la-nại xong, sau bữa ăn, sau khi đi khất thực trở về, bảo các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, ở đây, sau khi đắp y vào buổi sáng, Ta cầm lấy y bát, đi vào Ba-la-nại để khất thực. Này các Tỷ-kheo, trong khi đi khất thực tại Goyogapilakkha, Ta thấy một Tỷ-kheo hưởng thọ hương vị trống không, không có Thiền định, hưởng thọ hương vị hướng ngoại của dục vật, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, với tâm tán loạn, với các căn phóng túng. Thấy vậy, Ta liền nói với vị Tỷ-kheo ấy: *"Này Tỷ-kheo, này Tỷ-kheo! Thầy chớ có làm cho tự ngã trở thành thối nát. Này Tỷ-kheo, ai làm cho tự ngã thối nát đầy ứ, thoát ra toàn mùi hôi thối, rồi mong rằng: "Các loài ruồi lằng sẽ không bu đậu, sẽ không có chiếm cứ", sự kiện như vậy không xảy ra".*

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được ta giáo giới với lời giáo giới này, cảm thấy xúc động mạnh.

3. Khi nghe nói như vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thối nát cái gì, mùi hôi thối cái gì, các loài rồi lằng là gì?

- *Tham cầu, là thối nát.*
- *Sân là mùi hôi thối.*
- *Các suy tầm ác bất thiện là ruồi lằng.*

Này các Tỷ-kheo, ai làm cho các tự ngã thối nát, đầy ứ, thoát ra mùi hôi thối, rồi mong rằng: *"Các loài*

ruồi lằng sẽ không bu đậu, sẽ không chiếm cứ", sự kiện như vậy không xảy ra.

Tai mắt không giữ gìn
Các căn không phòng hộ
Ruồi lằng sẽ bu đậu
Các tư duy tham ái
Tỷ-kheo làm thối nát
Đầy ứ những mùi hôi
Xa thay là Niết-bàn!
Chịu phần về bất hạnh
Tại làng hay trong rừng
Tự ngã không an tịnh
Kẻ ngu và không trí
Đi đứng đầy ruồi lằng.

Ai đầy đủ giới luật
Thích tịch tịnh trí tuệ
Sống an tịnh hạnh phúc
Mọi ruồi lằng diệt trừ.

28 Tu tập - 5 cách an trú tầm, Đoạ tầm pháp môn - Kinh AN TRÚ TẦM – 20 Trung I, 269

KINH AN TRÚ TẦM

(Vitakkasanthana suttam)

– Bài kinh số 20 – *Trung* I, 269

Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- "Chư Tỷ-kheo".

- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn", các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo muốn thực tu tăng thượng tâm cần phải thường thường tác ý năm tướng. Thế nào là năm?

Ở đây, Tỷ-kheo y cứ tướng nào, tác ý tướng nào, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân,

liên hệ đến si sanh khởi, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải *tác ý một tướng khác liên hệ đến thiện không phải tướng kia.* Nhờ tác ý một tướng khác liên hệ đến thiện, không phải tướng kia, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh. *Chư Tỷ-kheo, ví như một người thợ mộc thiện xảo hay đệ tử một người thợ mộc, dùng một cái nêm nhỏ đánh bật ra, đánh tung ra, đánh văng ra một cái nêm khác*. Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, khi một Tỷ-kheo y cứ một tướng nào, tác ý một tướng nào, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si sanh khởi, thời này chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải tác ý một tướng khác liên hệ đến thiện, không phải tướng kia. Nhờ tác ý một tướng khác liên hệ đến thiện, khác với tướng kia, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy khi tác ý một tướng khác với tướng kia, liên hệ đến thiện, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên, thời này chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy *cần phải quán sát các nguy hiểm của những tầm*

ấy: "Đây là những tầm bất thiện, đây là những tầm có tội, đây là những tầm có khổ báo". Nhờ quán sát các nguy hiểm của những tầm ấy, các bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh. *Chư Tỷ-kheo, ví như một người đàn bà hay người đàn ông trẻ tuổi, trong tuổi thanh xuân, tánh ưa trang sức nếu một xác rắn, hay xác chó, hay xác người được quàng vào cổ, người ấy phải lo âu, xấu hổ, ghê tởm*. Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, nếu Tỷ-kheo ấy nhờ quán sát... nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi quán sát các nguy hiểm của những tầm ấy, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên, thời này chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy *cần phải không ức niệm, không tác ý những tầm ấy*. Nhờ không ức niệm, không tác ý các tầm ấy, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh. *Chư Tỷ-kheo, ví như một người có mắt, không muốn thấy các sắc pháp nằm trong tầm mắt của mình, người ấy nhắm mắt lại hay ngó qua một bên*. Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, nếu Tỷ-kheo ấy, trong khi không ức niệm, không tác ý... được an trú, an tịnh,

nhất tâm, định tĩnh.

Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi không ức niệm, không tác ý các tầm ấy, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên. Chư Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy *cần phải tác ý đến hành tướng các tầm và sự an trú các tầm ấy*. Nhờ tác ý đến hành tướng các tầm và sự an trú các tầm ấy, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục... được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh. *Ví như một người đang đi mau, suy nghĩ: "Tại sao ta lại đi mau? Ta hãy đi chậm lại". Trong khi đi chậm, người ấy suy nghĩ: "Tại sao ta lại đi chậm? Ta hãy dừng lại". Trong khi dừng lại, người ấy suy nghĩ: "Tại sao Ta lại dừng lại? Ta hãy ngồi xuống". Trong khi ngồi, người ấy suy nghĩ: "Tại sao ta-lại ngồi? Ta hãy nằm xuống"*. Chư Tỷ-kheo, như vậy người ấy bỏ dần các cử chỉ thô cứng nhất và làm theo các cử chỉ tế nhị nhất. Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, nếu Tỷ-kheo ấy tác ý đến... (như trên)... được an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi tác ý đến hành tướng các tầm và sự an trú các tầm, các ác, bất thiện tầm liên hệ... đến si vẫn khởi lên, thời chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy *phải nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm*. Nhờ nghiến răng, dán chặt lưỡi

lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục... liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong... được an trú, an tịnh nhất tâm, định tĩnh. *Ví như một người lực sĩ nắm lấy đầu một người ốm yếu, hay nắm lấy vai, có thể chế ngự, nhiếp phục, và đánh bại.* Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi tác ý hành tướng các tầm và sự an trú các tầm ấy, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên, thời chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy phải nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm. Nhờ nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ trừ diệt chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo, trong khi y cứ tướng nào, tác ý tướng nào, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si sanh khởi:

- *Tỷ-kheo ấy tác ý một tướng khác, liên hệ đến thiện, khác với tướng kia, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được diệt trừ, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt*

trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

– *Tỷ-kheo ấy, nhờ quán sát sự nguy hiểm các tầm ấy, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.*

– *Tỷ-kheo ấy, nhờ không ức niệm, không tác ý các tầm ấy, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.*

– *Tỷ-kheo ấy tác ý hành tướng các tầm và an trú các tầm, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.*

– *Tỷ-kheo ấy nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm, các ác, bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.*

Chư Tỷ-kheo, *Tỷ-kheo ấy được gọi là đã an trú trong* ***đoạ tầm pháp môn****. Vị ấy có thể tác ý đến tầm nào vị ấy muốn, có thể không tác ý đến tầm nào vị ấy không muốn*. Vị ấy đã đoạn trừ khát ái, đã giải thoát các kiết sử, khéo chinh phục kiêu mạn, đã chấm dứt khổ đau.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

29 Tu tập - 7 cách tu định - Kinh PHÁP LƯỢC THUYẾT – Tăng III, 683

PHÁP LƯỢC THUYẾT –*Tăng* III, 683

1. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Lành thay! bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, sau khi nghe pháp của Thế Tôn, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

- Như vậy, ở đây, một số người ngu si, thỉnh cầu Ta, sau khi pháp được giảng, **họ nghĩ Ta là người họ cần phải đi theo.**

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, Thiện Thệ hãy thành phố vắn tắt. Con có thể hiểu được ý nghĩa lời của Thế Tôn thuyết giảng. Con có thể trở thành kẻ thừa tự lời Thế Tôn thuyết giảng.

2.- Vậy này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

"Nội tâm ta sẽ an trú, khéo vững trú. Các pháp ác, bất thiện khởi không có xâm chiếm tâm và không có

chân đứng". Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

3. Này Tỷ-kheo, khi nào nội tâm của Thầy được an trú, khéo vững trú, các pháp ác, bất thiện sanh khởi xâm chiếm tâm và có chân đứng, khi ấy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

*"**Từ tâm giải thoát** sẽ được ta tu tập, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, được làm cho kiên trì, được làm cho tích tập, được khéo tinh cần thực hành".* Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

4. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo:

1. *Thầy cần phải tu tập định này với tầm với tứ.*
2. *Cần phải tu tập không tầm, chỉ với tứ.*
3. *Cần phải tu tập không tầm, không tứ.*
4. *Cần phải tu tập có hỷ.*
5. *Cần phải tu tập không hỷ.*
6. *Cần phải tu tập câu hữu với lạc.*
7. *Cần phải tu tập câu hữu với xả.*

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

*"**Bi tâm giải thoát** sẽ được Thầy tu tập ... **Hỷ tâm giải thoát** sẽ được Thầy tu tập ... **Xả tâm giải thoát** sẽ được Thầy tu tập, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, được làm cho kiên trì, được làm cho tích tập, được khéo tinh cần thực hành".* Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

5. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo:

1. Thầy cần phải tu tập định này với tầm với tứ.
2. Cần phải tu tập không tầm, chỉ với tứ.
3. Cần phải tu tập không tầm, không tứ.
4. Cần phải tu tập có hỷ.
5. Cần phải tu tập không hỷ.
6. Cần phải tu tập câu hữu với lạc.
7. Cần phải tu tập câu hữu với xả.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

*"**Ta sẽ sống quán thân trên thân**, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời".* Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

6. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo:

1. Thầy cần phải tu tập định này với tầm với tứ.
2. Cần phải tu tập không tầm, chỉ với tứ.
3. Cần phải tu tập không tầm, không tứ.
4. Cần phải tu tập có hỷ.
5. Cần phải tu tập không hỷ.
6. Cần phải tu tập câu hữu với lạc.
7. Cần phải tu tập câu hữu với xả.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

*"Ta sẽ sống quán **thọ** trên các cảm thọ ... quán **tâm** trên các tâm ... quán **pháp** trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời".* Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

7. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo:

1. Thầy cần phải tu tập định này với tầm với tứ.
2. Cần phải tu tập không tầm, chỉ với tứ.
3. Cần phải tu tập không tầm, không tứ.
4. Cần phải tu tập có hỷ.
5. Cần phải tu tập không hỷ.
6. Cần phải tu tập câu hữu với lạc.
7. Cần phải tu tập câu hữu với xả.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, chỗ nào, chỗ nào Thầy đi, chỗ ấy Thầy đi được an ổn; chỗ nào, chỗ nào Thầy sẽ đứng, chỗ ấy Thầy đứng được an ổn; chỗ nào, chỗ nào Thầy sẽ ngồi, chỗ ấy Thầy ngồi được an ổn; chỗ nào, chỗ nào Thầy sẽ nằm, chỗ ấy Thầy sẽ nằm được an ổn.

8. Tỷ-kheo ấy, được Thế Tôn giáo giới với bài giáo giới này, từ chỗ ngồi, đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Tỷ-kheo ấy sống một mình, thanh tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chứng đạt được mục đích mà các thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đây là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự mình chứng tri với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành. Những

việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán.

30 Tu tập - Cách chia 2 tầm của Bồ-tát - Kinh SONGTẦM – 19 Trung I, 261

KINH SONG TẦM

(Dvedhavitakka sutta)

– Bài kinh số 19 – *Trung* I, 261

Tôi nghe như vầy:

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- "Chư Tỷ-kheo".

- "Thưa vâng", các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Chư Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, khi chưa thành Chánh Giác và còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: ***"Ta sống suy tư và chia hai suy tầm".***

Chư Tỷ-kheo, phàm có dục tầm nào, sân tầm nào, hại tầm nào, Ta phân thành phần thứ nhất; phàm có ly dục tầm nào, vô sân tầm nào, vô hại tầm nào,

Ta phân thành phần thứ hai.

Chư Tỷ-kheo, rồi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Khi dục tầm khởi lên, Ta tuệ tri: *"Dục tầm này khởi lên nơi Ta, và dục tầm này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn"*.

- Chư Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: "Dục tầm này đưa đến tự hại", *dục tầm được biến mất,*
- Chư Tỷ-kheo, khi ta suy tư: "Dục tầm đưa đến hại người", dục tầm được biến mất.
- Chư Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: "Dục tầm đưa đến hại cả hai", dục tầm được biến mất.
- Chư Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: "Dục tầm diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn", dục tầm được biến mất.

Chư Tỷ-kheo, như vậy Ta tiếp tục trừ bỏ, xả ly và đoạn tận dục tầm.

Chư Tỷ-kheo, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sân tầm khởi lên... (như trên)

... hại tầm khởi lên. Ta tuệ tri: "*Hại tầm này khởi lên nơi Ta, và hại tầm này đưa đến tự hại, đưa đến*

hại người, đưa đến hại cả hai, diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn". Chư Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: "Hại tầm này đưa đến tự hại"... "Hại tầm diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn", hại tầm biến mất. Chư Tỷ-kheo, như vậy Ta tiếp tục trừ bỏ, xả ly và đoạn tận hại tầm.

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều vấn đề gì, thời tâm sanh khuynh hướng đối vấn đề ấy. Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về dục tầm, vị ấy từ bỏ ly dục tầm. Khi tâm đã nặng về dục tầm, thời tâm vị ấy có khuynh hướng về dục tầm. Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo suy tư quán sát nhiều về sân tầm... (như trên)... về hại tầm, vị ấy từ bỏ vô hại tầm. Khi tâm đã đặt nặng về hại tầm thời tâm vị ấy có khuynh hướng về hại tầm.

Chư Tỷ-kheo, ví như vào cuối tháng mùa mưa, về mùa thu, khi lúa đã trổ hạt, một người mục đồng chăn giữ bò, cầm roi đánh các con bò bên này, đánh bên kia, chế ngự chúng, ngăn chận chúng. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì người mục đồng thấy do nhân duyên này, đưa đến sự chết, sự tù tội, sự đánh đập hay sự trách móc.

Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, Ta đã thấy sự nguy hại, sự hạ liệt, sự uế nhiễm của các pháp bất thiện, và

thấy sự viễn ly, sự lợi ích, sự thanh tịnh của các thiện pháp.

Chư Tỷ-kheo, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, khi ly dục tầm khởi lên, Ta tuệ tri như vầy: "Ly dục tầm này khởi lên nơi Ta và ly dục tầm này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào phiền não, đưa đến Niết-bàn". Chư Tỷ-kheo, nếu ban đêm Ta suy tư, quán sát (về ly dục tầm) không phải từ nhân duyên ấy Ta thấy sợ hãi. Chư Tỷ-kheo, nếu ban ngày Ta suy tư, quán sát (về ly dục tầm), không phải từ nhân duyên ấy Ta thấy sợ hãi. Chư Tỷ-kheo, nếu ban đêm, ban ngày, Ta suy tư, quán sát (về ly dục tầm), không phải từ nhân duyên ấy Ta thấy sợ hãi.

Và Ta suy tư, quán sát quá lâu, thân ta có thể mệt mỏi; khi thân mệt mỏi thì tâm bị dao động; khi tâm bị dao động thì tâm rất khó được định tĩnh. Chư Tỷ-kheo, rồi tự nội thân Ta trấn an tâm, trấn tịnh tâm, khiến được nhất tâm, khiến thành định tĩnh. Vì sao vậy? Vì để tâm Ta khỏi dao động.

Chư Tỷ-kheo, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, khi vô sân tầm khởi lên... (như trên)

... vô hại tầm khởi lên. Ta tuệ tri như vậy: "Vô hại tầm này khởi lên nơi Ta và vô hại tầm này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào phiền não, đưa đến Niết-bàn". Chư Tỷ-kheo, nếu ban đêm... không phải từ nhân duyên ấy, mà Ta thấy sợ hãi.

Và nếu Ta suy tư, quán sát quá lâu, thân Ta có thể mệt mỏi; khi thân Ta mệt mỏi thì tâm bị dao động, khi tâm bị dao động, tâm rất khó được định tĩnh. Chư Tỷ-kheo, rồi tự nội thân Ta trấn an tâm, trấn tịnh tâm, khiến được nhất tâm, khiến thành định tĩnh. Vì sao vậy? Vì để tâm Ta khỏi dao động.

Chư Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về vấn đề gì thời tâm sanh khuynh hướng đối với vấn đề ấy. Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về ly dục tầm, vị ấy từ bỏ dục tầm. Khi tâm đã đặt nặng về ly dục tầm, tâm vị ấy có khuynh hướng về ly dục tầm.

Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về vô sân tầm... (như trên)

... nếu Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về bất hại tầm, vị ấy từ bỏ hại tầm. Khi tâm đã đặt nặng về bất hại tầm, thời tâm vị ấy có khuynh hướng về bất hại

tầm.

Chư Tỷ-kheo, ví như vào cuối tháng hè, khi tất cả lúa gạo đã cất vào kho thóc, một người mục đồng chăn giữ các con bò. Khi người mục đồng ở dưới gốc cây hay ở ngoài trời, người ấy có thể nghĩ đến có việc cần phải làm, và người ấy nghĩ: "Đây là những con bò".

Chư Tỷ-kheo, cũng vậy ở đây, có việc cần phải làm, và Ta nghĩ: "Đây là những pháp".

Chư Tỷ-kheo, **Ta phát tâm dõng mãnh, tinh tấn, không có tiêu cực, niệm không tán loạn được an trú, tâm được khinh an, không có cuồng nhiệt, tâm được định tĩnh nhất tâm**. Chư Tỷ-kheo, ***Ta ly dục, ly ác, bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất***, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Diệt tầm và tứ, Ta chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, Ta chứng và an trú Thiền thứ ba. Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, Ta chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Với tâm định tĩnh như vậy... (giống như trang...

đến trang...). Chư Tỷ-kheo, đó là minh thứ ba Ta đã chứng được cuối đêm canh thứ ba; vô minh được đoạn trừ, minh sanh khởi, bóng tối được đoạn trừ, ánh sáng sanh khởi, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Chư Tỷ-kheo, giống như trong khu rừng rậm rạp có một hồ nước lớn thâm sâu, và một đoàn nai lớn sống gần một bên. Có một người đến, không muốn chúng được lợi ích, không muốn chúng được hạnh phúc, không muốn chúng được an ổn, khỏi các ách nạn. Nếu có con đường nào được yên ổn, được an toàn, đưa đến hoan hỷ, người ấy sẽ chận đóng con đường này lại, sẽ mở con đường nguy hiểm, sẽ đặt con mồi đực, sẽ đặt con mồi cái. Chư Tỷ-kheo, như vậy, sau một thời gian đoàn nai lớn ấy gặp ách nạn và hao mòn dần. Chư Tỷ-kheo, có một người đến, muốn đoàn nai ấy được lợi ích, muốn chúng được hạnh phúc, muốn chúng được an ổn, khỏi các ách nạn. Nếu có con đường nào được yên ổn, được an toàn, người ấy sẽ mở con đường này, sẽ đóng con đường nguy hiểm lại, sẽ đem con mồi đực đi, sẽ hủy bỏ con mồi cái. Chư Tỷ-kheo, như vậy đoàn nai lớn ấy sau một thời gian sẽ được tăng trưởng, hưng thịnh, thành mãn.

Chư Tỷ-kheo, Ta nói ví dụ ấy để giải thích ý

nghĩa như sau:

- Chư Tỷ-kheo, hồ nước lớn, thâm sâu chỉ cho các dục.
- Chư Tỷ-kheo, đoàn nai lớn chỉ cho các loài hữu tình.
- Chư Tỷ-kheo, con người không muốn chúng được lợi ích, không muốn chúng được hạnh phúc, không muốn chúng được an ổn, khỏi các ách nạn chỉ cho ác ma.
- Chư Tỷ-kheo, con đường nguy hiểm chỉ cho con đường tà đạo có tám ngành, tức là tà tri kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định.
- Chư Tỷ-kheo, con mồi đực chỉ cho hỷ và tham.
- Chư Tỷ-kheo, con mồi cái chỉ cho vô minh.
- Chư Tỷ-kheo, còn người muốn chúng được lợi ích, muốn chúng được hạnh phúc, muốn chúng được an ổn khỏi các ách nạn chỉ cho Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.
- Con đường yên ổn, an toàn, đưa đến hoan hỷ chỉ cho con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh

niệm, Chánh định.

– Chư Tỷ-kheo, như vậy Ta mở con đường yên ổn, an toàn, đưa đến hoan hỷ, Ta đóng con đường nguy hiểm, Ta mang đi con mồi đực, Ta hủy bỏ con mồi cái.

Chư Tỷ-kheo, những gì vị Đạo Sư cần phải làm cho các đệ tử vì lòng thương tưởng họ, những điều ấy Ta đã làm, vì lòng thương tưởng các Người. Chư Tỷ-kheo, đây là các gốc cây, đây là các chỗ trống. Hãy Thiền định, chớ có phóng dật, chớ có hối tiếc về sau. Đó là lời giáo huấn của Ta.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời dạy Thế Tôn.

31 Tu tập - Cách tu tập để không bao lâu đạt được 4 vô ngại giải - Kinh VÔ NGẠI GIẢI – Tăng III, 325

VÔ NGẠI GIẢI –*Tăng* III, 325

1. - Thành tựu bảy pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không bao lâu, với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú **bốn vô ngại giải**.

2. Thế nào là bảy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- Khi nào tâm thụ động, như thật rõ biết: "Đây là tâm ta thụ động";
- Khi nào tâm muội lược, như thật rõ biết: "Nội tâm ta muội lược";
- Khi nào tâm tán loạn, hướng ngoại, như thật rõ biết: " Tâm ta tán loạn, hướng ngoại”.
- Vị ấy nhận thức được các **thọ** khởi lên, nhận thức được các thọ an trú, nhận thức được các thọ đi đến tiêu diệt;
- Vị ấy nhận thức được các **tưởng** khởi lên, nhận thức được các tưởng an trú, nhận thức được các tưởng tiêu diệt;

- Vị ấy nhận thức được các **tầm** khởi lên, nhận thức được các tầm an trú, nhận thức được các tầm tiêu diệt.
- Đối với các pháp thích hợp hay không thích hợp, đối với các pháp hạ liệt hay thù thắng, đối với các pháp dự phần đen hay dự phần trắng, vị ấy khéo nắm giữ tướng, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thể nhập với trí tuệ.

Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không bao lâu, với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú bốn vô ngại giải.

3. Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Sàriputta với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú bốn vô ngại giải. Thế nào là bảy?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Sàriputta khi nào tâm thụ động, như thật rõ biết: "Đây là tâm ta thụ động"; khi nào tâm muội lược, như thật rõ biết: "Nội tâm ta muội lược";... (như trên, số 2,... chứng đạt và an trú bốn vô ngại giải).

32 Tu tập - Đi, đứng, ngồi, nằm tẩy sạch tâm khỏi dục tầm, sân tầm, hại tầm - Kinh HÀNH – Tăng I, 572

HÀNH – *Tăng* I, 572

1.- Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đang đi khởi lên dục tầm, hay sân tầm, hay hại tầm mà nếu Tỷ-kheo chấp nhận, không có từ bỏ, không có tẩy sạch, không có chấm dứt, không có đi đến không hiện hữu; này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đang đi có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người không có nhiệt tình, không có xấu hổ, liên tục thường hằng biếng nhác, tinh tấn hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang đứng …

…khi đang ngồi …

…khi đang nằm, thức khởi lên dục tầm, hay sân tầm, hai hại tầm mà nếu Tỷ-kheo chấp nhận, không có từ bỏ, không có tẩy sạch, không có chấm dứt, không có đi đến không hiện hữu; này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đang nằm, thức có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người không có nhiệt tình, không có xấu hổ, liên tục thường hằng biếng nhác, tinh tấn hạ liệt.

2. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đang đi khởi lên dục tầm, hay sân tầm, hai hại tầm mà nếu Tỷ-kheo không chấp nhận, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không hiện hữu; này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đang đi có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người có nhiệt tình, có xấu hổ, liên tục thường hằng, tinh cần tinh tấn, siêng năng.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang đứng … khi đang ngồi … khi đang nằm, thức khởi lên dục tầm, hay sân tầm, hai hại tầm mà nếu Tỷ-kheo không chấp nhận, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không hiện hữu; này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đang nằm, thức có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người có nhiệt tình, có xấu hổ, liên tục thường hằng, tinh cần tinh tấn, siêng năng.

- Nếu khi đi khi đứng
Khi ngồi hay khi nằm
Khởi lên các ác tầm
Liên hệ đến gia đình
Thực hành theo ác đạo
Mờ ám bởi si mê
Vị Tỷ-kheo như vậy
Không chứng Vô thượng giác
- Ai khi đi khi đứng
Khi ngồi hay khi nằm

Điều phục được tâm tư
Ưa thích tầm chỉ tịnh
Vị Tỷ-kheo như vậy
Chứng được Vô thượng giác

33 Tâm tự tại trong các hướng tầm tư - Kinh VASSAKÀRA – Tăng I, 616

VASSAKÀRA – *Tăng* I, 616

1. - Một thời, Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại Veluvanna (Trúc Lâm) chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Bà-la-môn Vassakàra, vị đại thần xứ Magadha, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Vassakàra nói với Thế Tôn:

- Người nào thành tựu bốn pháp, thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi tuyên bố là bậc Đại tuệ, là bậc Đại nhân. Thế nào là bốn?

2. Ở đây, này Tôn giả Gotama, người nghe nhiều, được nghe điều gì, điều gì, vị ấy biết ý nghĩa của lời ấy: "Đây là ý nghĩa của lời này. Đây là ý nghĩa của lời này"; có chánh niệm, ức niệm nhớ đến điều đã làm từ lâu, đã nói từ lâu; lại trong các công việc của gia chủ, những công việc gì cần phải làm, vị ấy ở đây có thiện xảo, không có thụ động, thành tựu với sự quán sát về phương tiện, vừa đủ để làm, vừa đủ để tổ chức.

Thưa Tôn giả Gotama, thành tựu với bốn pháp này, chúng tôi tuyên bố là bậc Đại tuệ, là bậc Đại nhân. Nếu Tôn giả Gotama nghĩ con đáng được tùy hỷ, mong Tôn giả Gotama hãy tùy hỷ con! Nếu Tôn giả Gotama nghĩ con đáng bị bài xích, Tôn giả Gotama hãy bài xích con!

3. - Này Bà-la-môn, Ta không tùy hỷ, Ta không bài xích Ông.

Này Bà-la-môn, thành tựu với bốn pháp này, Ta tuyên bố là **bậc Đại tuệ, bậc Đại nhân**. Thế nào là bốn?

- Ở đây, này Bà-la-môn, có người thực hiện hướng đến hạnh phúc cho nhiều người, hướng đến an lạc cho nhiều người. Với người này, nhiều người được an lập trên Thánh lý, tức là hiền thiện pháp tánh, thiện pháp tánh.
- Với tầm tư nào vị ấy nghĩ cần phải tầm tư, vị ấy tầm tư tầm tư ấy. Với tầm tư nào vị ấy nghĩ không cần phải tầm tư, vị ấy không tầm tư tầm tư ấy. Với tư duy nào vị ấy nghĩ cần phải tư duy, vị ấy tư duy tư duy ấy. Với tư duy nào vị ấy nghĩ không cần phải được tư duy, vị ấy không tư duy tư duy ấy. Như vậy, vị ấy đạt được **tâm tự tại** trong các đường hướng tầm tư.

- Đối với bốn Thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, vị ấy được không khó khăn, được không mệt nhọc, được không phí sức.
- Do đoạn diệt các lậu hoặc, vị ấy ngay trong hiện tại, với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Này Bà-la-môn, Ta không tùy hỷ, Ta không bài xích Ông. Thành tựu với bốn pháp này, này Bà-la-môn, Ta tuyên bố là bậc Đại tuệ, là bậc Đại nhân.

4. - Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Cho đến như vậy, Tôn giả Gotama đã khéo nói.

- Chúng con thọ trì rằng Tôn giả Gotama đã thành tựu bốn pháp này, Tôn giả Gotama đã thực hành, hướng đến hạnh phúc cho nhiều người, hướng đến an lạc cho nhiều người, đã an lập nhiều người trên Thánh lý, tức là hiền thiện pháp tánh, thiện pháp tánh.
- Tôn giả Gotama là vị, với tầm tư nào, vị ấy nghĩ cần phải tầm tư, vị ấy tầm tư tầm tư ấy; với tầm tư nào, vị ấy nghĩ không cần phải tầm tư, vị ấy không tầm tư tầm tư ấy; với tư duy nào, vị ấy nghĩ cần phải tư duy, vị ấy tư duy tư duy ấy; với tư duy nào, vị ấy nghĩ không cần phải tư

duy, vị ấy không tư duy tư duy ấy. Tôn giả Gotama đạt được tâm tự tại trong các đường hướng tầm tư.

- Tôn giả Gotama đối với bốn Thiền, thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.
- Tôn giả Gotama, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

5. - Thật vậy, này Bà-la-môn, lời tuyên bố của Ông là một thách thức cho Ta và Ta sẽ trả lời cho Ông.

- Này Bà-la-môn, Ta đã thực hành, hướng đến hạnh phúc cho nhiều người, hướng đến an lạc cho nhiều người, đã an lập nhiều người trên Thánh lý, tức là hiền thiện pháp tánh, thiện pháp tánh.
- Ta là vị, với tầm tư nào Ta nghĩ cần phải tầm tư, Ta tầm tư tầm tư ấy. Với tầm tư nào Ta nghĩ không cần phải tầm tư, Ta không tầm tư tầm tư ấy. Với tư duy nào Ta nghĩ cần phải tư duy, Ta tư duy tư duy ấy, Với tư duy nào Ta nghĩ không cần phải tư duy, Ta không tư duy tư duy ấy.

Này Bà-la-môn, Ta đạt được tâm tự tại trong các đường hướng tầm tư.

- Này Bà-la-môn đối với bốn Thiền, thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, Ta có được không khó khăn, Ta có được không mệt nhọc, Ta có được không phí sức.
- Này Bà-la-môn, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, với thắng trí, Ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

6. Ai trong mọi chúng sanh,
Hiểu rõ được giải thoát,
Khỏi cạm bẫy thần chết,
Vì hạnh phúc nhân thiên,
Tuyên bố về chánh lý,
Tuyên bố về Chánh pháp.
Quần chúng thấy nghe vậy,
Liền hoan hỷ tịnh tín,
Thiện xảo đạo, phi đạo,
Việc nên làm đã làm,
Vô lậu bậc Giác ngộ,
Với thân này thân cuối,
Ngài được gọi tôn xưng,
Bậc Đại tuệ, Đại nhân.

34 Tư duy là ý nghiệp đã hình thành - Kinh NGỌC MA NI – Tăng IV, 617

NGỌC MA NI – *Tăng* IV, 617

1. Này các Tỷ-kheo:

- **Ta tuyên bố rằng các nghiệp đã tư niệm, đã làm, đã tích tập, nếu không cảm thọ (kết quả) thời không có chấm dứt, dầu kết quả ấy sanh khởi ngay trong đời hiện tại hay trong đời sau.**
- **Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các nghiệp đã tư niệm, đã làm, đã tích tập, nếu không cảm thọ (kết quả), thời khổ không có thể chấm dứt được.**

Ở đây, này các Tỷ-kheo:

- **Ba** phần là lầm lỗi, phạm tội của **thân nghiệp đã bất thiện tư niệm**, dẫn đến khổ đưa đến khổ dị thục.
- **Bốn** phần là lầm lỗi, phạm tội của **ngữ nghiệp**, đã bất thiện tư niệm, dẫn đến khổ, đưa đến khổ dị thục.

- **Ba** phần là lầm lỗi, phạm tội của **ý nghiệp**, đã bất thiện tư niệm, dẫn đến khổ, đưa đến khổ dị thục.

*Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba phần lầm lỗi, phạm tội của **thân nghiệp** đã bất thiện tư niệm, dẫn đến khổ, đưa đến khổ dị thục?*

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Có người sát sanh hung bạo, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với tất cả các loài hữu tình, các sinh vật.
- Lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy lấy trộm tài vật ấy.
- Sống tà hạnh trong các dục vọng, tà hạnh với hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có anh em che chở, có chị che chở, có bà con che chở, có pháp che chở, đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa (đám cưới).

→ Như vậy, này các Tỷ-kheo, ba phần là lầm lỗi phạm tội của thân nghiệp, đã bất thiện tư niệm, dẫn đến khổ, đưa đến khổ dị thục.

3. *Như thế nào, này các Tỷ-kheo, bốn phần là lầm lỗi, phạm tội của **ngữ nghiệp**, đã bất thiện tư niệm, dẫn đến khổ, đưa đến khổ dị thục?*

- Người ấy nói láo, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa các vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì người biết"; dầu cho vị ấy không biết, vị ấy nói: "Tôi biết"; dầu cho vị ấy biết, vị ấy nói: "Tôi không biết". Hay dầu cho vị ấy không thấy, vị ấy nói: "Tôi thấy"; hay dầu cho vị ấy thấy, vị ấy nói: "Tôi không thấy". Như vậy lời nói của người ấy trở thành cố ý nói láo, hoặc nguyên nhân vì mình, hoặc nguyên nhân vì người, hoặc nguyên nhân vì một vài quyền lợi gì.
- Người ấy là người nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, đến chỗ kia nói, để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, đi nói với những người này, để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, vị ấy ly gián những kẻ hòa hợp, hay xúi giục những kẻ ly gián, ưa thích chia rẽ, vui thích chia rẽ, thích thú chia rẽ, nói những lời đưa đến chia rẽ.
- Và người ấy nói lời thô ác, bất cứ lời gì thô bạo, thô tục, khiến người đau khổ, khiến người tức

giận, liên hệ đến phẫn nộ, không đưa đến Thiền định. Người ấy nói những lời như vậy.

- Và người ấy nói những lời phù phiếm, nói phi thời, nói những lời phi chơn, nói những lời không lợi ích, nói những lời phi pháp, nói những lời phi Luật, nói những lời không đáng gìn giữ. Vì nói phi thời, nên lời nói không có thuận lý, không có mạch lạc, hệ thống, không có lợi ích.

→ Như vậy, này các Tỷ-kheo, bốn phần là lầm lỗi, phạm tội của ngữ nghiệp, đã bất thiện tư niệm, dẫn đến khổ, đưa đến khổ dị thục.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, ba phần là lầm lỗi, và phạm tội của ***ý nghiệp****, đã bất thiện tư niệm, đã dẫn đến khổ, đưa đến khổ dị thục?*

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Có người có tham ái, tham lam tài vật kẻ khác, nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình! ".
- Có sân tâm, khởi lên hại ý, hại niệm như sau: "Mong rằng những loài hữu tình này bị giết, hay bị tàn sát, hay bị tiêu diệt, hay bị tàn hại, hay mong chúng không còn tồn tại! ".

- Người ấy có tà kiến, có tưởng điên đảo, như: "Không có bố thí, không có cúng thí, không có tế tự, các hành vi thiện ác không có kết quả dị thục, không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh, trong đời không có các Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh hành trì, chân chánh thành tựu, sau khi tự mình với thắng trí, giác ngộ đời này và đời sau, và tuyên bố".

→ Như vậy, này các Tỷ-kheo, ba phần là lầm lỗi, phạm tội của ý nghiệp, đã bất thiện tư niệm, đã dẫn đến khổ, đưa đến khổ dị thục.

5. Này các này các Tỷ-kheo,

- Do nhân bất thiện tư niệm, sự lầm lỗi và phạm tội của **thân** nghiệp có ba phần, các chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.
- Hay là này các Tỷ-kheo, do nhân bất thiện tư niệm, lầm lỗi phạm tội của **ngữ** nghiệp có bốn phần, các chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.
- Hay là này các Tỷ-kheo, do nhân bất thiện tư niệm, lầm lỗi phạm tội của **ý** nghiệp có ba phần,

các chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

6. Ví như, này các Tỷ-kheo, một hòn ngọc ma ni viên mãn, được quăng lên và rơi xuống chỗ nào, tại chỗ ấy nó khéo an lập. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do nhân bất thiện tư niệm, lầm lỗi phạm tội của thân nghiệp có ba phần, các chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Hay là này các Tỷ-kheo, do nhân bất thiện tư niệm, lầm lỗi phạm tội của ngữ nghiệp có bốn phần, các chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Hay là này các Tỷ-kheo, do nhân bất thiện tư niệm, lầm lỗi phạm tội của ý nghiệp có ba phần, các chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

7. *Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các nghiệp được tư niệm, được làm, được tích tập, nếu không cảm thọ (kết quả) thời không có chấm dứt, dầu quả ấy thuộc trong đời hiện tại, hay trong đời sau.*

Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các nghiệp được tư niệm, được làm, được tích tập, nếu không cảm thọ (kết quả) thời khổ không có chấm dứt.

Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- **Ba** phần là thành đạt của thân nghiệp đã **thiện tư niệm**, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục,
- **Bốn** phần là thành đạt của ngữ nghiệp đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục,
- **Ba** phần là thành đạt của ý nghiệp đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, ba phần là thành đạt của thân nghiệp đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục?

8. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Có người đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và các loài hữu tình.
- Đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho, bất cứ vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy không lấy trộm tài vật ấy.
- Đoạn tận sống tà hạnh trong các dục vọng, không hành tà hạnh với hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có anh em che chở, có chị che chở, có bà con che chở, có pháp che chở, đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo

vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa (đám cưới).

→ Như vậy, này các Tỷ-kheo, ba phần thành đạt của thân nghiệp, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bốn phần là thành đạt của ngữ nghiệp, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục?

9. Ở đây, này các Tỷ-kheo

- Có người đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo, đến chỗ tập hội hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa các vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì người biết", nếu biết, người ấy nói: "Tôi biết", nếu không biết, người ấy nói: "Tôi không biết"; hay nếu không thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy"; nếu thấy, người ấy nói: "Tôi thấy". Như vậy lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc nguyên nhân vì mình, hoặc nguyên nhân vì người, hoặc nguyên nhân vì một vài quyền lợi gì.
- Đoạn tận nói hai lưỡi, từ bỏ nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi đến chỗ kia nói, để

sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này, để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp.

- Đoạn tận lời nói thô ác, từ bỏ lời nói thô ác, những lời nói nhu hòa, êm tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, người ấy nói những lời như vậy.
- Đoạn tận lời nói phù phiếm, từ bỏ lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh Pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ. Vì nói hợp thời, nên lời nói thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, lợi ích.

→ Như vậy, này các Tỷ-kheo, bốn phần là sự thành đạt của ngữ nghiệp đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba phần là thành đạt của ý nghiệp đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục?

10. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Có người không tham ái, không tham lam tài vật của kẻ khác, không có nghĩ rằng: "Ôi! Mong rằng món tài vật của người khác trở thành của mình! ".
- Lại có người không có sân tâm, không khởi lên hại ý, hại niệm, nhưng nghĩ rằng: "Mong rằng những loài hữu tình này sống không thù hận, không oán thù, không nhiễu loạn, được an lạc, lo nghĩ tự thân! ".
- Có chánh kiến, không có tư tưởng điên đảo, nghĩ rằng: "Có bố thí, có cúng thí, có tế tự, các hành vi thiện ác, có kết quả dị thục, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh, trong đời có các Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh hành trì, chân chánh thành tựu, sau khi tự mình chứng ngộ với thắng trí đời này và đời sau, rồi tuyên bố".

→ Như vậy, này các Tỷ-kheo, ba phần là thành đạt của ý nghiệp đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục.

11. Này các Tỷ-kheo,

- Do nhân ba phần là thành đạt của **thân** nghiệp, đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc, đưa đến lạc thục,

các chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

- Này các Tỷ-kheo, do nhân bốn phần là thành đạt của ngữ nghiệp, đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục, các chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.
- Này các Tỷ-kheo, do nhân ba phần là thành đạt của ý nghiệp, đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc, đưa đến lạc thục, các chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

12. Ví như, này các Tỷ-kheo, hòn ngọc ma-ni viên mãn, được quăng lên và rơi xuống chỗ nào, tại chỗ ấy nó khéo an lập. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do nhân thiện tư niệm, thành đạt của thân nghiệp có ba phần, các chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào thiện thú, Thiên giới cõi đời này. Hay là do nhân thiện tư niệm, thành đạt của ngữ nghiệp có bốn phần, các chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào thiện thú, Thiên giới cõi đời này. Hay là do nhân thiện tư niệm, thành đạt của ý nghiệp có ba phần, các chúng sanh, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào thiện thú, Thiên giới cõi đời này.

13. *Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng các nghiệp đã tư niệm, đã làm, đã tích tập, nếu chưa lãnh thọ (kết quả) thời không chấm dứt, dầu cho quả ấy thuộc đời hiện tại, hay trong đời sau.*

Và này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng các nghiệp đã tư niệm, đã được làm, đã được tích tập, nếu chưa lãnh thọ (kết quả) thời khổ không được chấm dứt.

35 Tầm Tứ trong Sơ Thiền - Kinh Trú Xứ Tỷ Kheo Ni – Tương V, 241

Trú Xứ Tỷ Kheo Ni –*Tương* V,241

1) Tại Sàvatthi...

2) Rồi Tôn giả Ananda, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi đến một trú xứ của Tỷ-kheo-ni; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn.

Rồi một số đông Tỷ-kheo-ni đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Ananda rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo-ni ấy thưa với Tôn giả Ananda:

3) -- *Ở đây, bạch Thượng tọa Ananda, một số đông* ***Tỷ-kheo-ni*** *sống khéo an trú tâm trên* ***bốn niệm xứ****, đạt được sự rõ biết (sampajànanti) quảng đại, trước sau thù thắng.*

-- Như vậy là phải, này các Đại tỷ! Như vậy là phải, này các Đại tỷ! Này các Đại tỷ, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào sống với tâm khéo an trú trong bốn niệm xứ, vị ấy được chờ đợi sẽ đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng.

4) Rồi Tôn giả Ananda với bài pháp thoại, sau khi tuyên thuyết cho các Tỷ-kheo-ni ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

5) Rồi Tôn giả Ananda sau khi đi khất thực ở Sàvatthi, sau buổi ăn, trên con đường khất thực trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, con, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi đến một trú xứ của Tỷ-kheo-ni, sau khi đến, con ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi, bạch Thế Tôn, một số đông Tỷ-kheo-ni đi đến con, sau khi đến, đảnh lễ con rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo-ni ấy thưa với con: "Ở đây, bạch Thượng tọa Ananda, một số đông Tỷ-kheo-ni sống khéo an trú tâm trên bốn niệm xứ, đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng". Khi được nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với các Tỷ-kheo-ni ấy: "Như vậy là phải, này các Đại tỷ! Như vậy là phải, này các Đại tỷ! này các Đại tỷ, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào sống với tâm khéo an trú trong bốn niệm xứ, vị ấy được chờ đợi sẽ đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng".

6) -- Như vậy là phải, này Ananda! Như vậy là phải, này Ananda! *Này Ananda, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào sống với tâm khéo an trú trên* ***bốn niệm xứ****, vị ấy được chờ đợi sẽ đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng.* Thế nào là bốn?

7) Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo sống, quán **thân** trên thân, **nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.**

- *Vị ấy trú, quán thân trên thân, hoặc thân sở duyên (kàyàrammano) khởi lên, hoặc thân nhiệt não (kàyasmin parilàho), hoặc tâm thụ động, hoặc tâm phân tán hướng ngoại (bahiddha va cittam vikkhipati); do vậy, này Ananda, Tỷ-kheo* ***cần phải hướng tâm đến một tướng tịnh tín*** *(pasàdaniyenimitta).*
- *Do vị ấy hướng tâm đến một tướng tịnh tín,* **hân** *hoan (pàmujjam: Thắng hỷ) sanh.*
- *Người có tâm hân hoan,* ***hỷ*** *sanh.*
- *Người có tâm hỷ, thân được* **khinh** *an.*
- *Người có tâm khinh an,* ***lạc*** *thọ sanh.*
- *Người có tâm lạc thọ, tâm được* ***định*** *tĩnh.*
- *Vị ấy tư sát như sau: "****Mục đích mà ta hướng tâm đến, mục đích ấy đã đạt được. Nay ta rút lui*** *(patisamharàmi) (khởi đối tượng tịnh tín)". Vị ấy rút lui, không tầm, không tứ. Vị ấy rõ biết:*

"Không tầm, không tứ, nội tâm chánh niệm, ta được an lạc".

8-9) Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo sống, quán **thọ** trên các thọ... sống, quán **tâm** trên tâm...

10) Vị ấy sống, quán **pháp** trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, hoặc thân sở duyên khởi lên, hoặc thân nhiệt não, hoặc tâm thụ động, hoặc tâm phân tán, hướng ngoại; do vậy, này Ananda, Tỷ-kheo cần phải hướng tâm đến một tướng tịnh tín. Do vị ấy hướng tâm đến một tướng tịnh tín, hân hoan sanh. Người có hân hoan, hỷ sanh. Người có tâm hỷ, thân được khinh an. Người có thân khinh an, lạc thọ sanh. Người có lạc thọ, tâm được định tĩnh. Vị ấy tư sát như sau: "Mục đích mà ta hướng tâm đến, mục đích ấy đã đạt được. Nay ta rút lui (khỏi đối tượng tướng tịnh tín)". Vị ấy rút lui, không tầm, không tứ. Vị ấy rõ biết: "Không tầm, không tứ, nội tâm chánh niệm, ta được an lạc".

11) Như vậy, này Ananda, là sự tu tập về hướng tâm.

12) *Và này Ananda, thế nào là **sự tu tập không có hướng tâm**?*

13) Này Ananda,

- *Tỷ-kheo tâm không hướng ngoại, rõ biết: "Tâm ta không hướng ngoại".*
- *Rồi vị ấy rõ biết: "Tâm ta không chấp thủ đối với cái gì ở trước, hay cái gì ở sau (pacchàpure), nhưng được giải thoát, không có hướng tâm".*
- *Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán **thân** trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, ta được an lạc".*

14) Này Ananda,

- *Tỷ-kheo tâm không hướng ngoại, rõ biết: "Tâm ta không hướng ngoại".*
- *Rồi vị ấy rõ biết: "Tâm ta không chấp thủ đối với cái gì ở trước, hay cái gì ở sau, nhưng được giải thoát, không có hướng tâm".*
- *Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán **thọ** trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, ta được an lạc".*

15) Này Ananda, Tỷ-kheo tâm không hướng ngoại, rõ biết: "Tâm ta không hướng ngoại". Rồi vị ấy rõ biết: "Tâm ta không chấp thủ đối với cái gì ở trước... Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán ***tâm*** trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, ta được an lạc".

16) Này Ananda, Tỷ-kheo tâm không hướng ngoại... Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán ***pháp*** trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, ta được an lạc".

17) Như vậy, này Ananda, là tu tập không có hướng tâm.

18) Như vậy, này Ananda, Ta thuyết tu tập có hướng tâm; Ta thuyết tu tập không có hướng tâm. Những gì, này Ananda, một bậc Đạo Sư cần phải làm vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đối với các đệ tử, vì lòng từ mẫn khởi lên, những việc ấy, Ta đã làm cho các Ông. Này Ananda, đây là những gốc cây. Đây là những nhà trống. **Hãy tu Thiền, này Ananda. Chớ có phóng dật. Chớ có hối hận về sau**. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.

19) Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ananda hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

36 Tầm Tứ trong Sơ thiền chính là 4 niệm xứ - Kinh ĐIỀU NGỰ ĐỊA – 125 Trung III, 337

KINH ĐIỀU NGỰ ĐỊA

(Dantabhumisuttam)

– Bài kinh số 125 –* Trung *III, 337

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá). Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng sóc (Kalandakanivapa). Lúc bấy giờ, Sa-di Aciravata (Tân Học Sa-môn) đang ở tại am thất Aranna. Rồi vương tử Jayasena trong khi tản bộ du hành, đi đến Sa-di Aciravata, sau khi đến nói lên với Sa-di Aciravata những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, vương tử Jayasena nói với Sa-di Aciravata:

Tôn giả Aggivessana, tôi có nghe như sau:

– "Ở đây Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sẽ được nhứt tâm".

– Sự việc là vậy, này Vương tử! Sự việc là vậy, này Vương tử! Ở đây, Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần sẽ chứng được nhứt tâm.

– Thật là tốt lành nếu Tôn giả Aggivessana thuyết pháp cho tôi như đã được nghe, như đã được học.

– Này Vương tử, tôi không có thể thuyết pháp cho Vương tử như đã được nghe, như đã được học. Nếu nay tôi thuyết pháp cho Vương tử như đã được nghe, như đã được học, và nếu Vương tử không hiểu lời tôi nói, như vậy sẽ làm tôi mệt mỏi, làm tôi phiền muộn.

– Tôn giả Aggivessana, hãy thuyết pháp cho tôi như đã được nghe, như đã được học! Rất có thể, tôi sẽ hiểu ý nghĩa lời nói của Tôn giả Aggivessana.

– Này Vương tử, tôi sẽ thuyết pháp cho Vương tử như đã được nghe, như đã được học. Nếu Vương tử có thể hiểu ý nghĩa lời nói của tôi, như vậy là tốt đẹp. Nếu Vương tử không thể hiểu lời nói của tôi, hãy dừng lại trên sự trạng của mình, chớ có hỏi tôi thêm nữa!

– Tôn giả Aggivessana, hãy thuyết pháp cho tôi như đã được nghe, như đã được học! Nếu tôi có thể

hiểu được ý nghĩa lời nói của Tôn giả Aggivessana, như vậy là tốt đẹp. Nếu tôi không có thể hiểu được ý nghĩa lời nói của Tôn giả Aggivessana, tôi sẽ dừng lại trên sự trạng của tôi, ở đây, tôi sẽ không hỏi Tôn giả Aggivessana thêm nữa.

Rồi Sa-di Aciravata thuyết pháp cho vương tử Jayasena như đã được nghe, như đã được học. Khi được nghe vậy, Vương tử nói với Sa-di Aciravata như sau:

– Sự việc không phải là như vậy, Tôn giả Aggivessana; trường hợp không phải là như vậy, rằng Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần lại có thể chứng đắc nhất tâm.

Rồi Vương tử Jayasena sau khi nói lên với Sa-di Aciravata sự việc không phải như vậy và trường hợp không phải như vậy, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Rồi Sa-di Aciravata, sau khi vương tử Jayasena ra đi không bao lâu, liền đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Sa-di Aciravata kể lại cho Thế Tôn tất cả cuộc đàm thoại với vương tử Jayasena.

Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Sa-di

Aciravata:

– Như vậy, này Aggivessana, nào có lợi ích gì? Vương tử Jayasenna sống giữa các dục, thọ hưởng các dục, bị tư tưởng dục nhai nghiến, bị nhiệt não dục thiêu đốt, tha thiết truy cầu dục, lại có thể biết, có thể thấy, hay có thể chứng (quả vị) chỉ có ly dục mới biết được, chỉ có ly dục mới thấy được, chỉ có ly dục mới đạt được, hay chỉ có ly dục mới chứng được, sự kiện như vậy không xảy ra.

Này Aggivessana, ví như giữa các con voi, con ngựa hay con bò được dạy điều phục có hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò được dạy điều phục, được khéo huấn luyện; và có hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò không được khéo điều phục, không được khéo huấn luyện.

Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò, được khéo điều phục, được khéo huấn luyện, các con ấy có thể đi đến khả năng điều phục (dantakaranam), có thể đạt đến điều phục địa không?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Còn hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò được dạy điều phục, nhưng không được khéo điều

phục, không được khéo huấn luyện, các con ấy không được điều phục, có thể đi đến khả năng điều phục, không được điều phục có thể đạt đến điều phục địa, như hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò được khéo điều phục, được khéo huấn luyện kia không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Aggivessana, vương tử Jayasena sống giữa các dục, thọ hưởng các dục, bị tư tưởng dục nhai nghiến, bị nhiệt não dục thiêu đốt, tha thiết truy cầu dục, lại có thể biết, có thể thấy, hay có thể chứng (quả vị) chỉ có ly dục mới biết được, chỉ có ly dục mới thấy được, chỉ có ly dục mới đạt được, chỉ có ly dục mới chứng được, sự kiện như vậy không xảy ra.

Ví như, này Aggivessana, một hòn núi lớn không xa làng hay thị trấn. Và có hai người bạn, tay trong tay đi ra khỏi làng hay thị trấn ấy, và đi đến hòn núi kia. Sau khi đến, một người bạn đứng dưới chân núi, còn người bạn kia leo lên đỉnh núi. Người bạn đứng dưới chân núi ấy có thể nói với người bạn đứng trên đỉnh núi: *"Này Bạn thân, Bạn đứng trên đỉnh núi, Bạn thấy những gì?"* Người này nói: *"Này Bạn thân, đứng trên đỉnh núi tôi thấy các vườn khả*

ái, các khu rừng khả ái, các đất bằng khả ái, các ao hồ khả ái". Người kia nói: *"Không có sự kiện này, này Bạn thân, không có trường hợp này, Bạn đứng trên đỉnh núi lại có thể thấy các khu vườn khả ái, khu rừng khả ái, các đất bằng khả ái, các ao hồ khả ái".*

Rồi người bạn đã đứng trên đỉnh núi, sau khi đi xuống chân núi, nắm tay bạn, khiến bạn trèo lên đỉnh núi, để bạn nghỉ thở một thời gian, rồi nói: *"Này Bạn thân, nay Bạn có thể thấy gì, khi Bạn đứng trên đỉnh núi?"* Và người bạn ấy có thể nói: *"Này Bạn thân, nay đứng trên đỉnh núi, tôi thấy các khu vườn khả ái, các khu rừng khả ái, các đất bằng khả ái, các ao hồ khả ái".*

Người kia có thể nói như sau: *"Vừa rồi, này Bạn thân, chúng tôi hiểu Bạn nói: "Không thể có sự kiện này, này Bạn thân, không thể có trường hợp này, Bạn đứng trên đỉnh núi lại có thể thấy các khu vườn khả ái... các ao hồ khả ái". Nhưng nay chúng tôi hiểu Bạn nói: "Này Bạn thân, nay đứng trên đỉnh núi, tôi thấy các khu vườn khả ái... các ao hồ khả ái".* Người kia nói như sau: "*Này Bạn thân, vì tôi bị che khuất bởi sườn núi này, nên không thấy được những điều đáng thấy".*

Cũng vậy, nhưng to lớn hơn, này Aggivessana,

là Vương tử Jayasena, bị che khuất, bị chận đứng, bị chướng ngại, bị bao vây bởi **vô minh uẩn** này. Vương tử Jayasena sống giữa các dục, thọ hưởng các dục, bị tư tưởng dục nhai nghiến, bị nhiệt não dục thiêu đốt, tha thiết truy cầu dục, lại có thể biết, có thể thấy hay có thể chứng (quả vị) chỉ có ly dục mới biết được, chỉ có ly dục mới thấy được, chỉ có ly dục mới đạt được, chỉ có ly dục mới chứng được; sự kiện như vậy không xảy ra.

Nếu hai ví dụ này được Ông đề cập cho Vương tử Jayasena, thời vương tử Jayasena tự nhiên tin tưởng Ông và khi đã tin tưởng, sẽ hành động đúng theo cung cách một người đã tin tưởng Ông.

– Nhưng làm sao, bạch Thế Tôn, hai ví dụ này khởi đến từ nơi con cho vương tử Jayasena, khởi lên một cách tự nhiên, từ trước chưa từng được nghe, như Thế Tôn được?

– Ví như, này Aggivessana, một vị vua Sát-đế-lỵ đã quán đảnh bảo người nài voi: "Này Tượng sư, hãy cưỡi con vương tượng, đi vào rừng có voi; khi Ông thấy con voi rừng, hãy cột nó lại vào cổ con vương tượng". – "Thưa vâng, Đại vương".

Này Aggivessana, người tượng sư vâng theo lời vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, cỡi con vương

tượng, vào trong rừng có voi, thấy con voi rừng, cột (con voi rừng ấy) vào cổ con vương tượng. Con vương tượng kéo nó ra chỗ ngoài trời. Cho đến như vậy, này Aggivessana, con voi rừng được đi đến chỗ ngoài trời. Nhưng này Aggivessana, con voi rừng còn có sự tham luyến tức là đối với rừng có voi. Người tượng sư tâu với vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh về con voi rừng ấy. "Tâu Đại vương, con voi rừng đã ra chỗ ngoài trời".

Rồi vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh bảo người điều phục voi: *"Hãy đến, này người Điều phục voi, hãy điều phục con voi rừng này bằng cách điều phục nếp sống rừng của nó, bằng cách điều phục tâm tư rừng núi, bằng cách điều phục sự ưu tư, mệt nhọc, nhiệt não đối với rừng núi của nó bằng cách làm cho nó thích thú với thôn làng, và bằng cách làm cho nó quen thuộc với nếp sống loài người"*. – "Thưa vâng, tâu Đại vương".

Này Aggivessana, người điều phục voi vâng theo lời vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, **đóng một cọc trụ lớn vào đất, cột cổ con voi rừng,** để điều phục nếp sống rừng của nó, để điều phục tâm tư rừng núi, để điều phục sự suy tư, mệt nhọc, nhiệt não của rừng núi, để làm cho nó thích thú với thôn làng và làm cho nó quen thuộc với nếp sống loài người.

Rồi người điều phục voi lại nói với nó bằng những lời nhẹ nhàng, đẹp tai, thân tình, đi đến tâm, thanh nhã, khiến nhiều người vui thích, khiến nhiều người hoan hỷ. Và này Aggivessana, con voi rừng khi được nói với những lời nhẹ nhàng, đẹp tai, thân tình, đi đến tâm, thanh nhã, khiến nhiều người vui thích, khiến nhiều người hoan hỷ, liền nghe, lóng tai, trú tâm vào học hỏi (anna?).

Tiếp đến người điều phục voi đem cỏ và nước cho con voi rừng. Này Aggivessana, khi con voi rừng nhận cỏ và nước, người điều phục voi mới nghĩ: **"Nay con voi rừng sẽ sống"**.

Rồi người điều phục voi khiến (con voi rừng) làm thêm một động tác khác: *"Này Bạn, nhặt lên! Này Bạn, đặt xuống!"*

Này Aggivessana, sau khi con vương tượng vâng theo lời người điều phục voi, làm đúng theo lời dạy nhặt lên, đặt xuống rồi, người điều phục voi khiến nó làm thêm một động tác khác: *"Này Bạn, đi tới! Này Bạn đi lui!"*

Này Aggivessana, sau khi con vương tượng vâng theo lời người điều phục voi, làm đúng theo lời dạy đi tới, đi lui rồi, người điều phục voi khiến nó làm thêm một động tác khác: *"Này Bạn, đứng dậy!*

Này Bạn, ngồi xuống!"

Này Aggivessana, sau khi con vương tượng vâng theo lời người điều phục voi, làm đúng theo lời dạy, đứng dậy, ngồi xuống rồi, người điều phục voi khiến nó làm thêm một động tác khác tên gọi ***"bất động"***. Nó cột cái khiên bằng gỗ vào cái vòi của con vật to lớn, và một người tay cầm ngọn giáo ngồi trên cổ, và xung quanh một số người tay cầm ngọn giáo đứng bao vây. Và người điều phục voi, tay cầm một ngọn giáo với cán cây dài, đứng ở phía trước. Con voi ấy làm động tác bất động, không có di động chân trước, không có di động chân sau, không có di động thân trước, không có di động thân sau, không di động đầu, không có di động tai, không có di động ngà, không có di động vòi. Con vương tượng là **con voi có thể nhẫn chịu đao, kiếm, tên**, búa chém bắn, nhẫn chịu tiếng vang động của trống lớn, trống nhỏ, tù và, (như là) vàng ròng tẩy sạch các tỳ vết nhơ bẩn, xứng đáng vua (dùng), một sở hữu của vua, một biểu tượng của vua.

Cũng vậy, này Aggivessana, ở đây, Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác... (Như Tập I, Kinh Sa môn Quả trang 120-121)... Xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Cho đến đây, này Aggivessana, là vị Thánh đệ tử đi đến chỗ ngoài

trời. Nhưng này Aggivessana, các vị Thiên, Nhân có tham ái này, tức là năm dục công đức.

Rồi Như Lai huấn luyện thêm cho (vị đệ tử) ấy: *"Hãy đến, này Tỷ-kheo, **hãy giữ giới**, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bổn Patimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong học pháp!"*

Này Aggivessana, sau khi vị Thánh đệ tử đã giữ giới, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bổn Patimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong học pháp, Như Lai lại huấn luyện thêm cho đệ tử ấy: *"Hãy đến, này Tỷ-kheo, **hãy bảo hộ các căn**! Khi mắt thấy sắc, chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, hãy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thiệt hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý nhận thức các pháp, chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, hãy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thiệt hành sự hộ trì ý căn".*

Này Aggivessana, sau khi Thánh đệ tử đã hộ trì các căn, Như Lai huấn luyện thêm vị Thánh đệ tử ấy: *"Hãy đến, này Tỷ-kheo,* ***hãy tiết độ trong ăn uống****, chơn chánh giác sát thọ dụng món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, chỉ để thân này được duy trì, được bảo dưỡng, khỏi bị gia hại, để chấp trì Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới. Và ta sẽ không phạm lỗi lầm, sống được an ổn".*

Này Aggivessana, sau khi vị Thánh đệ tử đã tiết độ trong ăn uống, Như Lai lại huấn luyện thêm vị ấy: *"Hãy đến, này Tỷ-kheo,* ***hãy chú tâm cảnh giác!*** *Ban ngày khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp. Ban đêm trong canh một, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp. Ban đêm trong canh giữa, hãy nằm xuống phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy. Ban đêm canh cuối, khi đã thức dậy trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp"*.

Này Aggivessana, sau khi Thánh đệ tử đã chú

tâm cảnh giác, Như Lai huấn luyện thêm vị ấy: *"Hãy đến, này Tỷ-kheo,* ***hãy thành tựu chánh niệm tỉnh giác****! Khi đi tới khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn uống nhai nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi đứng ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác"*.

Này Aggivessana, sau khi vị Thánh đệ tử đã thành tựu chánh niệm tỉnh giác, Như Lai lại huấn luyện thêm vị ấy: *"Hãy đến, này Tỷ-kheo,* ***hãy lựa một trú xứ thanh vắng****, khu rừng, gốc cây, ngọn núi, chỗ hoang vu, hang núi, bãi tha ma, khóm rừng, ngoài trời, đống rơm!"*

Vị ấy lựa chọn một trú xứ thanh vắng, khu rừng, gốc cây, ngọn núi, chỗ hoang vu, hang núi, bãi tha ma, khóm rừng, ngoài trời, đống rơm. Vị ấy sau khi ăn xong, trên đường khất thực trở về, ngồi xuống, ***kiết-già, giữ lưng cho thẳng, trú niệm trước mặt***. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, ***gột rửa tâm hết tham ái***. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, ***gột rửa tâm hết sân hận***. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh

niệm tỉnh giác, ***gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên***. Từ bỏ trạo cử hối quá, vị ấy sống không trạo cử hối quá, nội tâm trầm lặng, ***gột rửa tâm hết trạo cử hối quá***. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống với tâm thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, ***gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.***

Vị ấy sau khi ***đoạn trừ năm triền cái*** *này, những triền cái làm ô nhiễm tâm tư, làm yếu ớt trí tuệ, vị ấy sống* ***quán thân trên thân***, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để điều phục tham ưu ở đời, quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để điều phục tham ưu ở đời. *Ví như, này Aggivessana, một người điều phục voi* ***đóng một cọc trụ lớn vào đất, cột cổ con voi rừng để điều phục nếp sống rừng của nó****, để điều phục tâm tư rừng núi của nó, để điều phục sự ưu tư mệt nhọc nhiệt não của rừng núi, để làm cho nó thích thú với thôn làng và làm cho nó quen thuộc với nếp sống loài người.* Cũng vậy, này Aggivessana, **BỐN NIỆM XỨ này là những dây cột tâm tư để điều phục tánh cư sĩ, để điều phục tâm tư cư sĩ, để điều phục sự ưu tư mệt nhọc nhiệt não của các cư sĩ, để đạt được chánh lý (naya), để chứng ngộ Niết-bàn.**

Rồi Như Lai huấn luyện thêm vị ấy:

– Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy trú quán thân trên thân, và **chớ có suy tư trên tầm liên hệ đến thân**; hãy trú quán thọ trên các cảm thọ, và chớ có suy tư trên tầm liên hệ đến cảm thọ; hãy trú quán tâm trên tâm, chớ có suy tư trên tầm liên hệ đến tâm; hãy trú quán pháp trên các pháp, và chớ có suy tư trên tầm liên hệ đến các pháp. **Vị ấy làm cho dừng lại tầm và tứ**, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm, ... chứng và trú Thiền thứ tư". Vị ấy với tâm định tĩnh... (như Kinh Trung Bộ tập I, Kinh Sa môn Quả, trang 142 đến trang 155)... Vị ấy biết không có đời sống như vậy nữa.

Tỷ-kheo ấy kham nhẫn lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của muỗi, ruồi, gió, mặt trời và các loài bò sát, các ác ngữ, các lời nói chửi mắng, vị ấy sống quen kham nhẫn với những cảm thọ về thân, thống khổ, đau nhói, đau đớn, kịch liệt, bất khoái, không thích ý, đau đớn đến chết, được gột sạch về uế nhiễm tham, sân, si. Vị ấy xứng đáng được cúng dường, cung kính, tôn trọng, chấp tay, là vô thượng phước điền trên đời.

– Nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi già chết đi, không được điều phục, không được huấn luyện, thời con vương tượng tuổi già

được gọi là đã chết với cái chết không được điều phục.

– Nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi bậc trung; nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi trẻ chết đi, không được điều phục, không được huấn luyện, thời con vương tượng tuổi trẻ được gọi là đã chết với cái chết không được điều phục.

→ Cũng vậy, này Aggivessana, nếu vị Trưởng lão Tỷ-kheo chết với lậu hoặc chưa đoạn tận, thời Trưởng lão Tỷ-kheo được gọi là đã chết với cái chết không được điều phục.

→ Nếu, này Aggivessana, một Tỷ-kheo trung niên, nếu, này Aggivessana, một Tỷ-kheo thiếu niên chết với lậu hoặc chưa đoạn tân, thời Tỷ-kheo thiếu niên được gọi là đã chết với cái chết không được điều phục.

– Nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi già khéo điều phục, khéo huấn luyện chết đi, thời con vương tượng tuổi già được gọi là đã chết với cái chết được điều phục.

– Nếu, này Aggivessana, một con vương tượng

tuổi bậc trung, nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi trẻ khéo điều phục, khéo huấn luyện chết đi, thời con vương tượng tuổi trẻ được gọi là đã chết với cái chết đã được điều phục.

→ Cũng vậy, này Aggivessana, nếu một Trưởng lão Tỷ-kheo với lậu hoặc đã đoạn tận chết đi, thời Trưởng lão Tỷ-kheo được gọi là đã chết, với cái chết được điều phục.

→ Nếu, này Aggivessana, một trung niên Tỷ-kheo; nếu, này Aggivessana, một thiếu niên Tỷ-kheo, với lậu hoặc đã đoạn tận chết đi, thời vị thiếu niên Tỷ-kheo được gọi là đã chết, với cái chết đã được điều phục.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sa-di Aciravata hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

37 Tầm viễn ly, tầm không sân, tầm không hại - Kinh Chánh kiến – Tăng I, 698

CHÁNH KIẾN – *Tăng* I, 698

❖ Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thực hành con đường thông suốt và có những căn bản thẳng tấn để đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là bốn?

- Tầm viễn ly,
- Tầm không sân,
- Tầm không hại,
- Chánh tri kiến.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hành con đường thông suốt và có những căn bản thẳng tấn để đoạn diệt các lậu hoặc.

38 Tầm viễn ly, tầm vô sân, tầm bất hại - Kinh VIỄN LY – Tăng II, 75

VIỄN LY – *Tăng* II, 75

1. - Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là bốn?

- **Thân** viễn ly, **tâm** không viễn ly;
- Thân không viễn ly, tâm viễn ly;
- Thân không viễn ly, tâm không viễn ly;
- Thân viễn ly và tâm viễn ly.

2. Này các Tỷ-kheo, thế nào là thân viễn ly, tâm không viễn ly?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống tại các núi non, khóm rừng, các trú xứ xa vắng; vị ấy nghĩ đến dục tầm, nghĩ đến sân tầm, nghĩ đến hại tầm. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người thân viễn ly, nhưng tâm không viễn ly.

3. Này các Tỷ-kheo, thế nào là thân không viễn ly, nhưng tâm viễn ly?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không sống tại các núi non, khóm rừng, các trú xứ xa vắng; vị ấy tại đó nghĩ đến tầm xuất ly, nghĩ đến tầm vô sân, nghĩ

đến tầm bất hại. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người thân không viễn ly, nhưng tâm viễn ly.

4. Này các Tỷ-kheo, thế nào là thân không viễn ly, tâm không viễn ly?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không sống tại các núi non, khóm rừng, các trú xứ xa vắng; Tại đấy, vị ấy nghĩ đến dục tầm, nghĩ đến sân tầm, nghĩ đến hại tầm. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người thân không viễn ly, nhưng tâm không viễn ly.

5. Này các Tỷ-kheo, thế nào là thân viễn ly và tâm viễn ly?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống tại các núi non, khóm rừng, các trú xứ xa vắng; vị ấy tại đó nghĩ đến tầm xuất ly, nghĩ đến tầm không sân, nghĩ đến tầm không hại. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người thân viễn ly và tâm viễn ly.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

39 Từ bỏ hoàn toàn các tầm cầu - Kinh TRÁNH NÉ – Tăng I, 626

TRÁNH NÉ – *Tăng* I, 626

1. - Tỷ-kheo **trừ khử sự thật cá nhân, đã từ bỏ hoàn toàn các tầm cầu hay thân hành được khinh an, vị ấy được gọi là vị độc hành**.

Và này các Tỷ-kheo thế nào là Tỷ-kheo đã trừ khử sự thật cá nhân?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các sự thật cá nhân phổ thông của các Sa-môn, Bà-la-môn nói chung, ví như thế giới là thường còn, hay thế giới là không thường còn, hay thế giới là có giới hạn, hay thế giới là không giới hạn, sinh mạng và thân này là một, hay sinh mạng và thân này là khác, Như Lai sau khi chết có tồn tại, hay Như Lai sau khi chết không tồn tại, hay Như Lai sau khi chết có tồn tại và không tồn tại, hay Như Lai sau khi chết không có tồn tại và không không tồn tại. Tỷ-kheo đối với tất cả các sự thật cá nhân ấy đã trừ khử, đã xả bỏ, đã nhổ ra, đã giải thoát, đã đoạn tận, đã từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo trừ khử sự thật cá nhân.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đã từ bỏ hoàn toàn các tầm cầu?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo, dục tầm cầu được đoạn tận, hữu tầm cầu được đoạn tận, Phạm hạnh tầm cầu được khinh an. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đã từ bỏ hoàn toàn các tầm cầu.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thân hành được khinh an?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như vậy này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo thân hành được khinh an.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo độc cư?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo ngã mạn được đoạn tận, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm như thân cây ta-la, được khiến cho không thể hiện hữu, khiến cho không thể sanh khởi trong tương lai.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo độc cư, Tỷ-kheo trừ khử sự thật cá nhân, này các Tỷ-kheo, đã từ

bỏ hoàn toàn các tầm cầu, hay thân hành được khinh an, vị ấy được gọi là vị độc hành.

5. Dục và hữu tầm cầu,
Cùng Phạm hạnh tầm cầu,
Chấp thủ sự thật này,
Chỗ kiến xứ chất chứa,
Ai không thích mọi tham,
Giải thoát được ái diệt,
Các tầm cầu từ bỏ,
Kiến xứ được nhổ lên,
Tỷ kheo ấy an tịnh,
Thật chánh niệm khinh an,
Không bị ai chiến bại,
Minh kiến được kiêu mạn,
Vị ấy được danh xưng,
Bậc Giác ngộ độc cư.

40 Đối trị 3 ác tầm - Kinh SUY TẦM – Tăng III, 265

SUY TẦM –(TẦM) *Tăng* III, 265

1.- Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này.

2. Thế nào là ba? - *Dục tầm, sân tầm, hại tầm.*

Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này. Để đoạn tận ba pháp này, ba pháp cần phải tu tập.

3. Thế nào là ba?

- Để đoạn tận dục tầm, **xuất ly tầm** cần phải tu tập.
- Để đoạn tận sân tầm, **vô sân tầm** cần phải tu tập.
- Để đoạn tận hại tầm, **bất hại tầm** cần phải tu tập.

Để đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, ba pháp này cần phải tu tập.

TƯỞNG –*Tăng* III, 266

... (Như kinh trên, chỉ có tưởng thế cho tầm).

GIỚI - *Tăng* III, 266

...(như kinh trên, chỉ có giới thế cho tầm).